

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO – BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
∞  ∞

Khoa:.....

Bộ môn:.....

NHIỆM VỤ THIẾT KẾ TỐT NGHIỆP

TRƯỜNG ĐẠI HỌC GTVT TP.HCM
THƯ VIỆN

KT09-40
189

Họ và tên sinh viên:..... Nguyễn Thị Thuý Hằng.....

Lớp:..... KT02..... Khóa:.....

Tên đề tài:..... Tình hình hoạt động của các khu chợ xuất
trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh. Thúc đẩy và giải
pháp phát triển.....

Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ thiết kế tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, tiến trình cần tính toán và các bản vẽ)

- Tổng quan về hình thức kiến trúc: Tổng quan về hình thức kiến trúc, có thể phân loại kỹ thuật.
- Đánh giá chung trạng thái các khu chức năng.
 - + Vấn đề tư
 - + Ngân sách, phân bổ
 - + Kinh doanh xNK.
 - + Vấn đề khác.
- Giải pháp phát triển.

Các số liệu cần để thiết kế:

Theo yêu cầu nhiệm vụ thực

PHẦN NHẬN XÉT TÓM TẮT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

. Tinh thần thái độ, sự cố gắng trong quá trình làm thiết kế tốt nghiệp của sinh viên:

- Chịu khó tìm hiểu thực tế, thu thập số liệu đầu vào và phân tích tổng hợp các vấn đề theo kế hoạch.

2. Đánh giá về chất lượng của công trình TKTN (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ TKTN trên các mặt: lý luận, thực tiễn, tính toán giá trị sử dụng, chất lượng bản vẽ...)

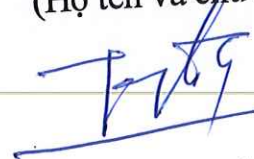
- Bố cục đề tài hợp lý và đúng theo yêu cầu nhiệm vụ của TKTN.
- Phân tích và tổng hợp tài liệu đúng hướng nay của các khu vực xuất phát từ bản đồ TP HCM

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn:
(Điểm ghi bằng chữ và bằng số)

Điểm bằng chữ)

Ngày...18...tháng...1...năm...2007...

Cán bộ hướng dẫn chính
(Họ tên và chữ ký)


Nguyễn Văn Khương

CÁC CÁN BỘ HƯỚNG DẪN THIẾT KẾ TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Nguyễn Văn Khương

Nội dung hướng dẫn:

Toán học

Người hướng dẫn thứ hai:

Nội dung hướng dẫn:

Địa điểm thực tập tốt nghiệp:

Nhiệm vụ thiết kế tốt nghiệp được giao
ngày.....tháng.....năm.....và đã hoàn thành xong trước
ngày.....tháng.....năm.....

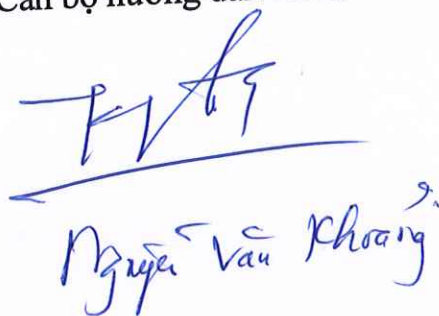
Đã nhận nhiệm vụ TKTN

Sinh viên



Nguyễn Thị Thủy Hằng

Cán bộ hướng dẫn TKTN


Nguyễn Văn Khương

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày...10...tháng...01...năm...2007



TS. Nguyễn Văn Thư

NHẬN XÉT VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA CÁN BỘ CHẤM PHẢN BIỆN CÔNG TRÌNH THIẾT KẾ TỐT NGHIỆP

1. Đánh giá chất lượng của công trình thiết kế tốt nghiệp về các mặt thu thập và phân tích số liệu ban đầu, cơ sở lý luận chọn phương án tối ưu, cách tính toán, chất lượng thuyết minh và bản vẽ, giá trị lý luận và thực tiễn của công trình.

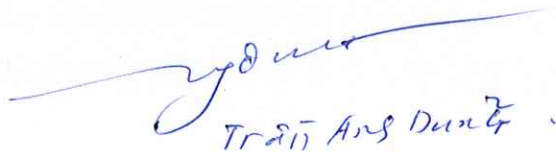
- Đã giải quyết đủ các nội dung yêu cầu của đề tài.
- Tham khảo nhiều tài liệu
- Trình bày và phân tích rõ ràng
- Đề tài sẽ tốt hơn nếu khi phân tích liên kết gần với kinh tế vùng & Miền. Việc điểu hướng trong hoàn cảnh Việt nam tham gia WTO chưa rõ nét.

2. Cho điểm của cán bộ chấm phản biện:

Đủ điều kiện bảo vệ

Ngày...18...tháng...01...năm 2007.....

Học vị, chức vụ, họ tên, chữ ký
của cán bộ chấm đề án


Trần Anh Dũng

MỤC LỤC

Lời nói đầu	03
PHẦN I: GIỚI THIỆU TỔNG QUAN VỀ KHU CHẾ XUẤT	06
Chương I: Tổng quan về Khu chế xuất	06
1.2/. Tổng quan về Khu chế xuất	06
2.1/ Khái niệm về Khu chế xuất	06
2.2/ Đặc điểm Khu chế xuất	07
1.3/. Vai trò của Khu chế xuất	07
Chương II: Giới thiệu tổng quát về các Khu chế xuất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh	14
II.1/. Khu chế xuất Tân Thuận.....	14
II.2/. Khu chế xuất Linh Trung	16
II.2.1/. Khu chế xuất Linh Trung I	
II.2.2/. Khu chế xuất Linh Trung II	
II.2.3/. Khu chế xuất Linh Trung III	
Chương III: Mô hình quản lý Khu chế xuất Thành phố Hồ Chí Minh	20
III.1/. Giới thiệu về Ban quản lý Khu chế xuất – Khu công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh.....	20
III.2/. Nhiệm vụ_chức năng một số bộ phận của Ban quản lý Khu chế xuất – Khu công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh.	22
Chương IV: Hành lang pháp lý	33
IV.1/. Quy định chung cho Khu chế xuất.....	33
IV.2/. Quy định cho các doanh nghiệp chế xuất.....	35
IV.3/. Các ưu đãi thuế đối với Doanh nghiệp Khu chế xuất.	38
IV.4/. Ưu đãi tài chính đối với Doanh nghiệp việt Nam trong Khu chế xuất.	40
IV.5/. Cơ chế, chính sách khuyến khích và hỗ trợ đầu tư vào KCX.....	42

PHẦN II: THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN CÁC KHU CHẾ XUẤT TRÊN ĐỊA BÀN	
HÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	44
Chương I: Thành Phố Hồ Chí Minh – Trung tâm Kinh tế của cả nước	44
1/ Giới thiệu tổng quan về thành phố Hồ Chí Minh	44
2/ Định hướng phát triển kinh tế - xã hội Thành phố Hồ Chí Minh	47
lên năm 2010	49
3/ Vai trò của Khu chế xuất đối với sự phát triển của Thành phố	49
Chương II: Thực trạng phát triển Khu chế xuất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh	54
II.1/ Tình hình thu hút vốn đầu tư	54
II.2/ Tình hình kim ngạch xuất nhập khẩu các Khu chế xuất	63
II.3/ Các vấn đề khác tại các Khu chế xuất	66
PHẦN III: PHƯƠNG HƯỚNG, GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN CÁC KHU CHẾ XUẤT TRONG THỜI GIAN TỚI	74
III.1/ Giải pháp nhằm thu hút vốn đầu tư vào các Khu chế xuất	74
III.2/ Xây dựng Khu chế xuất theo hướng tăng cường liên kết giữa các doanh nghiệp và phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ	78
III.3/ Giải pháp đối với người lao động trong Khu chế xuất	86
III.4/ Định hướng phát triển các Khu chế xuất trong thời kỳ hội nhập WTO	87
III.5/ Một số giải pháp đối với vấn đề khác	88
Tài liệu tham khảo	91

Lời nói đầu

Trong nhiều thập kỷ qua, việc phát triển các Khu công nghiệp và Khu chế xuất đã được coi là một giải pháp quan trọng nhằm thu hút vốn đầu tư nước ngoài, đẩy nhanh quá trình Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền Công nghiệp quốc gia hướng về xuất khẩu của nhiều quốc gia trên thế giới, đặc biệt là các nước đang phát triển ở khu vực Châu Á Thái Bình Dương, trong đó có nước ta.

Đối với nước Việt Nam ta, để thực hiện công cuộc Công nghiệp Hóa, Hiện đại hóa nền kinh tế nước nhà thành công, ngày từ những buổi đầu giành được độc lập, chúng ta đã khẳng định rõ để phát triển kinh tế thì chúng ta phải dựa vào nội lực là chính. Tuy nhiên, với xuất phát điểm là một nước nông nghiệp lạc hậu, nền kinh tế yếu kém, thu nhập quốc dân và thu nhập đầu người còn rất thấp nên nguồn vốn để ta phát triển nền kinh tế trong nước chính là dựa vào nguồn vốn đầu tư từ nước ngoài.

Xuất phát từ mục tiêu, chiến lược phát triển kinh tế của đất nước ta cũng như kinh nghiệm của số nước trên thế giới trong việc phát triển các Khu công nghiệp và Khu chế xuất, ngày 12/10/1991 Nghị định 322/HĐBT đã ban hành Quy chế về Khu chế xuất và đến năm 1994, Nhà nước đã ban hành Nghị định 192/CP quy định quy chế Khu công nghiệp, Khu chế xuất và cho phép thành lập Khu công nghiệp, Khu chế xuất ở một số địa phương có điều kiện thuận lợi.

Khu công nghiệp, Khu chế xuất hình thành và phát triển gắn liền với công cuộc Đổi mới được khởi xướng từ Đại hội Đại biểu toàn quốc Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ VI (1986). Đại hội VI đã đánh dấu bước đổi mới căn bản về nhận thức và tư duy về kinh tế mà trọng tâm là chủ trương chuyển từ cơ chế kinh tế kế hoạch hoá tập trung sang cơ chế kinh tế hàng hoá nhiều thành phần. Việc hình thành mô hình KCN, KCX kiểu mới đang được áp dụng hiện nay - nơi tập trung và thu hút các thành phần kinh tế thay thế dần cho mô hình KCN kiểu

cũ - nơi tập trung các doanh nghiệp quốc doanh thuộc các ngành công nghiệp nặng bắt nguồn từ tư duy đổi mới về kinh tế tại Đại hội VI.

Thành phố Hồ Chí Minh với những điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế đã thành lập Khu chế xuất Tân Thuận ngay từ những ngày đầu khi Việt Nam ta có chủ trương thành lập Khu công nghiệp và Khu chế xuất để phát triển nền kinh tế trong nước. Sau Khu chế xuất Tân Thuận là hàng loạt các Khu công nghiệp và Khu chế xuất ra đời, đánh dấu sự chuyển mình rõ rệt của đất nước ta.

Hiện nay Thành phố Hồ Chí Minh có 16 Khu công nghiệp và Khu chế xuất được thành lập và phát triển, góp phần không nhỏ vào sự phát triển của đất nước nói chung và của Thành phố nói riêng.

Từ khi thành lập đến nay các Khu chế xuất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đã đem lại hiệu quả rất lớn trong việc thu hút vốn đầu tư cũng như tăng kim ngạch xuất nhập khẩu thu nguồn ngoại tệ lớn cho đất nước, và một số vấn đề khác nữa cũng được giải quyết. Tuy nhiên cũng giống như tình trạng chung, các Khu công nghiệp và Khu chế xuất hiện nay đã không còn hấp dẫn các nhà đầu tư nữa vì nền kinh tế trong nước đã mở cửa, Việt Nam đã chính thức trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới WTO. Với lý do đó thì việc đầu tư vào các Khu công nghiệp nói chung và các Khu chế xuất nói riêng đã trở nên bão hòa.

Vì vậy nghiên cứu một cách nghiêm túc những vấn đề lý luận cũng như thực tiễn về phát triển các Khu chế xuất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh trong thời gian qua để làm luận cứ cho việc đề ra một số biện pháp tích cực để phát triển các Khu chế xuất hiệu quả hơn trong thời kỳ hội nhập như hiện nay là hết sức quan trọng.

Khóa luận được chia làm 03 phần:

Phần I: Giới thiệu tổng quan về Khu chế xuất.

Phần II: Thực trạng phát triển các Khu chế xuất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Minh.

Phần III: Phương hướng, giải pháp phát triển các Khu chế xuất trong thời gian tới.

Do đề tài là một vấn đề phức tạp, đôi khi còn đòi hỏi kiến thức vĩ mô chuyên sâu và khả năng phân tích cao nên khóa luận khó tránh khỏi những thiếu sót. Vì vậy em rất mong nhận được sự chỉ bảo và góp ý của các thầy cô.

Em xin chân thành cảm ơn Thầy Nguyễn Văn Khoáng cùng toàn thể các thầy cô trong Khoa Kinh tế vận tải biển - trường Đại Học Giao Thông Vận tải Thành phố Hồ Chí Minh đã giúp em hoàn thành khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn!

PHẦN I: GIỚI THIỆU TỔNG QUAN VỀ KHU CHẾ XUẤT

Chương I: TỔNG QUAN VỀ KHU CHẾ XUẤT

I.1/. Khái niệm về Khu chế xuất:

Khu chế xuất (Export Processing Zone) là từ gọi tắt của Khu chế biến xuất khẩu, Khu chế xuất có nhiều tên gọi khác nhau với các định nghĩa khác nhau.

Theo các chuyên gia thì khu chế xuất ngày nay là dự án phát triển, hoàn thiện của cảng tự do (Free Port) và các khu vực mậu dịch tự do (Free Trade Zone).

Cảng tự do là những cảng áp dụng quy chế thuế quan đặc biệt: các thương nhân thông qua tàu biển có thể mang hàng hóa và tiền tệ vào cảng một cách tự do không phải đóng thuế, chỉ khi nào chuyển hàng hóa đó vào nội địa mới phải nộp thuế. Từ năm 1229 hải cảng Marseille đã lập ra cảng tự do đầu tiên trên thế giới.

Khu vực mậu dịch tự do cũng thường được xây dựng gần cảng, hàng hóa mang vào khu mậu dịch một cách tự do không phải đóng thuế, khu mậu dịch tự do đầu tiên được thành lập tại New York vào năm 1973.

Theo khái niệm của UNIDO thì Khu chế xuất được định nghĩa như sau: “Khu chế xuất là một khu vực tương đối nhỏ, phân cách về địa lý trong một quốc gia nhằm mục tiêu thu hút các xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hướng về xuất khẩu bằng cách cung cấp cho các xí nghiệp những điều kiện về đầu tư và mậu dịch thuận lợi đặc biệt so với nội địa. Đặc biệt, Khu chế xuất cho nhập khẩu hàng hóa dùng cho sản xuất xuất khẩu miễn thuế trên cơ sở kho quá cảng.”

Theo Nghị định 36/CP của Chính phủ ban hành ngày 24/04/1997: “Khu chế xuất là Khu công nghiệp tập trung các doanh nghiệp chế xuất chuyên sản xuất hàng xuất khẩu, thực hiện các dịch vụ cho sản xuất hàng xuất khẩu và hoạt động xuất khẩu, có ranh giới địa lý xác định, không có dân cư sinh sống, do Chính phủ hoặc Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập”.

Doanh nghiệp chế xuất: là doanh nghiệp chuyên sản xuất hàng xuất khẩu, thực hiện các dịch vụ chuyên cho sản xuất hàng xuất khẩu và hoạt động xuất khẩu được thành lập và hoạt động theo Nghị định 36/CP.

1.2/. Đặc điểm của Khu chế xuất:

- Đó là một khu đất thuộc lãnh thổ của một nước được quy hoạch tách riêng ra, thường được ngăn bằng hàng rào kiên cố để hoạt động cách biệt với phần nội địa. Trong Khu chế xuất không có cư dân sinh sống.
- Mục đích hoạt động của Khu chế xuất là thu hút các nhà sản xuất công nghiệp nước ngoài và trong nước có định hướng hoạt động xuất khẩu bằng những biện pháp đặc biệt ưu đãi về thuế quan, về các điều kiện mậu dịch và các loại thuế.
- Hàng hóa, tư liệu sản xuất nhập vào Khu chế xuất để sản xuất hàng xuất khẩu được miễn giảm thuế hải quan (nếu nhập khẩu từ Khu chế xuất vào nội địa phải nộp thuế nhập khẩu).
- Các chủ đầu tư nước ngoài được ưu tiên vào Khu chế xuất hoạt động.
- Công ty khu chế xuất là một doanh nghiệp hoạt động theo chế độ hạch toán kinh tế, kinh doanh các loại dịch vụ cho thuê.

Ngày nay, cùng với tiến trình hội nhập kinh tế toàn cầu, các biện pháp bảo hộ mậu dịch (thuế quan và phi thuế quan) giảm dần vai trò, dẫn tới tính đặc trưng và hấp dẫn của Khu chế xuất truyền thống không còn nữa thì công năng hoạt động của Khu chế xuất có xu hướng thay đổi từ chỗ Khu chế xuất chủ yếu sản xuất hàng công nghiệp phục vụ xuất khẩu sang **Khu trị giá gia tăng** thực hiện các loại dịch vụ phục vụ cho xuất khẩu (trở thành khu logistic phục vụ cho xuất khẩu).

1.3/. Vai trò của Khu chế xuất đối với việc nâng cao trình độ công nghệ, quản lý doanh nghiệp và hiện đại hóa hệ thống kết cấu hạ tầng:

Quá trình phát triển các Khu chế xuất ở Việt Nam trong những năm qua đã thể hiện sự đúng đắn trong đường lối phát triển kinh tế của Đảng. Các Khu chế xuất đã có những đóng góp không nhỏ trong việc tăng kim ngạch xuất khẩu, nâng cao trình độ và hiện đại hóa công nghệ, tăng cường khả năng tổ chức quản lý sản xuất và quản lý nhà nước, từ đó làm giảm chi phí sản xuất, tăng cường

năng lực cạnh tranh của sản phẩm trong quá trình hội nhập.

Khu chế xuất ở nước ta được hình thành và phát triển từ năm 1991, khởi đầu là Khu chế xuất Tân Thuận tại Thành phố Hồ Chí Minh. Trong 15 năm phát triển, kết quả hoạt động của các Khu chế xuất đã góp phần thúc đẩy công nghiệp phát triển, tăng trưởng kinh tế, hình thành các trung tâm công nghiệp gắn liền với phát triển đô thị, đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng Công nghiệp hóa, Hiện đại hóa, góp phần giải quyết việc làm cho lao động địa phương, đào tạo cán bộ quản lý, công nhân lành nghề, tạo điều kiện để xử lý các tác động tới môi trường một cách tập trung. Các Khu chế xuất thực sự đóng vai trò tích cực trong công cuộc Công nghiệp hóa, Hiện đại hóa đất nước.

Việc đưa các Khu chế xuất đi vào hoạt động mang lại nhiều lợi ích kinh tế. Mục đích chính của nó là để nâng cao kim ngạch xuất khẩu của nước ta, bù đắp bớt một phần thâm hụt trong cán cân thanh toán.

- ❖ Tăng khả năng thu hút vốn đầu tư nước ngoài vì Khu chế xuất thường là nơi tập trung nhiều lợi thế nhất của nước chủ nhà, đồng thời vào Khu chế xuất hoạt động được hưởng nhiều sự ưu tiên ưu đãi về thuế, về chế độ khuyến khích đầu tư nên hấp dẫn các chủ đầu tư bỏ vốn vào kinh doanh sản xuất tại Khu chế xuất.
- ❖ Tiếp nhận khoa học kỹ thuật và kinh nghiệm quản lý tiên tiến của các chủ đầu tư nước ngoài.
- ❖ Tạo công ăn việc làm cho người lao động ở nước sở tại, đồng thời cũng nâng cao đáng kể chất lượng lao động của công nhân.
- ❖ Tăng thu ngoại tệ cho nước chủ nhà thông qua tiền thu các dịch vụ: điện nước, thông tin liên lạc, tiền cho thuê mặt bằng nhà xưởng, tiền thuế sử dụng đất đai, thuế môn bài, thuế xuất nhập khẩu do có hoạt động mua bán giữa Khu chế xuất và nội địa...
- ❖ Thúc đẩy sự phát triển kinh tế và xã hội trong vùng, thay đổi cảnh quan của một vùng lãnh thổ như: cải tạo hạ tầng cơ sở (đường xá, cầu cống, điện nước,...) trong Khu chế xuất và các vùng lân cận, tạo ra phản ứng dây chuyền kích thích các vùng và các ngành khác phát triển.
- ❖ Nguồn tài nguyên thiên nhiên được khai thác có hiệu quả.

a/. Vai trò của KCX trong việc nâng cao trình độ công nghệ, hiện đại hoá cách thức quản lý sản xuất:

Khu chế xuất là khu vực có những điều kiện thuận lợi về cơ sở hạ tầng

cùng với nhiều chính sách ưu đãi đầu tư được áp dụng. Đây chính là điểm đến lý tưởng của các nhà đầu tư, đặc biệt là với nhà đầu tư nước ngoài. Một số công nghệ tiên tiến, hiện đại trên thế giới cùng trình độ quản lý cao của đội ngũ cán bộ doanh nghiệp, trình độ tay nghề của công nhân theo các chuẩn mực quốc tế đã được áp dụng tại Việt Nam. Đây cũng là những nhân tố quan trọng góp phần để nước ta thực hiện việc chủ động hội nhập kinh tế quốc tế.

Khu chế xuất là nơi tiếp nhận công nghệ mới, tập trung những ngành nghề mới, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng Công nghiệp hóa, Hiện đại hóa. Cùng với dòng vốn đầu tư nước ngoài đầu tư vào các dự án sản xuất kinh doanh trong Khu chế xuất, các nhà đầu tư còn đưa vào Việt Nam những dây chuyền sản xuất với công nghệ tiên tiến, hiện đại, trong đó có cả những dự án công nghiệp kỹ thuật cao (phần lớn của Nhật Bản. những lĩnh vực mà chúng ta còn yếu kém và cần khuyến khích phát triển như cơ khí chính xác, điện tử...

Các dự án đầu tư vào Khu chế xuất tập trung chủ yếu vào các ngành công nghiệp nhẹ như dệt may, da giày, công nghiệp chế biến thực phẩm (chiếm trên 50% tổng số dự án), đây là các dự án thu hút nhiều lao động, có tỷ lệ xuất khẩu cao và đã góp phần nâng cấp các ngành này về dây chuyền công nghệ, chất lượng sản phẩm... Tuy nhiên, các Khu chế xuất cũng đã thu hút được các dự án có quy mô và yêu cầu vốn lớn, công nghệ cao như dầu khí, sản xuất ô tô, xe máy, dụng cụ văn phòng, cơ khí chính xác, vật liệu xây dựng... Mặc dù số lượng các dự án này trong Khu chế xuất mới chiếm khoảng 5-10% số dự án, nhưng cũng đã góp phần phát triển và đa dạng hoá cơ cấu ngành nghề công nghiệp.

Các doanh nghiệp trong Khu chế xuất đã góp sức đào tạo được đội ngũ lao động công nghiệp sử dụng và vận hành thành thạo các trang thiết bị phục vụ quản lý và sản xuất, nắm vững công nghệ, có tác động lan toả và nâng trình độ tay nghề của đội ngũ lao động Việt Nam lên một bước. Một lượng đáng kể người lao động Việt Nam được đảm nhận các vị trí quản lý doanh nghiệp, được tiếp xúc với phương thức quản trị doanh nghiệp tiên tiến, hiện đại, kỹ năng marketing, quản lý tài chính, tổ chức nhân sự... Việc được trực tiếp làm việc trong môi trường có kỷ luật cao, yêu cầu tay nghề cao, đã rèn luyện được những kỹ năng và bản lĩnh làm việc giúp người lao động Việt Nam thích ứng với một nền công nghiệp tiên tiến, hiện đại.

b/. Vai trò của KCN, KCX trong việc hiện đại hoá hệ thống kết cấu hạ tầng

Qua 15 năm hình thành và phát triển Khu chế xuất ở Việt Nam, các Khu chế xuất đã và đang đóng vai trò quan trọng và tạo ra một khí thế phát triển mới cho nền kinh tế cả nước. Tại các vùng hay địa phương có các Khu chế xuất hoạt động mạnh thì mức độ tăng trưởng kinh tế ở đó cao hơn những nơi Khu chế xuất chưa có hoặc chưa phát triển.

Việc phát triển các Khu chế xuất trong thời gian qua không những thúc đẩy các ngành dịch vụ phát triển, đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa, góp phần đáng kể vào việc hiện đại hóa hệ thống kết cấu hạ tầng trong và ngoài Khu chế xuất. Điều này được thể hiện qua một số khía cạnh sau:

- Đẩy mạnh phát triển kết cấu hạ tầng các Khu chế xuất có tác dụng kích thích sự phát triển kinh tế địa phương, góp phần rút ngắn sự chênh lệch phát triển giữa nông thôn và thành thị, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Các điều kiện về kỹ thuật hạ tầng trong khu vực đã được cải thiện đáng kể, nhu cầu về các dịch vụ gia tăng, đã góp phần thúc đẩy hoạt động kinh doanh cho các cơ sở dịch vụ trong vùng.
- Cùng với các chính sách ưu đãi về tài chính và công tác quản lý thuận lợi của Nhà nước, có thể nói việc thu hút nguồn vốn để đầu tư xây dựng hoàn thiện và đồng bộ các kết cấu hạ tầng trong Khu chế xuất có vai trò quyết định trong việc thu hút đầu tư.
- Việc đầu tư hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật trong Khu chế xuất không những thu hút các dự án đầu tư mới mà còn tạo điều kiện cho các doanh nghiệp mở rộng quy mô để tăng năng lực sản xuất và cạnh tranh, hoặc di chuyển ra khỏi các khu đông dân cư, tạo điều kiện để các địa phương giải quyết các vấn đề ô nhiễm, bảo vệ môi trường đô thị, tái tạo và hình thành quỹ đất mới phục vụ các mục đích khác của cộng đồng.
- Quá trình xây dựng kết cấu hạ tầng trong và ngoài hàng rào Khu chế xuất còn đảm bảo sự liên thông giữa các vùng, định hướng cho quy hoạch phát triển các khu dân cư mới, các khu đô thị vệ tinh, hình thành các ngành công nghiệp phụ trợ, dịch vụ... các công trình hạ tầng xã hội phục vụ đời sống người lao động và cư dân trong khu vực như: nhà ở, trường học, bệnh viện, khu giải trí...

- Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đón bắt và thu hút đầu tư các ngành như điện, giao thông vận tải, hệ thống thông tin liên lạc, cảng biển, các hoạt động dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, xúc tiến đầu tư, phát triển thị trường địa ốc... đáp ứng nhu cầu hoạt động và phát triển của các Khu chế xuất.

I.4/ Một số vấn đề cần quan tâm trong quá trình phát triển KCX:

❖ Đứng sau những thành công, việc phát triển các Khu chế xuất vẫn còn những bất cập. Sự phát triển ồ ạt các Khu chế xuất trong thời gian qua thể hiện sự thiếu hệ thống, làm cho việc phát triển hạ tầng kỹ thuật trong và ngoài hàng rào Khu chế xuất không theo kịp. Việc quy hoạch cũng còn chậm hơn so với sự hình thành và phát triển của các khu dân cư và hạ tầng xã hội, đã làm một số Khu chế xuất hoạt động lúng túng và đành phát triển trong cảnh chấp vá. Trong các nguyên nhân dẫn đến tình trạng trên có một phần do đặc điểm của đầu tư cơ sở hạ tầng là có chu kỳ đầu tư dài, cường độ đầu tư cao, nếu đầu tư một lần phải đòi hỏi vốn lớn trong khi thời gian thu hồi chậm. Chất lượng quy hoạch còn thấp, việc hình thành, phân bố các Khu chế xuất còn dàn trải, xác định quỹ đất cần dùng thiếu căn cứ khoa học.

❖ Nhiều dự án trong Khu chế xuất đã được quy hoạch, phê duyệt nhưng tiến độ triển khai xây dựng chậm, làm nản lòng các doanh nghiệp có ý định đầu tư. Để đẩy nhanh tiến độ xây dựng kết cấu hạ tầng các Khu chế xuất, nhất thiết phải có đơn vị chuyên đầu tư, xây dựng kinh doanh cơ sở hạ tầng trong Khu chế xuất, tuy nhiên có một số doanh nghiệp hoạt động không hiệu quả, năng lực yếu.

❖ Một số địa phương vẫn coi Khu chế xuất đơn thuần là nơi tập hợp các doanh nghiệp công nghiệp tách rời, riêng lẻ nên chưa thực sự coi trọng công tác quy hoạch, thu hút đầu tư và phát triển đồng bộ cơ sở hạ tầng kỹ thuật để mang tính liên kết ngành nghề và nâng cao hiệu quả khai thác, tạo sức lan tỏa trong cả vùng, làm giảm sự hấp dẫn các nhà đầu tư trong nước cũng như ngoài nước.

❖ Công tác đền bù giải phóng mặt bằng để xây dựng và hoàn thiện cơ sở hạ tầng trong và ngoài Khu chế xuất vẫn đang là vấn đề nổi cộm

hiện nay, gây khó khăn không nhỏ cho các nhà đầu tư trong việc xây dựng và phát triển hạ tầng kỹ thuật, trong khi đó, các thủ tục hành chính còn nhiều phức tạp, nặng nề, qua nhiều khâu, chưa được tập trung giải quyết dứt điểm.

Để hạn chế những bất cập, ảnh hưởng xấu đến quá trình phát triển Khu chế xuất ở nước ta, cần giải quyết tốt những vấn đề sau:

✓ Xây dựng và điều chỉnh quy hoạch theo hướng mở rộng lĩnh vực đầu tư, gắn chặt quy hoạch ngành và quy hoạch địa phương với quy hoạch vùng, phát huy sức mạnh tổng hợp của Khu chế xuất. Yêu cầu đầu tiên đối với công tác quy hoạch là phải phù hợp với nhu cầu phát triển và khả năng thực tế của địa phương và cần có chính sách ưu tiên phát triển ngành trong từng khu, cụm dựa trên lợi thế của từng nơi, thực hiện sự phân công, hợp tác giữa các địa phương gắn với nhu cầu thị trường trong và ngoài nước.

✓ Xây dựng Khu chế xuất phải gắn với việc thực hiện quy hoạch hạ tầng kỹ thuật khu vực. Hoàn thiện và triển khai chính sách phát triển hạ tầng xã hội đối với khu vực xây dựng Khu chế xuất bảo đảm tính đồng bộ. Kết quả hoạt động và phát triển trong Khu chế xuất không được gây hệ quả tiêu cực cho khu vực về giao thông, môi trường và tệ nạn xã hội.

✓ Sử dụng đất hiệu quả, khắc phục ô nhiễm môi trường: Cần tập trung lấp đầy và khai thác hiệu quả các Khu chế xuất. Những dự án đầu tư phải hoàn tất các hạng mục công trình xử lý chất thải rắn, nước thải, khí thải... mới được phép hoạt động. Cần có biện pháp phối hợp giữa các Khu chế xuất trên một địa bàn và các địa phương trong bảo vệ môi trường, tránh gây ô nhiễm cho nhau.

✓ Hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật, chính sách đáp ứng yêu cầu của quá trình hội nhập theo hướng đối xử công bằng, thông thoáng và minh bạch.

✓ Đẩy mạnh công tác xúc tiến đầu tư vào các KCN.

✓ Tăng cường hiệu quả bộ máy quản lý nhà nước đối với các hoạt động đầu tư trong Khu chế xuất. Việc đẩy mạnh công tác đào tạo và

đào tạo lại cán bộ quản lý nhằm nâng cao trình độ là vấn đề cần quan tâm hàng đầu.

Quá trình phát triển các Khu chế xuất ở Việt Nam trong những năm qua đã thể hiện sự đúng đắn trong đường lối phát triển kinh tế của Đảng. Các Khu chế xuất đã có những đóng góp không nhỏ trong việc tăng kim ngạch xuất khẩu, nâng cao trình độ và hiện đại hoá công nghệ, tăng cường khả năng tổ chức quản lý sản xuất và quản lý nhà nước, từ đó làm giảm chi phí sản xuất, tăng cường năng lực cạnh tranh của sản phẩm trong quá trình hội nhập. Các Khu chế xuất cũng thể hiện vai trò không thể thiếu trong việc xây dựng và hiện đại hoá hệ thống kết cấu hạ tầng trong và ngoài Khu chế xuất nhằm thích ứng với nền công nghiệp tiên tiến, hiện đại, nó cũng đặt ra cho các cơ quan quản lý nhà nước những mục tiêu khắc phục các yếu kém, hạn chế, nâng cao hơn nữa hiệu quả và vai trò của Khu chế xuất trong các giai đoạn tới, góp phần tích cực hơn nữa vào sự nghiệp Công nghiệp hóa, Hiện đại hóa đất nước.

Chương II: GIỚI THIỆU TỔNG QUAN VỀ CÁC KHU CHẾ XUẤT TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM

Sau khi Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam được ban hành năm 1987, đầu tư nước ngoài vào Việt Nam tăng lên rất nhanh, song hầu hết tập trung vào lĩnh vực dịch vụ như khách sạn, nhà làm việc ... tại Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh. Đầu tư nước ngoài vào công nghiệp, nhất là công nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu gặp 2 khó khăn chính là: cơ sở hạ tầng yếu kém, thủ tục xin giấy phép đầu tư và triển khai dự án đầu tư phức tạp, mất nhiều thời gian. Dựa vào kinh nghiệm của nước ngoài, Chính phủ chủ trương thành lập Khu chế xuất để làm thí điểm một mô hình kinh tế nhằm thực hiện chủ trương đổi mới, mở cửa theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ VI năm 1986. Khởi đầu là KCX Tân Thuận, đến nay các địa phương trên cả nước hầu hết đều có KCN, KCX. Đến cuối tháng 12/2005, cả nước đã có 130 KCN, KCX được thành lập với tổng diện tích đất tự nhiên là 26.971 ha, trong đó diện tích đất công nghiệp có thể cho thuê là 18.085 ha. Các KCN, KCX được phân bố theo hướng vừa tập trung đẩy mạnh phát triển công nghiệp ở các vùng có lợi thế và tiềm năng, vừa tạo điều kiện để các địa phương có ít lợi thế hơn có động lực để thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH, HĐH, nâng cao trình độ phát triển kinh tế.

Xét riêng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh thì có 4 Khu chế xuất, đó là Khu chế xuất Tân Thuận, Khu chế xuất Linh Trung I, Khu chế xuất Linh Trung II và Khu chế xuất và Công nghiệp Linh Trung III. Cụ thể các Khu chế xuất đó như sau:

II.1/ Khu chế xuất Tân Thuận:

KCX Tân Thuận được thành lập nhằm áp dụng một mô hình mới, bước đi mới trong phát triển công nghiệp Việt Nam nói riêng và phát triển kinh tế- xã hội của cả nước nói chung thể hiện sự đúng đắn đường lối đổi mới của Đảng và Nhà nước ta. KCX Tân Thuận, với diện tích rộng 300 hecta (bằng 1,2% tổng diện tích các KCN, KCX của cả nước), do Công ty liên doanh xây dựng và kinh doanh KCX Tân Thuận làm chủ đầu tư với tổng



vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng là 89 triệu USD, vốn pháp định là 30 triệu USD.

Khu chế xuất Tân Thuận nằm trên bán đảo Tân Thuận Đông thuộc huyện Nhà Bè (nay là Quận 7) Thành Phố Hồ Chí Minh, ba phía được bao bọc bởi sông Sài Gòn, phía tây giáp Tỉnh lộ 15. Vị trí của Khu chế xuất vô cùng thuận lợi: có hệ thống cảng Sài Gòn bên cạnh, chỉ cách trung tâm thành phố khoảng 3 km và đến sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất khoảng nửa giờ xe.

Khu chế xuất Tân Thuận là là Khu chế xuất đầu tiên của Việt Nam được Nhà nước thành lập theo Quyết định của Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng (nay là Chính phủ) số 394/CT ngày 25/11/1991. Đến nay, Khu chế xuất Tân Thuận đã xây dựng xong, các hạng mục hạ tầng như san lấp mặt bằng, hệ thống đường sá, thoát nước, cấp điện, cấp nước, các tiện ích công cộng như phòng cháy chữa cháy, nhà máy xử lý nước thải, phòng khám đa khoa, khu sinh hoạt công nhân,...

Tỷ lệ lấp đầy: 82.03%

Tổng số nhà đầu tư vào Khu chế xuất Tân Thuận: 159

Tổng số vốn đầu tư: **841,972,119 USD**

Các ngành nghề thu hút vốn đầu tư: Điện tử, vi điện tử, điện gia dụng; chế tạo cơ khí; chế biến cao su thiên nhiên (đặc biệt là hàng cao su kỹ thuật) và nhựa (nhựa cao cấp), dệt, may, thêu, chế biến thực phẩm, quang học và hàng thủy tinh, dụng cụ y tế; dụng cụ thể thao cao cấp; sản phẩm giấy, sứ cao cấp (kể cả sứ vệ tinh); hàng trang sức; sản phẩm da (trừ thuộc da), lông động vật, giả da.

Tổng số lao động: 46,248 người.

Cơ sở hạ tầng của Khu chế xuất Tân Thuận:

- Giao thông: Đường giao thông nội bộ hoàn chỉnh.
- Cấp điện: Mạng điện chung của Thành phố Hồ Chí Minh từ trạm 66/15KV Nhà Máy Điện Hiệp Phước.
- Cấp nước: Nguồn nước Φ400.
- Thông tin liên lạc: Trong nước & Quốc tế.
- Xử lý nước thải: Công suất thiết kế 10,000m³/ngày.

- Giá thuê đất (m²): 108 USD cho 36 năm (đặt cọc 5%). Nhà xưởng/văn phòng: 4.0 USD/m²/tháng.
- Giá điện(KW/H): 0.075 USD.
- Giá nước(m³): 0.24 USD.

Công ty đầu tư hạ tầng: Công ty liên doanh Xây dựng và Kinh doanh Khu chế xuất Tân Thuận (TTC).

15 năm qua từ khi thành lập năm 1991 và đi vào hoạt động đến nay, Khu chế xuất Tân Thuận đã có 159 nhà đầu tư đến thuê đất, 82.03% diện tích đất cho thuê trong đó có 129 xí nghiệp đã có giấy phép đầu tư, trong 129 xí nghiệp đó thì có 115 xí nghiệp đã đi vào hoạt động.

II.2/ Khu chế xuất Linh Trung:

Khu chế xuất Linh Trung là dự án liên doanh giữa Việt Nam và Trung Quốc; bên Việt Nam là Khu chế xuất Sài Gòn (SEPZONE), bên Trung Quốc là China United Electric Import And Export Corp. Khu chế xuất Linh Trung gồm Khu I, Khu II và Khu III với tổng diện tích là 326.37 hecta. Tổng vốn đầu tư của dự án là 55,500,000 USD, vốn pháp định là 17,000,000 USD, mỗi bên góp 50%.



Khu chế xuất Linh Trung được xem là một trong những Khu công nghiệp thành công nhất tại Việt Nam, có danh tiếng trong giới đầu tư khu vực Châu Á. Kim ngạch xuất khẩu của khu trong năm 2006 đạt hơn 3% tổng kim ngạch xuất khẩu trong cả nước, tạo ra 1/10 tổng số cơ hội việc làm từ Khu chế xuất tại Việt Nam. Khu chế xuất Linh Trung là khu có tỷ lệ đầu tư, kim ngạch xuất khẩu, sản phẩm xuất khẩu và số lượng việc làm cao nhất tính trên bình quân hecta đất.

II.2.1/ Khu chế xuất Linh Trung I:

Tổng diện tích: 62 hecta.

Địa điểm: Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Hồ Chí Minh.

Chính thức hoạt động: năm 1995.

Tỷ lệ lấp đầy: 100%.

Tổng số nhà đầu tư vào Khu chế xuất Linh Trung I: 31.

Tổng số vốn đầu tư: 260,566,477 USD.

Các ngành nghề thu hút vốn đầu tư: Điện tử, vi điện tử, điện gia dụng; chế tạo cơ khí; chế biến sản phẩm cao su (đặc biệt là sản phẩm cao su kỹ thuật) và nhựa (nhựa cao cấp); dệt, may, thêu, chế biến thực phẩm, đồ uống từ nguyên liệu nông lâm, thủy sản, hải sản; dụng cụ y tế; dụng cụ thể thao cao cấp; sản phẩm giấy, bao bì; dược liệu, dược phẩm, hương liệu, mỹ phẩm; hàng trang sức; sản phẩm da (trừ thuộc da), lông động vật, giả da; sản phẩm bằng chất dẻo, đồ chơi trẻ em, lắp ráp phương tiện vận tải.

Tổng số lao động: 50,494 người.

Cơ sở hạ tầng của Khu chế xuất Linh Trung I:

- Giao thông: Đường giao thông nội bộ hoàn chỉnh.
- Cấp điện: Mạng điện chung của Thành phố Hồ Chí Minh từ trạm 110/15KV Thủ Đức Bắc.
- Cấp nước: Nguồn nước Φ350.
- Thông tin liên lạc: Trong nước & Quốc tế.
- Xử lý nước thải: Công suất thiết kế 6000m³/ngày.
- Giá thuê đất (m²): 100% đã sử dụng
- Giá điện (KW/H): 0.07 USD.
- Giá nước (m³): 0.38 USD.

Công ty đầu tư hạ tầng: Cty Sepzone Linh Trung.

II.2.2/ Khu chế xuất Linh Trung II:

Tổng diện tích: 61.7 hecta.

Địa điểm: Phường Bình Chiểu, Quận Thủ Đức, Hồ Chí Minh cách Khu chế xuất Linh Trung 17 Km.

Chính thức hoạt động: năm 2001

Tỷ lệ lấp đầy: 100%

Tổng số nhà đầu tư vào Khu chế xuất Linh Trung II: 42

Tổng số vốn đầu tư: 124,660,002 USD

Các ngành nghề thu hút vốn đầu tư: sản phẩm cơ khí; điện-điện tử; giấy (không

có bột giấy); bao bì đóng gói; may, dệt; chế biến thực phẩm, thức uống; hàng tiêu dùng, hàng gia dụng; sản phẩm gỗ, mây tre lá, da (không có thuộc da), lông thú, len; dụng cụ thể thao, giày dép.

Tổng số lao động: 14,682 người.

Cơ sở hạ tầng của Khu chế xuất Linh Trung II:

- Giao thông: Đường giao thông nội bộ hoàn chỉnh
- Cấp điện: Mạng điện chung của Thành phố Hồ Chí Minh từ trạm 110/15KV Thủ Đức Bắc.
- Cấp nước: Nguồn nước $\Phi 350$.
- Thông tin liên lạc: Trong nước & Quốc tế.
- Xử lý nước thải: Công suất thiết kế 3000m³/ ngày
- Giá thuê đất (m²): 100% đã sử dụng
- Giá điện(KW/H): 0.07 USD
- Giá nước(m³): 0.38 USD

Công ty đầu tư hạ tầng: Cty Sepzone Linh Trung

II.2.3/ Khu chế xuất và Công nghiệp Linh Trung III:

Địa điểm: Khu Chế Xuất và Công Nghiệp Linh Trung III có vị trí tại huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Giáp ranh với huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Nằm cạnh xa lộ Xuyên Á (đoạn Quốc Lộ 22). Hệ thống giao thông, liên lạc thuận tiện:

- Cách thị xã Tây Ninh 53 km.
- Cách trung tâm TP. Hồ Chí Minh 43 km.
- Cách sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất 37 km.
- Cách cảng container TP. Hồ Chí Minh 45 km.
- Cách Khu Chế Xuất Linh Trung I 48 km.
- Cách Khu Chế Xuất Linh Trung II 45 km.
- Cách cửa khẩu quốc tế Mộc Bài 28 km.
- Giáp giới với Vương quốc Campuchia.

Tổng diện tích: 202.67 hecta

Chính thức hoạt động: tháng 09/2003

Tỷ lệ lấp đầy: sẵn sàng cho thuê

Dịch vụ sẵn có phục vụ tại chỗ của Khu chế xuất Linh Trung III:

- + Nhà xưởng tiêu chuẩn xây sẵn, kho hàng.
- + Vận chuyển hàng hóa, làm thủ tục xuất nhập khẩu, khai báo hải quan.
- + Xử lý rác, xử lý chất độc hại.
- + Nhà ở cho chuyên gia và công nhân .
- + Câu lạc bộ thể dục thể thao phục vụ giải trí.
- + Hỗ trợ tư vấn (miễn phí) về thủ tục cấp giấy phép đầu tư.
- + Cung cấp suất ăn công nghiệp.
- + Cung cấp văn phòng phẩm.
- + Cung cấp nhiên liệu.
- + Cây xanh.
- + Dịch vụ cung ứng lao động.

Tổng số nhà đầu tư vào Khu chế xuất Linh Trung III: 41

Tổng số vốn đầu tư: 59,850,000 USD

Các ngành nghề thu hút vốn đầu tư: sản phẩm cơ khí; điện-điện tử; giấy (không có bột giấy); bao bì đóng gói; may, dệt; chế biến thực phẩm, thức uống; hàng tiêu dùng, hàng gia dụng; sản phẩm da (không có thuộc da), lông thú, len; dụng cụ thể thao, giày dép, chất phụ gia xây dựng,...

Chương III: MÔ HÌNH QUẢN LÝ KHU CHẾ XUẤT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

III.1/ Giới thiệu về Ban quản lý Khu chế xuất:

Ngay sau khi Quy chế khu chế xuất được ban hành và Khu chế xuất Tân Thuận được thành lập, Ban quản lý khu chế xuất Tân Thuận đã được thành lập theo Quyết định của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng số 62/CT ngày 26/2/1992, gồm 8 thành viên, Trưởng ban là ông Lữ Minh Châu - Phó Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước về Hợp tác và đầu tư, Phó ban là ông Nguyễn Công Ái - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, các Ủy viên là Vụ trưởng, Vụ phó đại diện cho các Bộ: Thương mại, Tài chính, Công an, Ngân hàng Nhà nước, Tổng cục Hải quan và Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi Khu chế xuất Linh Trung ra đời, Ban quản lý đổi tên thành Ban quản lý các Khu chế xuất thành phố Hồ Chí Minh và được sử dụng con dấu có hình quốc huy theo Thông báo số 433/KTĐN ngày 27/10/1992 của Văn phòng Chính phủ.

Sau khi một số Khu công nghiệp được thành lập, Ban quản lý các Khu chế xuất thành phố Hồ Chí Minh được chuyển thành Ban quản lý các khu chế xuất và công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 731/TTg ngày 03/10/1996. Từ đó đến nay, Thủ tướng Chính phủ đã bổ nhiệm các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố kiêm nhiệm Trưởng ban quản lý là ông Trần Thành Long - từ 1996 đến 1999, ông Trần Ngọc Côn - từ 1999 đến 2001. Từ 2001 ông Nguyễn Chơn Trung, Phó ban quản lý được bổ nhiệm Trưởng Ban quản lý.



Bộ máy giúp việc của Ban quản lý hình thành từ cuối năm 1992, đến năm 1997 đã ổn định về tổ chức, gồm có 5 Phòng nghiệp vụ, Văn phòng và Trung

tâm Dịch vụ việc làm. Từ năm 1999, Ban quản lý thực hiện thí điểm chế độ tự bảo đảm kinh phí hoạt động theo Công văn của Chính phủ số 15/CP-khu công nghiệp ngày 14/08/1998 và Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính số 45/1999/QĐ-BTC ngày 06/05/1999. Số lượng cán bộ công nhân viên chức được Ban tổ chức Cán bộ Chính phủ giao chỉ tiêu năm 2000 là 50 người trong biên chế lương và 15 người làm việc theo hợp đồng lao động.

Từ tháng 10/2000, Ban quản lý được chuyển giao trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 100/QĐ-TTg ngày 17/08/2000 Ban quản lý chịu sự chỉ đạo và quản lý về Tổ chức, biên chế, chương trình công tác và kinh phí hoạt động của Ủy ban nhân dân Thành phố, đồng thời chịu sự chỉ đạo về nghiệp vụ chuyên môn của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ quản lý ngành, lĩnh vực.

Bộ máy giúp việc cho Ban quản lý Khu chế xuất là các văn phòng. Ban quản lý Khu chế xuất gồm có trưởng ban, một số phó ban và ủy viên có con dấu riêng. Các thành viên Ban quản lý Khu chế xuất do Chủ tịch Hội Đồng Bộ Trưởng bổ nhiệm theo đề nghị của Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước về hợp tác và đầu tư và Chủ tịch Ủy Ban Nhân dân tỉnh, thành phố có Khu chế xuất.

Tùy theo nhu cầu, Ban quản lý Khu chế xuất có thể thành lập Ban tư vấn gồm các đại diện các xí nghiệp Khu chế xuất và một số chuyên gia. Ban quản lý Khu chế xuất có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

- Xây dựng quy hoạch phát triển, phương án hoạt động của Khu chế xuất, tuyên truyền vận động đầu tư vào Khu chế xuất.
- Tổ chức xây dựng và quản lý thực hiện quy hoạch chi tiết, tiến độ xây dựng, phát triển khu chế xuất và công nghiệp bao gồm : xây dựng qui hoạch phát triển công trình kết cấu hạ tầng ; qui hoạch bố trí ngành nghề ; tham gia phát triển công trình kết cấu hạ tầng ngoài khu chế xuất và công nghiệp có liên quan và khu dân cư phục vụ cho công nhân lao động tại khu chế xuất và công nghiệp.
- Xây dựng và thực hiện điều lệ Khu chế xuất.
- Theo uỷ quyền của Ủy ban Nhà nước về hợp tác và đầu tư, xem xét các dự án đầu tư vào Khu chế xuất và cấp giấy phép kinh doanh.
- Quy định mức lệ phí quản lý và điều hành Khu chế xuất trong phạm vi

- được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép.
- Quản lý về hành chính các hoạt động trong Khu chế xuất.
 - Cấp giấy chứng chỉ xuất xứ hàng hóa và các giấy chứng chỉ khác thuộc thẩm quyền của Ban quản lý.
 - Theo dõi và kiểm tra việc thực hiện các giấy phép kinh doanh.
 - Hòa giải các tranh chấp lao động và tranh chấp hợp đồng kinh tế theo yêu cầu của các bên đương sự.
 - Bảo đảm mọi hoạt động ở Khu chế xuất phù hợp với quy chế Khu chế xuất ban hành kèm theo Nghị định số 332/HĐBT ngày 18/10/1991 và Điều lệ của Khu chế xuất.

III.2/ Nhiệm vụ_chức năng một số bộ phận chính trong Ban quản lý Khu chế xuất:

a) Phòng ban quản lý xuất nhập khẩu:

❖ Chức năng: Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu có các chức năng tham mưu, giúp lãnh đạo Ban quản lý trong công tác hướng dẫn, giải quyết các thủ tục liên quan trong lĩnh vực xuất nhập khẩu theo qui định của pháp luật đối với các doanh nghiệp Khu chế xuất - Khu công nghiệp, giúp các doanh nghiệp Khu chế xuất - Khu công nghiệp về mặt quản lý Nhà nước gắn kết với doanh nghiệp nội địa trong quá trình sản xuất kinh doanh.

❖ Nhiệm vụ và quyền hạn:

○ Nghiên cứu, hệ thống, phổ biến và hướng dẫn doanh nghiệp Khu chế xuất, Khu công nghiệp thực hiện các quy định hiện hành của Nhà nước liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu.

○ Xử lý và trình lãnh đạo Ban quản lý duyệt các kế hoạch nhập khẩu của các doanh nghiệp Khu chế xuất và Khu công nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và ký các giấy phép chuyển bổ sung.

○ Xử lý và làm các thủ tục theo quy định để doanh nghiệp Khu chế xuất đưa máy móc thiết bị từ nội địa (nếu chủ hàng có nhu cầu), bán hàng hóa và phế liệu còn giá trị thương mại cho các doanh nghiệp nội địa theo các quy định hiện hành.

- Xử lý và trình lãnh đạo Ban quản lý xét duyệt việc cho mượn hàng hóa hoặc máy móc thiết bị giữa các doanh nghiệp Khu chế xuất và doanh nghiệp nội địa (tạm xuất, tái nhập hoặc tạm nhập tái xuất) kể cả hỗ trợ máy móc thiết bị thực hiện hợp đồng gia công.

- Xử lý, thực hiện công tác cấp giấy chứng nhận xuất xứ mẫu D cho các doanh nghiệp Khu chế xuất và Khu công nghiệp trong khuôn khổ cơ chế CEPT của ASEAN.

- Hướng dẫn các doanh nghiệp Khu chế xuất, Khu công nghiệp về những thủ tục liên quan đến hạn ngạch xuất khẩu hàng dệt may vào thị trường EU và các “thị trường Quota” khác. Xét và trình lãnh đạo ký các loại giấy chứng nhận khác cần thiết trong quá trình xuất khẩu của các doanh nghiệp.

- Đôn đốc các doanh nghiệp Khu chế xuất, Khu công nghiệp thực hiện chế độ báo cáo thống kê số liệu xuất nhập khẩu; thống kê cập nhật số liệu xuất nhập khẩu, lập báo cáo theo yêu cầu của lãnh đạo Ban quản lý và cấp trên. Tổng hợp các số liệu xuất nhập khẩu phục vụ cho công tác thu phí duy trì bảo dưỡng cơ sở hạ tầng theo quy định của Bộ Tài Chính.

- Tập hợp thông tin về nhu cầu nguyên liệu, vật tư của các doanh nghiệp trong Khu chế xuất và Khu công nghiệp, đề xuất khả năng thay thế nguồn nhập khẩu bằng nguồn nội địa. Biên soạn các tài liệu và làm đầu mối cung cấp hoặc tiêu nhận thông tin cho các doanh nghiệp hữu quan nhằm mục tiêu tăng tỷ lệ nội địa hóa trong sản phẩm của doanh nghiệp.

- Tạo điều kiện và giúp đỡ các đối tác triển khai các chương trình tiếp xúc với nhau để thực hiện các tác nghiệp của mình trong khâu tiếp thị qua đó xác lập các quan hệ hợp đồng, hợp tác của các bên.

- Ngoài những nhiệm vụ nêu trên, phòng thực hiện những công việc khác do lãnh đạo Ban quản lý giao.

❖ Phòng xuất nhập khẩu tiếp nhận và giải quyết các công việc như sau:

- Hướng dẫn việc lập và trình lãnh đạo Ban quản lý duyệt kế hoạch nhập khẩu đối với Doanh nghiệp đầu tư Nước ngoài.

- Hướng dẫn việc lập và trình lãnh đạo Ban quản lý duyệt đơn xin phê chuẩn Danh mục Hàng nhập khẩu từ nội địa Việt Nam.

- Hướng dẫn việc lập và trình lãnh đạo Ban quản lý duyệt đơn xin phê chuẩn Danh mục Hàng xuất khẩu từ nội địa Việt nam.
- Hướng dẫn việc lập và trình lãnh đạo Ban quản lý duyệt đơn xin phê chuẩn Danh mục Hàng xuất khẩu
- Hướng dẫn việc lập và trình Lãnh đạo Ban quản lý duyệt đơn xin phê chuẩn Danh mục hàng nhập khẩu ngoài Kế hoạch được duyệt
- Hướng dẫn việc lập và trình Lãnh đạo Ban quản lý duyệt đơn xin tạm xuất/tái xuất nhập máy móc và phương tiện đưa vào nội địa để hỗ trợ gia công
- Hướng dẫn, tiếp nhận và trình Lãnh đạo phê duyệt công văn của Doanh nghiệp Khu chế xuất về việc cho Doanh nghiệp nội địa mượn máy móc thiết bị, vật tư, nguyên liệu sản xuất.
- Hướng dẫn, tiếp nhận và trình lãnh đạo phê duyệt công văn của Doanh nghiệp Khu chế xuất về việc mượn Doanh nghiệp nội địa máy móc thiết bị, vật tư, nguyên liệu sản xuất...
- Hướng dẫn việc lập và trình lãnh đạo Ban quản lý duyệt công văn tạm xuất máy móc thiết bị ra nội địa để sửa chữa Hướng dẫn việc lập và trình lãnh đạo Ban quản lý cấp giấy chứng nhận xuất xứ mẫu D (C/O FORM D)
- Hướng dẫn Doanh nghiệp các thủ tục có liên quan đến hạn ngạch xuất khẩu của hàng dệt may vào các thị trường có hạn ngạch theo quy định của bộ Thương mại
- Hướng dẫn việc thực hiện chế độ báo cáo thống kê về xuất nhập khẩu theo quy định.

b) Phòng quản lý đầu tư:

❖ Chức năng: Phòng Quản lý Đầu tư có chức năng tham mưu, giúp lãnh đạo Ban quản lý trong việc quy hoạch phát triển đầu tư vào các Khu chế xuất - Khu công nghiệp; tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư; tiếp nhận hồ sơ dự án xin phép đầu tư cấp; tổ chức thẩm định theo uỷ quyền; cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy phép đầu tư; giải quyết một số thủ tục hành chính liên quan theo sự phân công của lãnh đạo Ban quản lý.

❖ Nhiệm vụ và quyền hạn:

- Tham mưu cho Ban quản lý xây dựng hệ thống các văn bản quản lý

hành chánh Nhà nước liên quan đến lập hồ sơ dự án đầu tư; cấp, đăng ký, điều chỉnh và thu hồi giấy phép đầu tư; chứng nhận các hợp đồng thuê đất trong Khu chế xuất, Khu công nghiệp và giúp Ban quản lý tổ chức thực hiện các văn bản đó theo quy định Pháp luật hiện hành.

- Giúp Ban quản lý xây dựng điều lệ hoạt động của các Khu chế xuất, Khu công nghiệp trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Giúp Ban quản lý xây dựng quy hoạch phát triển đầu tư của hệ thống các Khu chế xuất, Khu công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh; xây dựng kế hoạch, chương trình xúc tiến đầu tư hàng năm và chủ trì tổ chức thực hiện các kế hoạch, chương trình đó; xây dựng mạng lưới nhằm hỗ trợ xúc tiến đầu tư cho các Khu chế xuất, Khu công nghiệp trên địa bàn Thành phố.

- Hướng dẫn các công ty xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu chế xuất, Khu công nghiệp xây dựng chương trình, kế hoạch xúc tiến đầu tư của từng khu theo quy hoạch, kế hoạch chung đã được phê duyệt và tổ chức thực hiện các nội dung nghiệp vụ đầu tư theo qui định của pháp luật và của Ban quản lý.

- Hướng dẫn các nhà đầu tư lập hồ sơ dự án đăng ký cấp Giấy phép đầu tư, đăng ký cấp Chứng nhận đăng ký đầu tư (CNDKĐT), điều chỉnh Giấy phép đầu tư (GPĐC), thu hồi giấy phép đầu tư và các vấn đề khác có liên quan đến giấy phép đầu tư.

- Tiếp nhận, nghiên cứu và đề xuất với Ban quản lý về việc giải quyết các hồ sơ dự án xin cấp giấy phép đầu tư, giấy phép điều chỉnh; điều chỉnh và thu hồi giấy phép đầu tư theo qui định của pháp luật, của Ban quản lý

- Làm thủ tục chuyển những hồ sơ vụ án không thuộc thẩm quyền của Ban quản lý đến cơ qguan có thẩm quyền theo qui định của pháp luật.

- Giúp Ban quản lý tổ chức họp thẩm định các dự án đầu tư cần được thẩm định theo qui định của pháp luật; làm thư ký và biên bản các cuộc họp thẩm định; dự thảo các văn bản cần thiết theo quyết định của Ban quản lý về việc xét duyệt dự án đầu tư, cấp giấy đầu tư, chứng nhận đăng ký đầu tư, giấy phép điều chỉnh và thu hồi giấy phép đầu tư.

- Tổ chức việc giao giấy phép đầu tư, chứng nhận đăng ký đầu tư, giấy phép điều chỉnh, quyết định thu hồi giấy phép đầu tư và hướng dẫn nhà đầu tư

ội dung, quy trình những công việc tiếp theo sau khi nhận được giấy phép đầu tư, chứng nhận đăng ký đầu tư, giấy phép điều chỉnh, quyết định thu hồi giấy phép đầu tư.

- Giúp Ban quản lý xác nhận hợp đồng thuê đất chính thức giữa nhà đầu tư với các công ty xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu chế xuất, Khu công nghiệp.

- Giúp Ban quản lý xác nhận và điều chỉnh điều lệ hoạt động của doanh nghiệp Khu chế xuất, Khu công nghiệp theo qui định của pháp luật.

- Phối hợp với các Phòng chức năng của Ban quản lý, các cơ quan, đơn vị Nhà nước chuyên ngành hữu quan khác trong việc quản lý thực hiện giấy phép đầu tư, giấy phép điều chỉnh, quyết định thu hồi giấy phép đầu tư của doanh nghiệp Khu chế xuất, Khu công nghiệp theo qui định của pháp luật và của Ban quản lý.

- Đề xuất với Ban quản lý những nội dung, biện pháp cần thiết nhằm cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao chất lượng và hiệu quả quản lý việc thực hiện giấy phép đầu tư trong Khu chế xuất, Khu công nghiệp.

- Thực hiện chế độ báo cáo nghiệp vụ và lưu giữ và bảo quản hồ sơ theo qui định.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ban quản lý giao.

- ❖ Phòng đầu tư tiếp nhận và giải quyết các công việc như sau:

- Cấp giấy phép đầu tư (Doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài)

- Cấp giấy phép đầu tư (Doanh nghiệp Liên doanh)

- Cấp giấy phép Hợp đồng hợp tác Kinh doanh

- Cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

- Cấp giấy phép điều chỉnh

- Cấp Điều chỉnh Chứng nhận Đầu tư

- Rút Giấy phép Đầu tưXác nhận Hợp đồng thuê đất

- Đặt Văn phòng giao dịch

c) Phòng quản lý doanh nghiệp:

❖ Chức năng: Phòng Quản lý Doanh nghiệp có chức năng tham mưu, giúp lãnh đạo Ban quản lý trong công tác quản lý Nhà nước về tài chính-kế toán, ngoại hối và một số công việc khác sau Giấy phép có liên quan theo qui định của pháp luật đối với các doanh nghiệp Khu chế xuất - Khu công nghiệp.

❖ Nhiệm vụ và quyền hạn:

○ Hệ thống hóa các văn bản pháp quy đã ban hành và còn hiệu lực có liên quan đến việc quản lý hành chính Nhà nước thuộc phạm vi chức năng của phòng.

○ Hướng dẫn, triển khai, đôn đốc, giám sát và kiểm tra việc thực hiện các văn bản pháp quy, các quy định liên quan đến lĩnh vực tài chính - kế toán tại Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng kinh doanh, Điều lệ doanh nghiệp, Điều lệ khu chế xuất, Điều lệ khu công nghiệp và các quy định hiện hành của Nhà nước đối với các Khu chế xuất và công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh trong phạm vi chức năng và nhiệm vụ của Phòng Quản lý Doanh nghiệp hoặc những công việc khác do lãnh đạo Ban quản lý giao.

○ Tiếp nhận và xử lý tác nghiệp trình lãnh đạo Ban quản lý cấp giấy xác nhận/chấp thuận những công việc sau: Nhân sự chủ chốt của Doanh nghiệp: Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng; Đăng ký chế độ kế toán Việt nam; Báo cáo thực hiện vốn đầu tư và báo cáo quyết toán công trình; Thanh lý tài sản cố định của doanh nghiệp; Sở hữu tài sản của doanh nghiệp để thế chấp vay vốn ngân hàng; Những xác nhận khác khi nhà đầu tư yêu cầu trong phạm vi Ban quản lý được ủy quyền.

○ Tham mưu cho Ban quản lý trong việc giải quyết thủ tục chấm dứt hoạt động và giải thể doanh nghiệp.

○ Tham mưu Ban quản lý thỏa thuận với các công ty xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu chế xuất và công nghiệp thành phố về giá cho thuê lại đất gắn liền với công trình kết cấu hạ tầng đã xây dựng, các loại phí theo đúng chính sách, pháp luật hiện hành.

○ Tham gia Ban chỉ đạo thực hiện chế độ tự đảm bảo kinh phí hoạt động của Ban quản lý thông qua các tác nghiệp: Giám sát việc thực hiện kế hoạch thu

sử dụng phí duy tu bảo dưỡng cơ sở hạ tầng Khu chế xuất Tân Thuận và phí
lợi ích công cộng của Công ty Liên doanh Tân Thuận theo đúng qui định của Bộ
 Tài Chính; Xây dựng và triển khai phương án mở rộng nguồn thu nhằm tạo kinh
 phí bảo đảm hoạt động của Ban quản lý; Tham gia quản lý quỹ hỗ trợ hoạt động
 của Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh.

- Tham mưu cho Ban quản lý triển khai Quy chế phối hợp với Ngân
 hàng Nhà nước chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện chức năng quản lý
 Nhà nước đối với hoạt động tín dụng hỗ trợ phát triển các doanh nghiệp.

- Tham mưu cho Ban quản lý trong việc phối hợp với Cục Thuế Thành
 phố Hồ Chí Minh thực hiện chức năng quản lý Nhà nước trong lĩnh vực thuế -
 tài chính đối với các doanh nghiệp.

- Tham mưu cho Ban quản lý trong việc phối hợp với Toà án Kinh tế về
 việc giải quyết thủ tục phá sản doanh nghiệp. Đôn đốc các doanh nghiệp nộp
 báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm theo đúng hạn định. Phân tích hoạt động
 tài chính doanh nghiệp thông qua báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm.

- Tham mưu cho Ban quản lý hoà giải các tranh chấp kinh tế theo yêu
 cầu của các doanh nghiệp thuộc phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn của Phòng.

- Trong phạm vi chức năng quyền hạn của Phòng, tham mưu cho Ban
 quản lý kiến nghị với Bộ chủ quản và UBND Thành phố điều chỉnh, bổ sung các
 cơ chế chính sách thích hợp với yêu cầu phát triển kinh tế và sự phát triển đặc
 thù của Khu chế xuất và Khu công nghiệp Thành phố.

- Phối hợp với các cơ quan chức năng Nhà nước tổ chức hội nghị phổ
 biến, triển khai các chủ trương chính sách mới ban hành của Nhà nước liên quan
 đến các tác nghiệp của Phòng, tổ chức thực hiện kiểm tra (định kỳ/đột xuất) từng
 lĩnh vực hoặc toàn diện hoạt động của các doanh nghiệp sau khi được sự chỉ đạo
 của Lãnh đạo Ban quản lý.

❖ Phòng quản lý doanh nghiệp tiếp nhận & giải quyết các công việc
 như sau:

- Đăng ký nhân sự chủ chốt

- Đăng ký chế độ kế toán

- Thực hiện báo cáo quyết toán công trình và báo cáo thực hiện vốn đầu

tư

- Cấp giấy xác nhận quyền sở hữu máy móc thiết bị, sở hữu nhà xưởng (tuyệt đối)

- Thanh lý máy móc thiết bị.

- Chấm dứt hoạt động, thanh lý và giải thể Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

- Tạm ngừng hoạt động hoặc giãn tiến độ thực hiện dự án.

- Thỏa thuận về giá cho thuê đất và các loại phí trong Khu chế xuất - Khu công nghiệp.

- Giải quyết tranh chấp giữa các Doanh nghiệp.

- Hướng dẫn doanh nghiệp các biểu thống kê liên quan.

- Hướng dẫn báo cáo tài chính (đối với doanh nghiệp nước ngoài).

- Hướng dẫn thực hiện hạch toán kiểm toán theo quy định của Bộ Tài chính.

d) Phòng quản lý lao động:

- ❖ Chức năng: Phòng Quản lý Lao động có chức năng tham mưu, giúp lãnh đạo Ban quản lý trong công tác hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy trình của pháp luật về chính sách, chế độ lao động và vệ sinh, an toàn lao động.

- ❖ Nhiệm vụ và quyền hạn của phòng quản lý lao động:

- Hướng dẫn, đơn đốc Xí nghiệp thực hiện Chính sách lao động về: Tiền lương, tiền thưởng, thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, bảo hiểm xã hội, bồi thường tai nạn lao động, chế độ trợ cấp thôi việc.

- Hướng dẫn, đơn đốc Xí nghiệp ký kết Hợp đồng lao động; hướng dẫn, đơn đốc Xí nghiệp xây dựng Nội quy Lao động và ký kết Thỏa ước lao động tập thể, tiếp nhận và đề nghị Ban quản lý quyết định thừa nhận.

- Hướng dẫn Xí nghiệp nhập Sổ lao động, tiếp nhận và chuyển cho Sở Lao động TBXH Thành phố Hồ Chí Minh.

- Tiếp nhận hồ sơ lao động nước ngoài làm việc cho Xí nghiệp và đề nghị Ban quản lý hoặc Bộ Lao động Thương binh xã hội cấp giấy phép lao động nước ngoài theo phân cấp.

- Hướng dẫn việc thành lập và hoạt động của Hội đồng hòa giải cơ sở. hội hợp với tổ chức Công đoàn tiến hành hòa giải lao động đối với Xí nghiệp hưa có Hội đồng hòa giải cơ sở.

- Nắm tình hình tranh chấp lao động; giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo về việc vi phạm pháp luật lao động.

- Nắm nguồn cung, cầu và sự biến động cung cầu lao động

- Hướng dẫn, đôn đốc Xí nghiệp thực hiện qui định của các văn bản qui phạm và hệ thống Tiêu chuẩn Việt nam về an toàn và vệ sinh lao động.

- Tiếp nhận báo cáo thông kê tai nạn lao động của Xí nghiệp. Tham gia điều tra tai nạn lao động theo yêu cầu của cơ quan chức năng và trong trường hợp Ban quản lý thấy cần thiết.

- Kiểm tra định kỳ và không định kỳ việc Xí nghiệp thực hiện Chính sách lao động và các qui định về an toàn vệ sinh lao động.

- Đề xuất xử lý các đối tượng vi phạm pháp luật về Chính sách lao động, về an toàn và vệ sinh lao động với Ban quản lý và cơ quan có thẩm quyền.

- Đôn đốc Xí nghiệp, phối hợp với các bên có liên quan về việc thực hiện các nội dung sau: Triển khai việc Kiểm định kỹ thuật an toàn và xin Đăng ký sử dụng các máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động; việc lập tờ đo kiểm về nôi đất (nôi không) hệ thống điện động lực và hệ thống chống xét nhà xưởng Xí nghiệp; việc lập tờ đo kiểm các thông số vệ sinh lao động (đo kiểm môi trường lao động) Xí nghiệp; theo dõi, phối hợp đối với các đơn vị nhận làm dịch vụ cho Xí nghiệp về bảo đảm các tiêu chuẩn an toàn và vệ sinh lao động khi lắp đặt, lắp hồ sơ, sửa chữa và cải tạo các hạng mục (về mặt an toàn vệ sinh lao động) và các máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.

- Theo dõi, phối hợp với các đơn vị làm dịch vụ tư vấn về Chính sách lao động cho Xí nghiệp.

- Tổ chức việc bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ Xí nghiệp. Thực hiện các nhiệm vụ đột xuất do Ban quản lý phân công.

❖ Phòng quản lý lao động tiếp nhận và giải quyết các công việc như

sau:

- Đăng ký nội quy lao động.
- Cấp giấy phép cho người lao động nước ngoài.
- Hòa giải lao động.
- Công nhận thoả ước lao động tập thể.
- Hướng dẫn về chế độ tiền lương.
- Hướng dẫn ký hợp đồng lao động giữa doanh nghiệp và người lao động.
- Hướng dẫn trình tự xử lý kỷ luật và trách nhiệm vật chất.
- Hướng dẫn thực hiện an toàn vệ sinh lao động.
- Hướng dẫn sử dụng các máy móc, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt và an toàn.
- Hướng dẫn giải quyết tai nạn lao động.
- Hướng dẫn thành lập hội đồng hoà giải cơ sở.
- Hướng dẫn báo cáo tình hình quản lý lao động.
- Cấp phép lưu trú tạm thời (1 tháng) trong KCX/ KCN cho người nước ngoài.

e) Phòng quản lý xây dựng môi trường:

❖ Nhiệm vụ và quyền hạn:

- Hệ thống và cụ thể hoá các qui định trong văn bản qui phạm pháp luật của Nhà nước đã ban hành có liên quan đến nghiệp vụ xây dựng, môi trường trình Ban quản lý xem xét cho vận dụng; đồng thời triển khai phổ biến nội dung văn bản đó đến các nhà đầu tư, các đơn vị tham gia thiết kế, thi công, kiểm định xây dựng, xử lý ô nhiễm môi trường, các công ty liên doanh và công ty xây dựng kinh doanh hạ tầng thi hành.
- Tham mưu cho Ban quản lý về công tác quy hoạch xây dựng các Khu chế xuất, Khu công nghiệp trên địa bàn thành phố, công tác quản lý kiến trúc, quy hoạch các công trình xây dựng.
- Tiếp nhận hồ sơ, công bố danh sách những đơn vị tư vấn, dịch vụ có năng lực, đủ tư cách pháp nhân đảm nhận công tác: thiết kế, thi công, kiểm định

xây dựng, xử lý ô nhiễm môi trường, giúp các chủ đầu tư dễ nhận dạng và xác định đối tác cho mình đồng thời tạo tiền đề quản lý các hoạt động tư vấn, dịch vụ về xây dựng, môi trường, phòng cháy chữa cháy.

- Tiếp nhận và căn cứ vào qui định hiện hành để đề xuất xử lý các đồ án thiết kế công trình xây dựng, môi trường trong Khu chế xuất, Khu công nghiệp nhằm đệ trình lãnh đạo Ban quản lý phê duyệt theo những nội dung đã và sẽ được thành phố hoặc cơ quan Trung ương ủy quyền như: thiết kế, dự toán, đấu thầu, chứng nhận nhà thầu nước ngoài thi công, xác nhận công trình hoàn thành...

- Phối hợp với Bộ phận Đại diện Ban quản lý, các công ty hạ tầng, các cơ quan hữu quan thực hiện chức năng kiểm tra phòng cháy chữa cháy; chủ trì lập kế hoạch, nhu cầu kinh phí hằng năm phục vụ công tác kiểm tra, giám sát về môi trường, mua sắm trang thiết bị giám định ô nhiễm; cũng như kiểm tra, nghiệm thu các giai đoạn xây dựng công trình theo qui định.

- Tiếp nhận hồ sơ và nghiên cứu đề xuất cho lãnh đạo các biện pháp hoà giải, giải quyết với các vấn đề: Khiếu nại của chủ đầu tư về chất lượng, biện pháp thiết kế, thi công công trình; Khiếu nại của các cơ quan thiết kế, thi công đối với chủ đầu tư; Khiếu nại của các công ty hạ tầng đối với chủ đầu tư thuê đất và các lực lượng thi công (và ngược lại); Khiếu nại gây ô nhiễm giữa các doanh nghiệp trong Khu chế xuất, Khu công nghiệp.

- Thực hiện chế độ báo cáo nghiệp vụ định kỳ và đột xuất, chế độ bảo quản lưu giữ hồ sơ xây dựng, môi trường theo qui định.

❖ Phòng quản lý Môi trường tiếp nhận và giải quyết các công việc

sau:

- Thẩm định và phê duyệt thiết kế kỹ thuật và dự toán
- Phê duyệt kế hoạch đấu thầu, thẩm định và phê duyệt kết quả trúng thầu
- Cấp giấy phép thầu xây dựng cho nhà thầu nước ngoài.
- Cấp giấy chứng nhận đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường.
- Kiểm tra công trình, doanh nghiệp theo ủy quyền.

Chương IV: HÀNH LANG PHÁP LÝ

Các Khu chế xuất và các doanh nghiệp chế xuất hoạt động theo các quy chế của Nhà nước như: Nghị định 36CP/HĐBT ban hành ngày 24/04/1991, Quy chế Khu chế xuất đã được ban hành kèm theo Nghị định số 322/HĐBT ngày 18/10/1991. Một số quy định chung về Khu chế xuất và doanh nghiệp chế xuất:

IV.1/ Quy định chung cho Khu chế xuất:

➤ Khu chế xuất do Chính phủ Việt Nam thành lập ở những địa bàn có vị trí thuận tiện cho sản xuất hàng xuất khẩu, có ranh giới địa lý được ấn định theo quyết định thành lập.

➤ Chính phủ Việt Nam bảo đảm đối xử công bằng và thỏa đáng đối với các nhà đầu tư vào Khu chế xuất.

➤ Trong Khu chế xuất các nhà đầu tư được hoạt động trong các lĩnh vực: sản xuất, gia công, lắp ráp sản phẩm xuất khẩu; Kinh doanh các dịch vụ cho hoạt động trên và cho xuất khẩu.

➤ Đối tượng được đầu tư vào Khu chế xuất bao gồm: các tổ chức kinh tế và cá nhân nước ngoài; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài (bao gồm cả cá nhân và tổ chức kinh tế nước ngoài) và các tổ chức kinh tế Việt Nam có tư cách pháp nhân thuộc các thành phần kinh tế.

➤ Chính phủ Việt Nam cho phép và khuyến khích thành lập Công ty liên doanh giữa Việt nam và nước ngoài để xây dựng và kinh doanh các công trình kết cấu hạ tầng của Khu chế xuất. Công ty liên doanh này thành lập và hoạt động theo các quy định của Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

➤ Đầu tư vào Khu chế xuất phải đảm bảo những điều kiện sau:

- Đối với cơ sở sản xuất: Sản phẩm bán được trên thị trường nước ngoài; ưu tiên sử dụng lao động Việt Nam, chỉ sử dụng người nước ngoài đối với những công việc mà người lao động Việt Nam chưa đáp ứng; sản xuất không gây ô nhiễm môi trường.
- đối với cơ sở dịch vụ (vận chuyển, bốc dỡ, sửa chữa, bảo hiểm, ngân hàng,...) hỗ trợ có hiệu quả cho các hoạt động sản xuất, xuất nhập khẩu ở Khu chế xuất.

➤ Các hình thức đầu tư vào Khu chế xuất:

- Thành lập xí nghiệp 100% vốn của nhà đầu tư nước ngoài.
- Liên doanh giữa một bên là nước ngoài một bên là Việt Nam theo hình thức xí nghiệp liên doanh.
- Hợp tác trên cơ sở hợp đồng giữa các xí nghiệp Khu chế xuất, giữa các xí nghiệp Khu chế xuất với các tổ chức, cá nhân nước ngoài hoặc với các tổ chức kinh tế Việt Nam có tư cách pháp nhân theo quy định của quan hệ giữa các xí nghiệp nước ngoài với xí nghiệp Việt Nam.

➤ Những hoạt động trong Khu chế xuất được sử dụng cơ sở hạ tầng tốt: giao thông, thông tin liên lạc, cung cấp điện nước và giảm thiểu các thủ tục hành chính.

Ủy ban Khu chế xuất là một doanh nghiệp hoạt động theo chế độ hạch toán kinh tế, kinh doanh các loại dịch vụ cho thuê.

➤ Mục đích hoạt động của Khu chế xuất là thu hút các nhà sản xuất công nghiệp nước ngoài và trong nước định hướng hoạt động xuất khẩu bằng những biện pháp đặc biệt ưu đãi về thuế quan, về các điều kiện mậu dịch và các loại thuế.

➤ Thuê đất, thuê nhà xưởng và xây dựng cơ bản trong Khu chế xuất:

- Đất đai trong Khu chế xuất thuộc quyền sở hữu của Nhà nước.
- Nhà đầu tư có quyền thuê đất trong Khu chế xuất để xây dựng nhà xưởng cần thiết cho kinh doanh.
- Thời hạn thuê đất trong Khu chế xuất tùy thuộc vào thời hạn hoạt động của xí nghiệp ghi trong giấy phép kinh doanh. Trong trường hợp khác thì phải theo sự chỉ đạo của Ban quản lý Khu chế xuất xem xét và quyết định.
- Nhà đầu tư có thể thuê hoặc mua nhà xưởng do Chính phủ Việt Nam hoặc Công ty liên doanh xây dựng và kinh doanh các công trình kết cấu hạ tầng Khu chế xuất xây dựng.
- Việc xây dựng nhà xưởng trong Khu chế xuất phải phù hợp với quy hoạch và thiết kế của Khu chế xuất.
- Nhà đầu tư được tự mình hoặc gọi thầu xây dựng nhà xưởng. Các

tổ chức xây dựng Việt Nam được ưu tiên dự thầu.

- Các công trình xây dựng trong Khu chế xuất phải đảm bảo về chất lượng, các quy định cấp và thoát nước, phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường, môi sinh.

➤ Quy định ra vào Khu chế xuất:

- Khu chế xuất được ngăn cách với vùng lãnh thổ ngoài Khu chế xuất bằng hệ thống tường rào, có cổng và cửa ra vào Khu chế xuất.
- Nhà đầu tư, cán bộ, công nhân viên chức làm việc trong Khu chế xuất và những người có quan hệ với các cơ quan, tổ chức, xí nghiệp trong Khu chế xuất mới được ra vào Khu chế xuất.
- Công dân Việt nam và người nước ngoài không được cư trú trong Khu chế xuất. Trường hợp do yêu cầu công việc cần lưu trú trong Khu chế xuất phải được phép của Ban quản lý Khu chế xuất.
- Việc ra vào, đi lại và các hoạt động sinh hoạt khác trong Khu chế xuất do điều lệ Khu chế xuất quy định.

IV.2/ Quy định cho các doanh nghiệp chế xuất:

➤ Xí nghiệp Khu chế xuất được thành lập theo hình thức Công ty trách nhiệm hữu hạn.

➤ Xí nghiệp Khu chế xuất có tư cách pháp nhân theo Pháp luật Việt Nam và hoạt động theo các quy định của Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và Quy chế Khu chế xuất.

➤ Để thành lập xí nghiệp Khu chế xuất, nhà đầu tư phải làm đơn xin phép gửi Ban quản lý khu chế xuất, kèm theo hồ sơ như quy định. Trong thời hạn 03 tháng, Ban quản lý Khu chế xuất thông báo quyết định của ngành cho nhà đầu tư. Trong trường hợp đơn xin phép kinh doanh được chấp nhận, Ban quản lý Khu chế xuất cấp cho nhà đầu tư giấy phép kinh doanh và chứng nhận đăng ký điều lệ xí nghiệp. Hồ sơ liên quan được đăng ký tại Ban quản lý Khu chế xuất.

➤ Thời hạn hoạt động của Xí nghiệp chế xuất không quá 50 năm kể từ ngày ban quản lý Khu chế xuất cấp giấy phép kinh doanh. hết thời hạn nếu muốn tiếp tục hoạt động ở Khu chế xuất, Xí nghiệp có thể xin Ban quản lý Khu chế xuất gia hạn hoạt động và nếu được tiếp tục hoạt động thì Xí nghiệp đó không phải

đăng ký lại điều lệ xí nghiệp.

Trên nguyên tắc tự chịu trách nhiệm về hoạt động kinh doanh, Xí nghiệp Khu chế xuất có các quyền và nghĩa vụ như sau:

✦ Thuê đất trong Khu chế xuất, xây dựng nhà xưởng và các công trình kiến trúc phục vụ kinh doanh theo các điều khoản của giấy phép kinh doanh.

✦ Sử dụng các công trình kết cấu hạ tầng, các dịch vụ ở Khu chế xuất và trả tiền sử dụng hoặc lệ phí.

✦ Quyết định chương trình, tổ chức kinh doanh phù hợp với giấy phép kinh doanh và điều lệ xí nghiệp.

✦ Nhập khẩu thiết bị, vật tư, nguyên vật liệu cần thiết cho kinh doanh, theo các điều khoản của Giấy phép kinh doanh.

➤ Hàng hóa, hành lý và ngoại hối từ nước ngoài nhập khẩu vào Khu chế xuất hoặc Doanh nghiệp chế xuất (trực tiếp hoặc qua các cửa khẩu của Việt Nam) và từ Khu chế xuất và Doanh nghiệp chế xuất xuất khẩu ra nước ngoài (trực tiếp hoặc qua các cửa khẩu của Việt Nam) được miễn thuế xuất khẩu, thuế nhập; phải chịu sự kiểm tra, giám sát về hải quan theo các quy định của pháp luật hải quan Việt Nam và phải nộp lệ phí hải quan (nếu có).

➤ Hàng hóa của các doanh nghiệp chế xuất xuất khẩu ra nước ngoài và nhập khẩu từ nước ngoài vào Khu chế xuất hoặc doanh nghiệp chế xuất phải có giấy chứng chỉ xuất xứ hàng hóa của cơ quan có thẩm quyền, làm thủ tục hải quan tại cơ quan hải quan Khu công nghiệp. Hàng hóa trên tờ khai hải quan phải phù hợp với quyết định chấp thuận đầu tư hoặc giấy phép đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

➤ Hàng hóa xuất khẩu vận chuyển từ địa điểm kiểm tra của cơ quan hải quan tại Khu chế xuất hoặc doanh nghiệp chế xuất đến cửa khẩu của Việt Nam và hàng hóa nhập khẩu, vận chuyển từ cửa khẩu Việt Nam đến địa điểm kiểm tra của cơ quan hải quan tại Khu chế xuất hoặc doanh nghiệp chế xuất được thực hiện theo phương thức container, thùng và kiện hàng nôm phong hải quan, có nhân viên hải quan áp tải.

➤ Quan hệ trao đổi hàng hóa giữa các doanh nghiệp trong thị trường nội địa với các doanh nghiệp chế xuất được coi là quan hệ xuất khẩu, nhập khẩu và phải

tuân thủ các quy định của pháp luật xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam. Trong trường hợp này, bên mua và bên bán phải thực hiện các thủ tục hải quan tại Khu công nghiệp theo pháp luật về hải quan của Việt Nam và được miễn thủ tục xét duyệt kế hoạch xuất, nhập khẩu.

➤ Các doanh nghiệp chế xuất được mua nguyên liệu, vật tư, hàng hóa từ thị trường nội địa vào Khu chế xuất hoặc doanh nghiệp chế xuất; phế liệu còn giá trị thương mại của Khu chế xuất hoặc doanh nghiệp chế xuất được tiêu thụ vào thị trường nội địa theo thủ tục Hải quan đơn giản và thuận tiện.

➤ Việc mua bán hàng hóa giữa các doanh nghiệp trong cùng một Khu chế xuất hoặc giữa các doanh nghiệp chế xuất với doanh nghiệp Khu công nghiệp trong cùng một Khu công nghiệp hoặc Khu công nghệ cao phải được phép của Ban quản lý Khu công nghiệp cấp tỉnh, và phải chịu sự kiểm tra giám sát của cơ quan hải quan.

➤ Hành lý, ngoại hối của người nước ngoài làm việc trong Khu chế xuất hoặc doanh nghiệp chế xuất ra vào Việt Nam khi nhập cảnh và đem ra nước ngoài khi xuất cảnh được làm thủ tục hải quan tại cơ quan hải quan cửa khẩu của Việt Nam.

➤ Hành lý ngoại hối của người nước ngoài làm việc trong Khu chế xuất hoặc doanh nghiệp chế xuất Việt Nam đưa vào Việt Nam khi nhập cảnh và đem ra nước ngoài khi xuất cảnh được làm thủ tục hải quan tại cơ quan hải quan cửa khẩu của Việt Nam.

➤ Các doanh nghiệp chế xuất được ký hợp đồng gia công và hợp đồng dịch vụ với các doanh nghiệp Việt Nam thuộc các thành phần kinh tế và các doanh nghiệp có vốn đầu tư từ nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

➤ Hàng hoá vận chuyển giữa Khu chế xuất hoặc doanh nghiệp chế xuất này với Khu chế xuất hoặc doanh nghiệp chế xuất khác trên lãnh thổ Việt Nam phải thực hiện theo phương thức container, thùng và kiện hàng niêm phong hải quan, có nhân viên hải quan áp tải và được miễn thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

➤ Người nước ngoài hoạt động ở Khu chế xuất hoặc doanh nghiệp chế xuất mang ngoại hối vào Việt Nam phải làm thủ tục hải quan tại cơ quan hải quan cửa khẩu khi nhập cảnh; khi xuất cảnh, được mang ra nước ngoài số ngoại hối chưa sử dụng.

➤ Việc mang ngoại hối từ nội địa vào Khu chế xuất hoặc doanh nghiệp chế xuất và từ Khu chế xuất hoặc doanh nghiệp chế xuất phải tuân thủ điều lệ quản lý ngoại hối của Việt Nam.

➤ Việc mua bán, thanh toán, chuyển nhượng và các giao dịch khác giữa các doanh nghiệp chế xuất với nhau thực hiện bằng đồng tiền tự do chuyển đổi thông qua tài khoản ngân hàng và sổ sách kế toán phải ghi bằng đồng tiền tự do chuyển đổi. Việc mua bán hàng hoá phục vụ đời sống hàng ngày của công nhân viên chức của doanh nghiệp chế xuất được thực hiện bằng đồng tiền Việt Nam.

➤ Doanh nghiệp chế xuất khi xuất khẩu hàng hóa hoặc dịch vụ thu ngoại tệ phải gửi ngoại tệ thu được vào tài khoản mở tại ngân hàng. Các khoản chi của doanh nghiệp phải thông qua tài khoản nêu trên.

IV.3/ Các ưu đãi thuế đối với các doanh nghiệp Khu chế xuất: Theo Nghị định 24/2000/NĐ-CP ngày 31/07/2000 và Nghị định 27/2003.

THUẾ XUẤT KHẨU		
NỘI DUNG	KCX	KCN
Sản phẩm, hàng hoá	Miễn	Miễn
THUẾ NHẬP KHẨU		
NỘI DUNG	KCX	KCN
Máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải chuyên dùng để tạo tài sản cố định	Miễn	Miễn
Nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư (kể cả vật tư xây dựng mà trong nước chưa sản xuất được)	Miễn	Miễn theo tỷ lệ XK Được nợ thuế trong 9 tháng (275 ngày)

THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP		
NỘI DUNG	KCX	KCN
1-DN sản xuất: - Ưu đãi : + Thuế ưu đãi: Thời gian áp dụng (kể từ ngày DA bắt đầu thành lập đi vào hoạt động SXKD) + Miễn thuế (kể từ khi có thu nhập chịu thuế) + Giảm 50 % (cho các năm tiếp theo) - Thuế sau thời hạn ưu đãi (áp dụng cho suốt thời hạn còn lại của DA)	10% 15 năm 4 năm 7 năm 28%	15% 12 năm 3 năm 7 năm 28%
1- DN dịch vụ: - Ưu đãi : + Thuế ưu đãi: Thời gian áp dụng (kể từ ngày DA bắt đầu thành lập đi vào hoạt động SXKD) + Miễn thuế (kể từ khi có thu nhập chịu thuế) + Giảm 50 % (cho các năm tiếp theo) - Thuế sau thời hạn ưu đãi (áp dụng cho suốt thời hạn còn lại của DA)	15% 12 năm 3 năm 7 năm 28%	20% 10 năm 2 năm 6 năm 28%

THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG		
NỘI DUNG	KCX	KCN
Sản phẩm và hàng hoá xuất khẩu	Miễn	Thực hiện theo Luật thuế VAT hiện hành
Sản phẩm và hàng hoá xuất khẩu hoặc bán vào KCX (tiêu dùng bên ngoài lãnh thổ Việt Nam)		0%
Sản phẩm cơ khí, khuôn mẫu, máy tính và phụ kiện; cáp điện, hoá chất cơ bản, săm lốp xe, giấy in, thuốc trừ sâu, phân bón, thiết bị y khoa, thiết bị khám và chữa bệnh, thiết bị dạy học, đồ chơi trẻ em, nguyên vật liệu nông lâm thủ hải sản, thực phẩm, hàng thủ công mỹ nghệ, ván ép, cấu kiện đúc sẵn, thép, thức ăn gia súc....		5%
Hàng cơ khí điện máy, hàng điện tử, hoá chất, mỹ phẩm, sợi, vải, hàng may mặc, hàng thêu, hàng da và giả da, hàng gốm sứ, thủy tinh, nhựa, gỗ, vật liệu xây dựng, sữa, thực phẩm khô, nước giải khát.		10%

IV.4/ Ưu đãi tài chính đối với doanh nghiệp Việt Nam trong Khu chế xuất:

CÁC LOẠI THUẾ	DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT	DOANH NGHIỆP DỊCH VỤ
THUẾ XUẤT KHẨU	MIỄN THUẾ	
THUẾ NHẬP KHẨU	MIỄN THUẾ Đối với hàng hoá nhập khẩu để tạo thành tài sản cố định, các vật tư nguyên liệu hàng hóa dùng cho sản xuất hàng	

	xuất khẩu và kinh doanh dịch vụ	
THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP	Trong thời hạn ưu đãi 15 năm từ khi Doanh nghiệp bắt đầu hoạt động kinh doanh: • Miễn thuế 4 năm từ khi kinh doanh có lợi nhuận • 7 năm tiếp theo: nộp 5% lợi nhuận ròng • Các năm còn lại trong thời gian ưu đãi: nộp 10% lợi nhuận ròng Sau thời hạn ưu đãi, mức thuế 28%	Trong thời hạn ưu đãi 15 năm từ khi Doanh nghiệp bắt đầu hoạt động kinh doanh: • Miễn thuế 3 năm từ khi kinh doanh có lợi nhuận • 7 năm tiếp theo: nộp 7.5% lợi nhuận ròng • Các năm còn lại trong thời gian ưu đãi: nộp 15% lợi nhuận ròng Sau thời hạn ưu đãi, mức thuế 28%
THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG	MIỄN THUẾ • Đối với thiết bị, máy móc, phương tiện vận tải chuyên dùng nằm trong dây chuyền công nghệ, vật tư xây dựng trong nước chưa sản xuất được nhập khẩu để tạo thành tài sản cố định • Nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để sản xuất sản phẩm xuất khẩu • Vật tư, nguyên liệu, hàng hoá nhập khẩu dùng cho hoạt động kinh doanh dịch vụ	
THUẾ CHUYÊN LỢI NHUẬN	MIỄN THUẾ	

IV.5/. Cơ chế, chính sách khuyến khích và hỗ trợ đầu tư vào KCN và KCX:

Thuế	Nội dung	KCX	KCN
Thuế XK	- Sản phẩm, hàng hóa	Miễn	Miễn
Thuế nhập khẩu	- Máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải chuyên dùng tạo thành TSCĐ - Nguyên vật liệu, nhiên liệu	Miễn Miễn	Miễn Miễn tương ứng tỉ lệ xuất khẩu
Thuế thu nhập doanh nghiệp	* Doanh nghiệp sản xuất - 4 năm từ khi kinh doanh có lời - 4 năm tiếp theo * Doanh nghiệp dịch vụ - 2 năm kinh doanh có lãi	10% Miễn Giảm 50% 15% Miễn	
	* Doanh nghiệp sản xuất + Xuất khẩu từ 80-100% sản phẩm - 4 năm từ khi kinh doanh có lời - 4 năm tiếp theo + Xuất khẩu từ 50- <80% sản phẩm - 2 năm từ khi kinh doanh có lời - 2 năm tiếp theo + Xuất khẩu từ < 50% sản phẩm - 2 năm từ khi kinh doanh có lời * Doanh nghiệp dịch vụ		10% Miễn Giảm 50% 15% Miễn Giảm 50% 15% Miễn 20%

	- 1 năm từ khi kinh doanh có lời		Miễn
Thuế giá trị gia tăng (VAT)		Miễn	Theo luật thuế VAT hiện hành
Thuế chuyển lợi nhuận		5%	5%

PHẦN II: THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN CÁC KHU CHẾ XUẤT TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Chương I: THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH – TRUNG TÂM KINH TẾ CỦA CẢ NƯỚC

I.1/ Giới thiệu tổng quan về thành phố Hồ Chí Minh

Nằm ở một vị trí địa lý đặc biệt với các điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế, từ xưa, thành phố Hồ Chí Minh luôn là vùng kinh tế chiến lược và trọng điểm phía Nam, là một thành phố đông dân, phồn vinh và là một địa điểm du lịch và giao lưu văn hóa của du khách nước ngoài.

Thành phố Hồ Chí Minh (trước đây được gọi là Sài Gòn) là một thành phố duyên dáng và năng động với những con người thân thiện, nền văn hóa phong phú, lối cuốn và hội đủ tiện nghi của một thành phố hiện đại. Năng động và đầy tiềm năng, thành phố Hồ Chí Minh là một thành phố ***có tốc độ phát triển nhanh nhất và ổn định nhất Đông Nam Á***. Với sự phát triển kinh tế, nền dân trí cao và các tiện nghi hiện đại, thành phố Hồ Chí Minh được xem là trung tâm kinh tế, văn hóa, khoa học và kỹ thuật của cả nước.

Tổng diện tích của thành phố Hồ Chí Minh là 2.056 km². Vùng đô thị với 140 km² bao gồm 19 quận. Vùng nông thôn rộng lớn với 1.916 km², bao gồm 5 huyện với 98 xã. Khoảng cách từ trung tâm thành phố đến biển là 50 km theo đường chim bay và cách thủ đô Hà Nội gần 1.730 km đường bộ, phía Nam giáp biển Đông, phía Bắc giáp Tây Ninh, phía Tây giáp Long An và giáp Sông Bé và Đồng Nai ở phía Đông. Độ cao trung bình cao hơn 6m so với mực nước biển. Bề mặt địa hình cao ở vùng Bắc-Đông và thấp ở vùng Nam-Tây Nam. Trung tâm thành phố cách bờ biển Đông 50 km đường chim bay. Đây là đầu mối giao thông nối liền các tỉnh trong vùng và là cửa ngõ quốc tế. Với hệ thống cảng và sân bay lớn nhất cả nước, cảng Sài Gòn với năng lực hoạt động 10 triệu tấn/năm. Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất với hàng chục đường bay chỉ cách trung tâm thành phố 7km.

Thành phố Hồ Chí Minh có mạng lưới sông ngòi dày đặc với hệ thống kênh rạch trải dài hơn 2.900 ha rất thuận lợi cho việc tưới tiêu và tàu bè đi lại.

Khí hậu ôn hòa với nhiệt độ trung bình khoảng 27°C - 29°C, sự chênh lệch nhiệt độ giữa các mùa không quá 5°C; lượng mưa trung bình khoảng 2,000mm với độ ẩm trung bình khoảng 75-80%. Thành phố Hồ Chí Minh có 2 mùa trong năm; mùa mưa vào khoảng từ tháng năm đến tháng mười một và mùa nắng vào khoảng từ tháng mười hai đến tháng tư năm sau với hai hướng gió chính là gió Tây-Tây Nam và Bắc-Đông Bắc và đường như trong các năm qua không có bão, lũ lụt. Đối với giáo dục đại học, thành phố có khoảng 262.000 sinh viên đại học và cao đẳng với số lượng lớn sinh viên tốt nghiệp hàng năm.

Sài Gòn cổ xưa được thành lập từ năm 1623, nhưng tới năm 1698, Chúa Nguyễn mới cử Thống soái Nguyễn Hữu Cảnh vào kinh lược đất Phương Nam, khai sinh ra thành phố Sài Gòn. Năm 1911, Sài Gòn là nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại ra đi tìm đường cứu nước, khi đất nước thống nhất, Quốc Hội khoá VI họp ngày 2.7.1976 đã chính thức đổi tên Sài Gòn là thành phố Hồ Chí Minh.

Với vị trí địa lý thuận lợi, Sài Gòn - nơi một thời được mệnh danh là **"Hòn ngọc Viễn Đông"** đã là trung tâm thương mại và là nơi hội tụ của nhiều dân tộc anh em, mỗi dân tộc có tín ngưỡng, sắc thái văn hoá riêng góp phần tạo nên một nền văn hoá đa dạng. Đặc trưng văn hoá của vùng đất này là sự kết hợp hài hòa giữa truyền thống dân tộc với những nét văn hoá phương Bắc, phương Tây, góp phần hình thành lối sống, tính cách con người Sài Gòn. Đó là những con người thẳng thắn, bộc trực, phóng khoáng, có bản lĩnh, năng động, dám nghĩ - dám làm.

Với vai trò đầu tàu trong đa giác chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, thành phố Hồ Chí Minh đã trở thành trung tâm kinh tế, văn hoá - du lịch, giáo dục - khoa học kỹ thuật - y tế lớn của cả nước.

Thành phố Hồ Chí Minh là nơi hoạt động kinh tế năng động nhất, đi đầu trong cả nước về tốc độ tăng trưởng kinh tế. Nếu như năm 1998 tốc độ tăng GDP của thành phố là 9.2 % thì đến năm 2006 tăng lên 11.2%. Phát triển kinh tế với tốc độ tăng trưởng cao đã tạo ra mức đóng góp GDP lớn cho cả nước. Tỷ trọng GDP của thành phố chiếm 1/3 GDP của cả nước .

Có thể nói thành phố là hạt nhân trong vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam (KTTĐPN) và trung tâm đối với vùng Nam Bộ. Với mức đóng góp GDP là 66,1% trong vùng(KTTĐPN) và đạt mức 30% trong tổng GDP của cả khu vực Nam Bộ.

Thành phố là nơi thu hút vốn đầu tư nước ngoài mạnh nhất cả nước, kể từ khi Luật đầu tư được ban hành. Số dự án đầu tư vào thành phố chiếm khoảng 1/3 tổng số dự án đầu tư nước ngoài trên cả nước. Nếu như trong giai đoạn 1988 - 1998 thành phố có 786 dự án với tổng vốn đầu tư là 9,540.7 triệu USD thì cả nước có 2,453 dự án với tổng số vốn là 38,856.8 triệu USD. Đến giai đoạn 1988 - 09/2006, Thành phố có 2,067 dự án với tổng số vốn đăng ký là 13,651.3 triệu USD thì lúc này cả nước có 6,761 dự án với tổng số vốn đăng ký là 57,351.8 triệu USD.

Thành phố luôn chiếm tỷ trọng cao nhất trong tổng thu ngân sách của nhà nước, mặc dù gặp nhiều khó khăn song thu ngân sách của vẫn không ngừng tăng. Thời kỳ 1986 - 1990, thu ngân sách thành phố chiếm 26.4% tổng thu ngân sách của cả nước, đến năm 1999 chiếm 36.46 %.

Về mặt thương mại, dịch vụ, thành phố là trung tâm xuất nhập khẩu lớn nhất nước ta. Kim ngạch xuất nhập khẩu của thành phố ngày càng chiếm tỷ trọng lớn trong tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của cả nước. Thành phố có hệ thống chợ và siêu thị khá lớn. Trong tương lai, thành phố sẽ xây dựng một số chợ mới thuận tiện và hiện đại phù hợp với quy hoạch phát triển đô thị.

Thành phố Hồ Chí Minh là trung tâm tài chính ngân hàng lớn nhất Việt Nam, thành phố dẫn đầu cả nước về số lượng ngân hàng và doanh số quan hệ tài chính - tín dụng. Doanh thu của hệ thống ngân hàng thành phố chiếm khoảng 1/3 tổng doanh thu toàn quốc

Chủ trương của thành phố hiện nay là phát triển các ngành kinh tế chủ lực, là địa phương đầu tiên tập trung phát triển các ngành cơ khí gia dụng, sản xuất phương tiện vận tải, chế tạo máy, các ngành công nghệ cao ... vẫn là đầu mối xuất nhập khẩu, du lịch của cả nước với hệ thống cảng biển phát triển. Việc hình thành các hệ thống giao thông như đường Xuyên Á, đường Đông Tây ... sẽ tạo điều kiện cho kinh tế thành phố tăng trưởng mạnh mẽ.

Trong tương lai, thành phố sẽ phát triển mạnh mẽ về mọi mặt, có cơ cấu công nông nghiệp hiện đại, có văn hoá khoa học tiên tiến, một thành phố văn minh hiện đại có tầm cỡ ở Khu vực Đông Nam Á. Trong quá trình phát triển và hội nhập, thành phố Hồ Chí Minh luôn khẳng định vai trò là một trung tâm kinh tế, tài chính, thương mại, dịch vụ của cả nước; là hạt nhân của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, một trong ba vùng kinh tế trọng điểm lớn nhất nước và

cũng là vùng động lực cho công cuộc phát triển kinh tế - xã hội ở địa bàn Nam Bộ và cả nước theo chiến lược Công nghiệp hóa, Hiện đại hóa.

I.2/ Định hướng phát triển kinh tế - xã hội Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2010.

- Duy trì tốc độ tăng trưởng của thành phố cao hơn tốc độ tăng trưởng bình quân chung của cả nước và phát triển một cách toàn diện, cân đối và bền vững về kinh tế, văn hóa, xã hội. Tốc độ tăng trưởng GDP TP.HCM bình quân thời kỳ 2005-2010 phấn đấu đạt 13%/năm.

- Phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn TP.HCM gắn liền với tổng thể phát triển kinh tế - xã hội khu vực kinh tế trọng điểm phía Nam và cả nước; đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng gia tăng tỷ trọng khu vực dịch vụ; phát triển kinh tế hướng mạnh về xuất khẩu. Từ tỷ trọng 53,7% trong cơ cấu, khu vực dịch vụ TP.HCM phấn đấu đạt tỷ trọng khoảng 51,7% năm 2010; khu vực công nghiệp và xây dựng thay đổi tương ứng 48,1% năm 2005 và 47,5% (2010); khu vực nông lâm ngư nghiệp dự kiến sẽ giảm liên tục từ 1,4% năm 2005 và 0,8% năm 2010.

- Hiện đại hóa các ngành dịch vụ, đặc biệt là các loại dịch vụ phục vụ sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế và công nghiệp hóa ngang tầm với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của khu vực kinh tế trọng điểm phía Nam và cả nước. Hình thành một cơ cấu các thành phần kinh tế hợp lý, liên kết hỗ trợ lẫn nhau, bao gồm kinh tế nhà nước, kinh tế hợp tác, kinh tế tư nhân, kinh tế tư bản nhà nước và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo. Khu vực kinh tế ngoài quốc doanh chiếm tỷ trọng khá cao, nhưng không thay đổi nhiều trong cơ cấu. Khu vực đầu tư nước ngoài sẽ tăng về giá trị tuyệt đối cũng như cơ cấu suốt cả thời kỳ 2006-2010.

- Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về năng suất, chất lượng và hiệu quả của từng ngành và toàn bộ nền kinh tế nhằm nâng cao sức cạnh tranh trong tiến trình hội nhập, chiếm lĩnh thị trường trong nước, mở rộng thị trường xuất khẩu. Phát triển các ngành, các lĩnh vực Dịch vụ then chốt như thương mại, xuất nhập khẩu, tài chính - ngân hàng, bảo hiểm, du lịch, vận tải, thông tin viễn thông, khoa học công nghệ, giáo dục đào tạo; hình thành một trung tâm kinh tế - tài chính khu vực Đông Nam Á; phấn đấu duy trì tốc độ tăng trưởng tổng kim

ngạch xuất khẩu bình quân năm giai đoạn 2006 - 2010 là 20%/năm, tốc độ tăng tổng kim ngạch nhập khẩu bình quân năm giai đoạn 2006 - 2010 là 15%/năm. Phát triển nông nghiệp theo hướng phù hợp với đặc điểm đô thị sinh thái.

- Tăng trưởng kinh tế phải đi đôi với bảo đảm dân sinh, nâng cao chất lượng cuộc sống, công bằng xã hội. Chuẩn bị tốt nguồn nhân lực; lựa chọn phát triển các công nghệ “mũi nhọn”, đồng thời mở rộng nghiên cứu ứng dụng đáp ứng yêu cầu Công nghiệp hóa, hiện đại hóa; tạo nhiều việc làm.

- Hạn chế tăng dân số và phân bố lại hợp lý dân cư trong vùng và trên địa bàn thành phố. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, bao gồm học vấn, nghề nghiệp và thể chất. Coi trọng phát triển khoa học và công nghệ, văn hóa - nghệ thuật, y tế, giáo dục, thể dục thể thao tương xứng với một trung tâm của khu vực. Khắc phục các tiêu cực và tệ nạn xã hội, phân hóa giàu nghèo.

- Phát triển đồng bộ và đi trước một bước hệ thống cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, hạ tầng kỹ thuật, đặc biệt là giao thông đô thị. Song song với việc chỉnh trang, cải tạo, nâng cấp khu vực đô thị cũ, phát triển nhanh các khu vực đô thị mới, đô thị hóa vùng nông thôn nhằm hạn chế mật độ dân cư tập trung quá mức ở các khu vực trung tâm; gia tăng mật độ cây xanh, khắc phục ô nhiễm, cải thiện môi trường sinh thái, tiến tới xây dựng một đô thị văn minh hiện đại. Về lâu dài, thành phố là đầu mối lớn về giao thông đường sắt ở khu vực phía Nam, nối với đồng bằng sông Cửu Long, Nam Tây Nguyên và với đường sắt xuyên Á. Kiên quyết dần từng bước thay đổi cơ cấu các loại phương tiện giao thông hoạt động trên địa bàn Thành phố. Tập trung giải quyết vấn đề giao thông công cộng và phát triển cơ sở hạ tầng giao thông. Thành phố Hồ Chí Minh sẽ phát triển một hệ thống giao thông công cộng (xe Bus) tiện nghi và giá cả vừa phải trong khu vực nội thành, cũng như phát triển dọc theo trục hành lang nối ra bên ngoài.

- Tiếp tục thực hiện cải cách hành chính, nâng cao năng lực điều hành quản lý nhà nước ở các cấp chính quyền thành phố; nghiên cứu đề xuất, điều chỉnh, bổ sung những vấn đề thuộc cơ chế, chính sách và luật pháp để tạo động lực mới, động viên sức dân tham gia xây dựng thành phố.

- Phát triển kinh tế, kết hợp với giữ vững an ninh chính trị, trật tự công cộng, an toàn xã hội, đóng góp tích cực cho công tác bảo đảm an ninh - quốc phòng khu vực phía Nam và đất nước.

I.3/ Vai trò của Khu chế xuất đối với sự phát triển của Thành phố.

Khu chế xuất Tân Thuận là là Khu chế xuất đầu tiên của Việt Nam được Nhà nước thành lập theo Quyết định của Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng (nay là Chính phủ) số 394/CT ngày 25/11/1991. Lễ động thổ diễn ra vào năm 1991 và đến ngày 2/6/1992 khởi công xây dựng, với quy mô 200 xí nghiệp, thu dụng 90,000 công nhân, trị giá hàng xuất khẩu 6 tỷ USD/năm. Ngoài ra, dự án Khu chế xuất Tân Thuận đã kéo theo việc mở thêm Nhà máy điện Hiệp Phước, cảng Container Nhà Bè và xa lộ 17.8 km xuyên qua 5 khu dân cư đô thị mới Nam Sài Gòn.

Một năm sau ngày khởi công, Khu chế xuất Tân Thuận đã có đến 63 sự kiện đánh dấu, như: ngày 27/09/1992 có 35 đơn vị nước ngoài đến đăng ký thuê đất và Công ty Dệt Liên Minh là đơn vị đầu tiên đưa nhà máy vào hoạt động.

Tiếp theo Khu chế xuất Tân Thuận, một loạt các dự án lớn đã được đầu tư vào vùng đất ngập mặn Nhà bè – Bình Chánh như xa lộ Nam Sài Gòn 18 km, rộng 60 m; khu đô thị mới Nam Sài Gòn rộng 2,600 hecta; Khu công nghiệp Hiệp Phước rộng 2,000 hecta; nhà máy điện Hiệp Phước công suất 675 MW... Tổng vốn đầu tư nước ngoài cho khu vực này đến nay đã lên tới trên 1.5 tỷ USD.

Đồng thời với thành công đạt được của Khu chế xuất Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh đã xây dựng một loạt các Khu công nghiệp tập trung xung quanh trục lộ vành đai Thành phố Hồ Chí Minh. Nhờ đó đã thu hút được hàng trăm xí nghiệp nước ngoài vào đầu tư, tạo tiền đề cho việc phát triển Thành phố Hồ Chí Minh thành một trung tâm công nghiệp thương mại dịch vụ tầm cỡ khu vực Châu Á.

Khởi đầu từ Khu chế xuất Tân Thuận, đến cuối năm 2005 cả nước có 130 Khu công nghiệp, Khu chế xuất với diện tích tự nhiên là 26,517 hecta, phân bố rộng khắp trên 45 tỉnh thành phố trực thuộc trung ương, thu hút 4,516 dự án đầu tư, trong đó 2,202 dự án có vốn đầu tư nước ngoài với tổng vốn đăng ký khoảng 17.6 tỷ USD và 2,314 dự án đầu tư trong nước với tổng vốn đầu tư đăng ký trên 103,000 tỷ đồng. Trong năm 2005 các Khu công nghiệp, Khu chế xuất của cả nước làm ra một giá trị sản xuất đạt trên 14 tỷ USD bằng 28% tổng giá trị sản xuất công nghiệp của cả nước; kim ngạch xuất khẩu đạt 6 tỷ USD bằng 19% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước; thu hút 740,000 lao động trực tiếp.

Đến tháng 12/2006, TP. Hồ Chí Minh có 16 Khu công nghiệp, Khu chế xuất với 596 doanh nghiệp nước ngoài và 588 doanh nghiệp trong nước với tổng vốn đầu tư còn hiệu lực là 2,363.55 triệu USD và 24,273 tỷ đồng. Trên địa bàn vùng kinh tế trọng điểm phía Nam bắt đầu từ khu chế xuất Tân Thuận đã hình thành một chuỗi liên hoàn các Khu công nghiệp, Khu chế xuất tạo thành một vành đai công nghiệp đi từ Khu chế xuất Tân Thuận, tiếp đó là khu chế xuất Linh Trung, tiếp nối liên hoàn với các khu công nghiệp dọc theo Quốc lộ 51 đến Khu công nghiệp Biên Hoà I và Biên Hoà II, đến Khu công nghiệp Việt Nam Singapore, Sóng Thần, Đồng An (Bình Dương) v.v liên hoàn với Khu chế xuất Linh Trung, kéo sang Khu chế xuất Tân Thuận rồi tiếp đến khu đô thị mới Nam Sài Gòn, thông sang Khu công nghiệp Tân Tạo, Lê Minh Xuân (Bình Chánh) liên thông với Khu công nghiệp Đức Hoà I, Xuyên Á (Long An), kế đến Khu công nghiệp Bắc Củ Chi và liền kề là Khu công nghiệp Trảng Bàng (Tây Ninh). Chuỗi Khu công nghiệp vẫn còn đang mở rộng như vết dầu loang.

Sức lan toả của Khu chế xuất Tân Thuận không chỉ là sự nhân ra nhanh chóng mô hình Khu chế xuất mà còn mang nội dung phát triển mà Khu chế xuất Tân Thuận là động lực nhân ra, hình thành hệ thống các dự án mới làm thay đổi cuộc sống của vùng Nhà Bè và góp sức làm rõ những định hướng phát triển ra biển Đông của thành phố Hồ Chí Minh. **Đó là:**

Tuyến đường Bắc Nhà Bè - Nam Bình Chánh gọi tắt là đường Bình Thuận (từ Khu chế xuất Tân Thuận đến huyện Bình Chánh) hiện nay đặt tên là Đại lộ Nguyễn Văn Linh, nối liền với Quốc lộ 1, chiều dài tuyến đường 17,8 km, lộ giới 120 mét, có mười làn xe chạy. Tuyến đường này sẽ giúp cho việc giải toả hàng hoá xuất nhập khẩu của Cảng Sài Gòn không phải đi vào nội thành như hiện nay, đây cũng là tuyến đường vành đai quan trọng của thành phố. Tuyến đường được xây dựng song song với hướng của Kinh Tế, Kinh Đô (hướng Đông Tây, Sài Gòn - Chợ Lớn).

Khu đô thị mới Nam Tp Hồ Chí Minh (Nam Sài Gòn) được qui hoạch dọc theo tuyến đường Bình Thuận, diện tích là 2.600 ha với sức chứa khoảng 500.000 dân. Khu đô thị này được qui hoạch song song với khu vực nội thành hiện có (quận 1, quận 4, quận 5, quận 6, quận 8) và cách trục đường Trần Hưng Đạo khoảng 4 - 5 km. Đây là khu đô thị mới hiện đại phục vụ cho việc giãn dân thành phố. Với diện tích 2.600 héc ta theo qui hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, toàn khu được chia làm 21 phân khu chức năng, gồm các khu

ing tâm thương mại - dịch vụ, khu dân cư, khu sản xuất, khu tập trung phân
lỗi hàng hoá, khu hành chính, y tế, khu thể thao, công viên, khu giáo dục đào
o (cả các trường đại học) khu khoa học - kỹ thuật cao, khu vui chơi giải trí v.v.

Khu công nghiệp Hiệp Phước rộng 2.000 héc ta thuộc xã Hiệp Phước,
huyện Nhà Bè, bên cạnh sông Soài Rạp phía Tây giáp tỉnh Long An. Từ trung
âm thành phố theo hương lộ 34 xuống tới khu công nghiệp Hiệp Phước khoảng
16 km và xuôi dòng sông Soài Rạp ra bờ biển Đông còn khoảng 20km. Theo dự
án, sẽ xây dựng nơi đây một khu công nghiệp cơ bản, với các ngành cần sử dụng
đất rộng, cần bến cảng cho tàu có trọng tải lớn cập bến, có những mức độ ô
nhiễm phải xử lý tập trung như xi mạ, nhuộm, hoá chất, v.v. Một nhà máy nhiệt
điện có công suất 375 MW được xây dựng nhằm cung cấp điện năng cho khu
công nghiệp Hiệp Phước và cả vùng phía Nam thành phố sau này.

Sự mở rộng và lớn mạnh của chuỗi liên hoàn các Khu công nghiệp, Khu
chế xuất đã góp phần không nhỏ vào sự phát triển công nghiệp của Vùng kinh tế
trọng điểm phía Nam, khẳng định và nâng thêm vị trí, vai trò trung tâm lớn nhất
của cả nước về công nghiệp của Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam mà thành
phố Hồ Chí Minh là hạt nhân phát triển. Chuỗi liên hoàn các khu công nghiệp có
trình độ công nghệ tiên tiến và trình độ quản trị doanh nghiệp hiện đại, tạo thành
đòn bẩy cho sự phát triển công nghiệp của khu vực Nam Bộ và cả nước. Trên
nền tảng đó, công nghiệp Vùng và công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh có nhiều
lợi thế so sánh và tiềm năng có tính hiện thực trong chuyển dịch cơ cấu sản xuất
theo hướng đi vào công nghệ cao, công nghệ sạch của nền kinh tế tri thức.

Khu chế xuất Tân Thuận chẳng những khởi đầu cho sự hình thành, phát
triển một mô hình kinh tế mà còn bao hàm ý tưởng tiến về phía Đông của thành
phố Hồ Chí Minh. Nó chứng minh một thực tế: ***“Nếu có cách nghĩ, cách làm
đúng có thể dùng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) để chuyển dịch cơ
cấu kinh tế theo hướng CNH-HĐH của một vùng đất nghèo nàn, lạc hậu,
đồng thời xoá đói giảm nghèo một cách triệt để nhất”***.

Về môi trường pháp lý: Nếu như sự ổn định về chính trị, xã hội trong nước là
yếu tố đầu tiên bảo đảm thu hút FDI thành công, thì khung pháp lý của Khu chế
xuất Tân Thuận bao gồm Quy chế Khu chế xuất; Quy định về chức năng nhiệm
vụ của Ban Quản lý, Quyết định về chức năng nhiệm vụ của Công ty kinh doanh
phát triển hạ tầng, Điều lệ Công ty liên doanh là một đóng góp quan trọng cho

ung pháp lý hình thành các Khu công nghiệp, Khu chế xuất tiếp theo sau đó.ện nay trên cơ sở khung pháp lý này, Nhà nước đã bổ sung và ban hành khung pháp lý chung cho các Khu công nghiệp, Khu chế xuất cả nước.

Khu chế xuất Tân Thuận đã tạo ra môi trường đầu tư hấp dẫn không chỉ cho bản thân mình, cho thành phố và cả nước. Kinh tế thành phố từ 1992 trở về trước chưa có được một tổ chức kinh tế nào có khả năng tích tụ vốn, nên rất khó khăn trong đầu tư chiều sâu và đầu tư mới để hiện đại hoá thiết bị, đa dạng hoá sản phẩm, tiếp cận được với thị trường quốc tế.

Tích tụ và tập trung tư bản ở mức cao là tiền đề căn bản để đổi mới công nghệ, tăng năng suất lao động. Khác với trình độ công nghệ các doanh nghiệp ngoài Khu công nghiệp, Khu chế xuất ; trình độ công nghệ các doanh nghiệp trong Khu công nghiệp, Khu chế xuất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh đều thuộc loại tiên tiến, đồng bộ tương ứng với quy mô tổ chức doanh nghiệp. Trên cơ sở đó hình thành tính ổn định về chất lượng sản phẩm và sức cạnh tranh của doanh nghiệp, của sản phẩm đi tới xác định được phân khúc thị trường, thị trường có chức năng khác biệt và lỗ hổng thị trường (market nich). Vì thế các doanh nghiệp có khả năng sản xuất được các sản phẩm cao cấp, giàu hàm lượng tri thức và giàu tiềm năng thành công về cạnh tranh trên thương trường.

Sức hấp dẫn, sự lan toả của mô hình kinh tế Khu công nghiệp, Khu chế xuất bên cạnh ưu thế trong xúc tiến thị trường thương mại và đầu tư quốc tế còn tạo ra sự cộng hưởng sinh động và hiệu quả đối với kinh tế nội địa trên 2 đối tượng cơ bản là Nhà nước và doanh nghiệp.

Đối với các doanh nghiệp nội địa trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, gắn kết với các doanh nghiệp trong Khu công nghiệp, Khu chế xuất là thời cơ tìm kiếm và mở rộng thị trường xuất khẩu sản phẩm với giá thành thấp nhất, giảm tối đa chi phí quản lý. Từ đó tạo ra động lực thúc đẩy các doanh nghiệp nội địa đầu tư đổi mới công nghệ, tìm kiếm thị trường mới, nâng sức cạnh tranh cho sản phẩm và doanh nghiệp đi tới hình thành được thương hiệu mạnh .

Nhìn lại chặng đường 15 năm hình thành và phát triển của Khu chế xuất Tân Thuận với những nét độc đáo tạo sức phát triển mới của riêng Tân Thuận, chúng ta có thể khái quát một mô hình phát triển của kinh tế thành phố Hồ Chí Minh trong cơ chế kinh tế thị trường như sau:

- ✓ Một là: Khu chế xuất Tân Thuận mở đầu cho một loại hình kinh tế có sức

- lan tỏa lớn đồng thời mở ra một định hướng phát triển mới, hiệu quả cao .
- ✓ Hai là: Khu chế xuất Tân Thuận là cầu nối quan trọng cho sự hội nhập kinh tế của thành phố Hồ Chí Minh và rộng hơn là của Việt Nam với thị trường thế giới.
 - ✓ Ba là: Khu chế xuất Tân Thuận là mô hình đổi mới tư duy kinh tế mà sự thành công của nó thể hiện sự kết hợp hài hòa hai yếu tố: Một khung phát lý của nền kinh tế thị trường thích nghi với sự hội nhập kinh tế thế giới; Phát huy vai trò đi đầu của doanh nhân (trong nước và nước ngoài) trong công cuộc phát triển kinh tế đất nước.
 - ✓ Bốn là: Sự thành công của KCX Tân Thuận đưa đến một định hướng mới của thành phố HCM là phát triển ra Biển Đông, một định hướng chiến lược của thành phố trong thế kỷ 21.

Tóm lại: Nét độc đáo của Khu chế xuất Tân Thuận không chỉ là đã thu hút được vốn đầu tư FDI như chức năng được giao là mà sự thành công của Khu chế xuất Tân Thuận đã khơi nguồn hình thành định hướng phát triển thành phố Hồ Chí Minh chuyển động về hướng Nam, tiến ra biển Đông. Đó là sự ra đời Nhà máy điện Hiệp Phước, Đại lộ Nguyễn Văn Linh, Khu đô thị mới Phú Mỹ Hưng, Khu công nghiệp Hiệp Phước và sắp tới là Khu đô thị cảng Hiệp Phước đưa khu vực phía Nam thành phố Hồ Chí Minh trở thành khu vực phát triển sôi động, hiệu quả cao về kinh tế xã hội, làm thay đổi bộ mặt vùng đất Nhà Bè quanh năm ngập mặn, nghèo đến mức “*cạp đất mà ăn*” thành một vùng đô thị trù phú, hiện đại bậc nhất Việt Nam. Đây chính là thành quả rõ nhất của chủ trương đổi mới tư duy, một chương trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế một vùng đất nghèo theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Chương II: THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KHU CHẾ XUẤT TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

II.1/ Tình hình thu hút vốn đầu tư:

1/ Sự cần thiết của việc thu hút vốn đầu tư vào các Khu chế xuất:

Nước Việt Nam đang trong thời kỳ hội nhập nền kinh tế thế giới, và đang tiến hành công cuộc Công nghiệp hóa, Hiện đại hóa nền kinh tế trong nước. Với Việt Nam, để thực hiện công cuộc đó thành công thì Nhà nước ta đã khẳng định phải dựa vào nội lực là chính. Tuy nhiên với xuất phát điểm là một nền kinh tế yếu kém, thu nhập quốc dân và thu nhập trên đầu người còn thấp nên nguồn vốn để Công nghiệp hóa, Hiện đại hóa còn phụ thuộc nhiều vào nguồn vốn nước ngoài.

Để phát triển kinh tế với mục tiêu Công nghiệp hóa, Hiện đại hóa đất nước dần dần bắt kịp với nền kinh tế thế giới, Đảng và Nhà nước ta đã kịp thời cho đời các Khu công nghiệp và Khu chế xuất theo Nghị định 332/HĐBT của Hội Đồng Bộ Trưởng ngày 18/10/1991. Việc ra đời các Khu chế xuất và các Khu công nghiệp vào thời điểm đó được coi là một giải pháp quan trọng nhằm thu hút vốn đầu tư từ nước ngoài, đẩy nhanh quá trình Công nghiệp hóa hướng về xuất khẩu. Các Khu chế xuất và Khu công nghiệp hình thành nói chung đã tạo điều kiện cho các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vào Việt Nam để tận dụng những năng lực sẵn có của Việt Nam nhằm thu lợi nhuận, đồng thời hỗ trợ nền kinh tế Việt Nam phát triển.

Với đặc điểm của Khu chế xuất là các doanh nghiệp chỉ sản xuất và cung cấp hàng hóa dịch vụ phục vụ cho xuất khẩu. Mà để có sản phẩm đáp ứng với nhu cầu và thị hiếu khó tính của nền kinh tế thị trường thì việc tạo ra sản phẩm phù hợp và giá cả hợp lý thì đòi hỏi các doanh nghiệp phải có một nguồn vốn lớn và có một quy trình sản xuất công nghệ cao.

2/ Đầu tư trực tiếp vào các Khu chế xuất:

Vốn đầu tư chủ yếu vào các Khu chế xuất là nguồn vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài và hầu như không có hình thức đầu tư khác vào Khu này. Bây giờ chúng ta sẽ đi tìm hiểu một chút về hình thức đầu tư này.

a) Khái niệm:

Đầu tư trực tiếp là hình thức đầu tư quốc tế mà chủ đầu tư nước ngoài góp một số vốn đủ lớn vào lĩnh vực sản xuất hoặc dịch vụ, cho phép họ tiếp tham gia điều hành đối tượng mà họ tự bỏ vốn đầu tư.

b) Đặc điểm của hình thức đầu tư trực tiếp:

- ⊗ Các chủ đầu tư nước ngoài phải đóng góp một số vốn tối thiểu, tùy theo quy định của luật đầu tư từng nước. Theo luật đầu tư nước ngoài Việt Nam quy định “số vốn góp tối thiểu của nhà đầu tư nước ngoài phải bằng 30% vốn pháp định của dự án”.
- ⊗ Quyền hành quản lý xí nghiệp phụ thuộc vào mức độ đóng góp vốn, nếu đóng góp 100% vốn thì xí nghiệp đó hoàn toàn do chủ đầu tư nước ngoài điều hành.
- ⊗ Lợi nhuận của các chủ đầu tư nước ngoài thu được phụ thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh của xí nghiệp. Lợi và lỗ sẽ được chia theo tỷ lệ góp vốn trong vốn pháp định sau khi đã nộp thuế lợi tức cho nước chủ nhà.
- ⊗ Đầu tư trực tiếp được thực hiện dưới các hình thức:
 - _ Đóng góp vốn để xây dựng xí nghiệp mới.
 - _ Mua lại toàn bộ hoặc từng phần xí nghiệp đang hoạt động.
 - _ Mua cổ phiếu để thôn tín hoặc sát nhập.

c) Ưu điểm của hình thức đầu tư trực tiếp:

- ⊗ Về phía chủ đầu tư:
 - Cho phép chủ đầu tư nước ngoài ở mức độ nhất định tham dự vào điều hành quá trình kinh doanh của xí nghiệp, nên họ trực tiếp kiểm soát sự hoạt động và kịp thời đưa ra những quyết định có lợi cho vốn đầu tư mà họ bỏ ra. Nếu môi trường đầu tư ổn định thì các nhà đầu tư thường thích bỏ ra 100% vốn đầu tư.
 - Giúp cho chủ đầu tư nước ngoài dễ dàng chiếm lĩnh thị trường tiêu thụ và nguồn cung cấp nguyên liệu chủ yếu của nước chủ nhà.
 - Lợi dụng cơ chế quản lý thuế đối với hoạt động đầu tư ở các nước

khác nhau, mà các nhà đầu tư mở các Công ty con ở các nước khác nhau để thực hiện “chuyên giá” nhằm tối đa hóa lợi nhuận.

- Giúp cho nhà đầu tư khai thác được lợi thế của các quốc gia khác: thị trường, vị trí địa lý, tài nguyên, nguồn nhân lực, đất đai ... nhằm giảm chi phí kinh doanh để tăng lợi nhuận.
- Tránh được hàng rào bảo hộ mậu dịch vì thông qua đầu tư trực tiếp họ tạo được các xí nghiệp nằm bên “trong lòng” các nước thi hành chính sách bảo hộ mậu dịch.

◎ Về phía nước tiếp nhận đầu tư:

- Giúp tăng cường khai thác vốn của từng nhà đầu tư nước ngoài. Nhiều nước thiếu vốn trầm trọng nên đối với hình thức đầu tư trực tiếp từ nước ngoài không quy định mức vốn đóng góp tối đa của mỗi hình thức đầu tư, thậm chí đóng góp càng nhiều càng được hưởng những chính sách ưu đãi về thuế của nước chủ nhà.
- Giúp tiếp thu được công nghệ tiên tiến và kinh nghiệm quản lý kinh doanh của các chủ đầu tư nước ngoài.
- Nhờ có vốn đầu tư nước ngoài cho phép nước chủ nhà có điều kiện khai thác tốt nhất những lợi thế củ mình về tài nguyên, vị trí, mặt đất,...
- Đẩy nhanh quá trình hội nhập của quốc gia với nền kinh tế thế giới vì đầu tư trực tiếp là nhân tố tác động mạnh mẽ đến tiến trình hoàn thiện thể chế, chính sách đến môi trường đầu tư.
- Góp phần thay đổi cơ cấu nền kinh tế theo hướng công nghiệp và dịch vụ làm cho tính hiệu quả của sự phát triển kinh tế được nâng lên.
- Đầu tư FDI góp phần nâng cao mức sống của nước tiếp nhận đầu tư thông qua giải quyết việc làm, tăng thu nhập, tạo đội ngũ lao động có trình độ và tay nghề cao.

Bên cạnh những ưu điểm kể trên thì hình thức đầu tư trực tiếp cũng có một số hạn chế như sau:

- Nếu đầu tư vào môi trường bất ổn định về kinh tế và chính trị thì

chủ đầu tư nước ngoài rất dễ bị mất vốn.

- Nước chủ nhà không có một quy hoạch đầu tư cụ thể và khoa học sẽ dẫn tới sự đầu tư tràn lan kém hiệu quả, tài nguyên thiên nhiên bị bóc lột quá mức và nạn ô nhiễm môi trường trở nên nghiêm trọng. Vì hiện nay ở các nước tư bản phát triển thực hiện sự kiểm soát gắt gao những dự án gây ô nhiễm môi trường, nên xu thế nhiều nhà tư bản nước ngoài đã và đang chuyển giao những công nghệ độc hại sang các nước kém phát triển.
- Đầu tư FDI có thể gây tác động không thuận lợi: “Tác động âm” lên cán cân thương mại và cán cân thanh toán.
- Hoạt động FDI cũng tạo ra điều kiện để dẫn tới sự phân hóa giàu nghèo, sự di dân ồ ạt ra thành thị các khu trung tâm đô thị lớn gây xáo trộn xã hội; bất bình đẳng gia tăng; bất bình đẳng giữa các vùng kinh tế, các ngành kinh tế và giữa các tầng lớp dân cư.
- Hoạt động đầu tư FDI là một trong những nguyên nhân dẫn tới sự pha trộn về văn hóa, bản sắc dân tộc bị mai một.

3/ Tình hình thu hút vốn đầu tư vào các Khu chế xuất:

Vốn đầu tư trong Khu chế xuất được hình thành và phát triển trong mối quan hệ xúc tiến thị trường và theo xu hướng mở cửa của kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh và nền kinh tế đất nước. Tính đến hết ngày 30/09/2006, phân bổ vốn đầu tư theo các Khu chế xuất là **1,267,048,598 USD** cụ thể như sau:

Khu chế xuất	Vốn đầu tư (USD)	Số nhà đầu tư	Đất đai cho thuê (%)
Tân Thuận	841,972,119	159	82,03
Linh Trung I	260,566,477	31	100
Linh Trung II	124,660,002	42	100
Linh Trung III	59,850,000	41	Sẵn sàng cho thuê
Tổng cộng	1,287,048,598	220	

Nhìn chung các Khu chế xuất đã đi vào hoạt động ổn định, cơ sở hạ tầng trong đối hoàn thiện. Tính cho đến thời điểm hiện nay thì tỷ lệ lấp đầy tại 2 Khu chế xuất Linh Trung I và Linh Trung II đã đạt 100%, còn Khu chế xuất Tân Thuận mặc dù được hình thành và phát triển sớm nhất nhưng tỷ lệ lấp đầy ở Khu chế xuất này chỉ mới đạt tới con số là 82.03% diện tích đất cho thuê. Khu chế xuất và Công nghiệp Linh Trung III thì do mới chính thức hoạt động từ tháng 09/2003 nên còn trong giai đoạn san lấp mặt bằng, hoàn thiện cơ sở hạ tầng để thu hút vốn đầu tư, do đó Khu này vẫn còn đất trống và sẵn sàng cho thuê.

Tổng số vốn đầu tư vào các Khu chế xuất này tính đến hết ngày 30/09/2006 là **1,287,048,598 USD** chiếm khoảng 9,23% tổng số vốn đầu tư nước ngoài toàn Thành phố. Trong đó tính đến hết ngày 09/2006 thì tổng số vốn đầu tư vào Khu chế xuất Tân Thuận đã lên đến trên 841 triệu USD. Nguồn vốn đầu tư từ hơn 10 nước trên thế giới, trong đó Nhật Bản và Đài Loan chiếm tới 80% tổng số dự án và tổng số vốn đầu tư.

Mặc dù đạt được kết quả như vậy song nguồn vốn đầu tư vào các Khu chế xuất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh có chiều hướng chững lại so với tốc độ trước kia. Cụ thể như sau:

Các chỉ tiêu	09/2006	09/2005	09/2004	06/05 (%)	06/04(%)
Tổng số vốn đầu tư (tr.USD)	19.68	21.78	30.27	90.36	65.01
Tổng số dự án đầu tư	17	22	26	77.27	65.38
Quy mô vốn bình quân cho một dự án (tr.USD/Dự án)	7.98	6.73	6.32	118.57	126.27

Qua bảng số liệu trên ta có thể thấy được rằng 09 tháng đầu năm 2006 tổng số vốn đầu tư vào các Khu chế xuất đạt 19.68 triệu USD, chỉ đạt 90.36% so với cùng kỳ năm ngoái và chỉ bằng 65.01% so với cùng kỳ năm 2004. Tổng số dự án đầu tư vào năm nay có 17 dự án tính cho đến hết tháng 09 và đưa tổng số dự án của các Khu chế xuất lên con số là 280 dự án. So với cùng kỳ năm 2005

ng số dự án thu hút được giảm 05 dự án, và giảm 09 dự án so với cùng kỳ năm 2004. Sở dĩ có sự chững lại như vậy là do: theo như lời ông Vũ Văn Hòa, Trưởng Ban quản lý các Khu chế xuất và Khu công nghiệp TP. HCM thì hiện nay Khu chế xuất đang đi vào quỹ đạo chủ trương của Thành ủy và UBND Thành phố Hồ Chí Minh: “Thà chậm lại, nhưng phải có chọn lọc” và “Đang trong giai đoạn nâng chất và cơ cấu lại ngành nghề, nếu không sẽ rơi vào tình trạng: Phát triển quá nhiều ngành tổng hợp, không đúng chức năng của một thành phố công nghiệp và thu hút nhiều lao động nhập cư, khi đó hàng loạt vấn đề xã hội sẽ phát sinh”. Và rằng sự giảm sút trong thu hút vốn đầu tư và các dự án vào các Khu chế xuất đều nằm trong dự đoán.

Một lý do mà nguồn vốn đầu tư vào các Khu chế xuất giảm là do nền đất ở các Khu chế xuất này không đáp ứng được yêu cầu. Có sự khẳng định như vậy là do trong quá trình vận hành, nền đất ở đây vốn đã yếu, lún sẽ không đảm bảo độ chính xác làm việc của máy móc, đặc biệt là với những ngành sản xuất như cơ khí chính xác, linh kiện tinh vi sẽ càng trở nên khó khăn hơn. Chính vì điều này mà đã có một số nhà đầu tư xin rút khỏi Khu chế xuất Tân Thuận vì một cán bộ trong ngành cho biết, ở Tân Thuận có nhà máy nền đất bị lún dợn sóng, phải ngừng vận hành. Việc này không những đã ảnh hưởng đến việc thu hút vốn đầu tư vào các Khu chế xuất mà nó còn ảnh hưởng đến cả việc thu hút vốn đầu tư vào Thành Phố Hồ Chí Minh. Nói như vậy không phải là không có căn cứ: Fujitsu Việt Nam là một trong những Công ty công nghệ cao đầu tiên chuyên lắp ráp bản mạch in điện tử và sản xuất đế bản mạch điện tử ở Việt Nam, với tổng số vốn đầu tư 198.8 triệu USD, Công ty này đã xây dựng nhà máy trên 4/10 hecta đất thuê tại Đồng Nai với lý do nền đất ở đây cứng, đảm bảo cho sản xuất. trong khi đó, các công ty như Liên Minh, Vĩ Thái, Đại Tân, Mê Kông đã đầu tư vào TP. HCM nay mở rộng thêm cơ xưởng mới ở Đồng Nai, Bình Dương và Long An với cùng một lý do là phải di chuyển vì nền đất lún, không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật mà giá thuê đất lại cao.

Thêm một lý do để nhà đầu tư không đầu tư vào các Khu chế xuất trên địa bàn Tp. HCM là hệ thống hạ tầng bên ngoài Khu chế xuất, chất lượng dịch vụ, điện nước, thông tin liên lạc, trật tự trị an đều kém, tình trạng kẹt xe, lưu thông còn rất hạn chế,...

Giá đất ở Đồng Nai và Bình Dương có thấp hơn TP.HCM một ít, nhưng đây không phải là yếu tố các nhà đầu tư đặt lên hàng đầu. Khung giá đất cho

thuê tại các KCN Đồng Nai thay đổi từ 25 đến 75 USD/m²/chu kỳ, Bình Dương thay đổi từ 25 đến 80 USD/m²/chu kỳ, đặc biệt các vùng giáp ranh với TP.HCM như KCN Sóng Thần, giá đất cho thuê lên tới 93USD/m², không rẻ hơn TP.HCM là mấy.

Khi đầu tư vào Bình Dương, Đồng Nai, kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng còn thấp. Ở hai tỉnh này, chi phí đền bù giải tỏa và san lấp chiếm tỷ lệ không đáng kể trong cơ cấu giá thành đất cho thuê. Ví dụ tại KCN Long Thành - Đồng Nai, chi phí cho đền bù giải tỏa chiếm tỷ trọng 17%, chi phí san lấp chiếm 6%. Trong khi đó, TP.HCM có mặt bằng lồi lõm, nền đất yếu cũng tốn thêm nhiều chi phí cho việc san lấp, xây dựng. Đã có nhà đầu tư không đặt được nhà máy vì khó khăn ngay từ khâu giải phóng mặt bằng.

Trước đây, TP.HCM là địa phương đầu tiên lập KCN và cũng đi tiên phong trong thu hút đầu tư nước ngoài, nhưng những doanh nghiệp đầu tiên vào với thành phố này hầu hết có quy mô nhỏ, chủ yếu là gia công. Đến nay sau một thời gian các KCN, KCX đã được lấp gần đầy. Hiện các KCN, KCX ở TP.HCM chỉ còn 85 hecta đất cho thuê. Các nhà đầu tư muốn mở rộng quy mô, hoặc các tập đoàn lớn vào sau đã không còn cơ hội. Trong khi đó, ở Bình Dương, Đồng Nai đất vẫn rộng mênh mông. Đơn cử như Đồng Nai, hiện tại các KCN còn trên 1,430 hecta đất cho thuê, chưa kể những vùng rộng lớn có đủ điều kiện quy hoạch thành KCN.

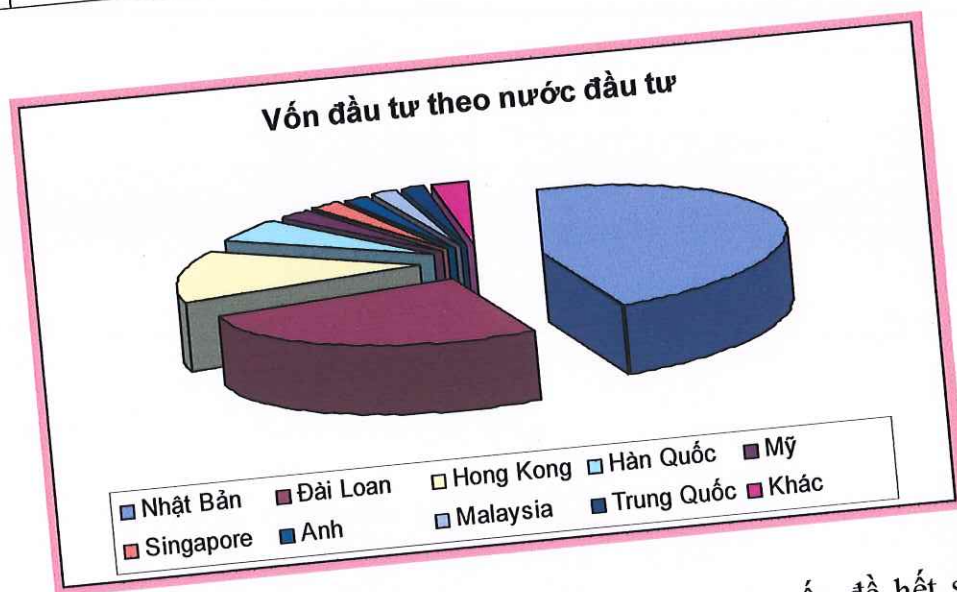
Mặc dù tổng số vốn đầu tư và số dự án đầu tư vào các Khu chế xuất giảm nhưng có một điều đáng mừng là quy mô vốn đầu tư trên một dự án lại tăng lên, cụ thể là: Nếu như năm 2004 quy mô vốn trên một dự án là 6.32 triệu USD thì đến năm 2005 là 6.73 triệu USD, tăng 6.48% so với năm 2004. Và đến năm nay thì con số này đã đạt tới là 7.98 triệu USD/dự án, tăng 18.58% so với năm 2005 và 26.27% so với năm 2004. Điều này chứng tỏ lời Ông hòa nói là có cơ sở: “chúng ta đang chọn lọc để nâng chất”.

Nguồn vốn đầu tư vào các Khu chế xuất này tập trung vào hơn 10 nước trên thế giới; trong đó Nhật Bản dẫn đầu về tổng số vốn đầu tư với 45% tương ứng 68 dự án đầu tư, đứng thứ hai là Đài Loan với 26.03% và 54 dự án đầu tư, thứ ba là Hong Kong với tổng số vốn chiếm 12.90%, tiếp theo HongKong lần lượt là các nước Hàn Quốc 4.97%, Mỹ 1.95%, Singapore 1.95%, Anh 1.70%, Malaysia 1.55%, Trung Quốc 1.49%, và các nước khác là 2.43%.

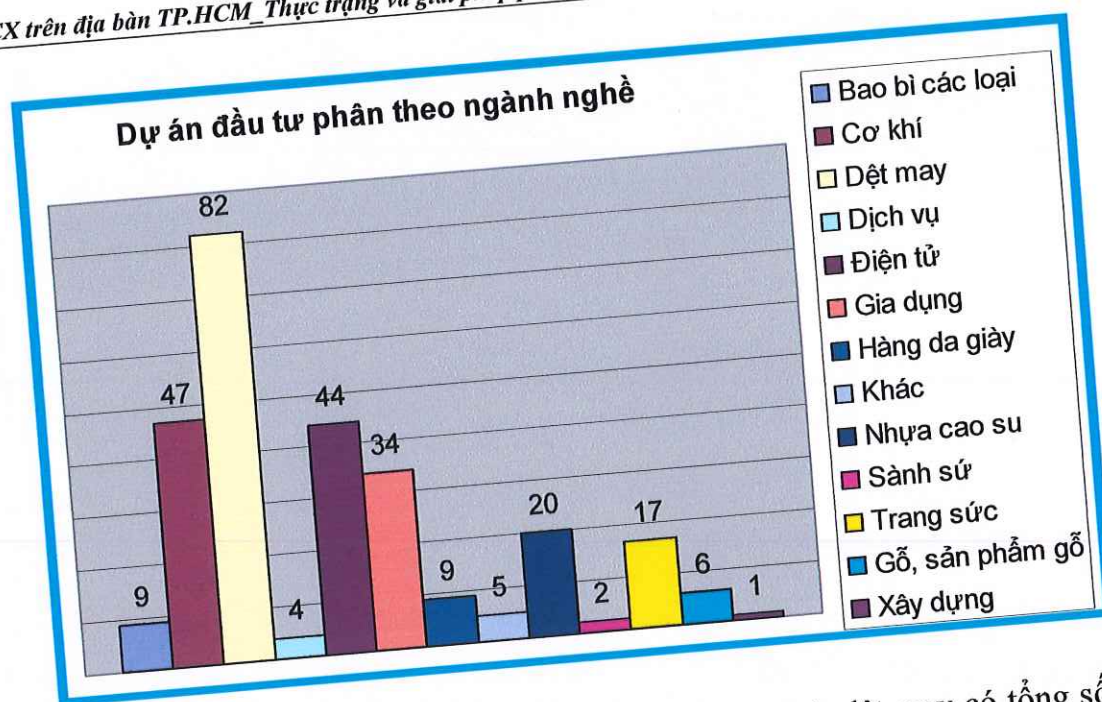
Vốn đầu tư phân bổ theo các nước

Nước đầu tư	Nhật Bản	Đài Loan	Hong Kong	Hàn Quốc	Mỹ	Singapore	Anh	Malaysia	Trung Quốc	Khác
Tỷ lệ vốn đầu tư (%)	45.0	26.03	12.90	4.97	1.95	1.95	1.70	1.55	1.49	2.43
Số dự án đầu tư	68	54	20	25	7	7	10	4	11	18

Vốn đầu tư theo nước đầu tư



Thu hút nguồn vốn vào các Khu chế xuất là một vấn đề hết sức quan trọng, tuy nhiên việc xác định cơ cấu đầu tư hợp lý lại có ý nghĩa đối với sự phát triển hiệu quả của các Khu chế xuất. Cơ cấu đầu tư vào các Khu chế xuất phân theo ngành nghề được phân bổ theo bảng dưới đây:



Theo bảng thống kê trên ta nhận thấy rằng: Ngành dệt may có tổng số dự án lớn nhất là 82 dự án, đứng thứ hai là ngành cơ khí với 47 dự án, tiếp theo đó là ngành điện tử với 44 dự án, gia dụng với 34 dự án, nhựa cao su với 20 dự án, v.v... cuối cùng là ngành xây dựng với duy nhất 1 dự án. Qua các dự án đầu tư vào Khu chế xuất ta có thể kết luận rằng chủ yếu các ngành nghề đầu tư vào Khu chế xuất thường là các ngành nghề đòi hỏi nhiều nhân công, và yêu cầu trình độ tay nghề không cao. Điều này tạo điều kiện thuận lợi cho việc thu hút nguồn lao động từ các tỉnh, vùng lân cận của Thành phố, giải quyết tình trạng lao động nhàn rỗi, tạo công ăn việc làm cho một số lượng lao động lớn. Đây vừa là ưu điểm mà cũng là nhược điểm của chúng ta: Ưu điểm là đã giải quyết công ăn việc làm cho Thành phố nơi tập trung của nhiều tầng lớp từ khắp nơi đổ dồn về thành phố với mong muốn tìm được một công việc ổn định. Nhược điểm của việc này là với nguồn nhân công không có trình độ tay nghề hoặc có tay nghề không cao của hầu hết lao động Việt Nam nói chung thì việc vào làm tại các xí nghiệp này sẽ không nâng cao được tay nghề của công nhân. Mà hiện nay thì điều này đi ngược lại với chủ trương phát triển của thành phố nói riêng và sự phát triển của nước ta nói chung, nhất là giai đoạn hiện nay khi mà Việt Nam mới gia nhập WTO. Vấn đề nguồn lao động chúng ta sẽ quay trở lại ở phần sau của bài luận.

I.2/ Tình hình kim ngạch xuất nhập khẩu các Khu chế xuất:

Kim ngạch xuất khẩu tính đến 09 tháng đầu năm 2006 cho 03 Khu chế xuất đạt **1,250 triệu USD**, đạt 79.78% so với kế hoạch năm 2006 và tăng 35.17% so với cùng kỳ năm 2005. So với tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước thì nó chiếm 4.26% và chiếm 75% so với tổng kim ngạch xuất khẩu của toàn Thành phố.

Như vậy, kim ngạch xuất khẩu bình quân hàng tháng trong 9 tháng đầu năm nay đạt 138.89 triệu USD. Theo như dự đoán, nếu xuất khẩu trong 3 tháng cuối năm đạt bình quân như mức 9 tháng đầu năm thì tổng kim ngạch xuất khẩu cả năm 2006 sẽ đạt trên 1,667 triệu USD, vượt mục tiêu đã đề ra cho năm 2006 là 1,660 triệu USD. Đạt được kết quả trên là nhờ vào mức tăng trưởng cao và toàn diện từ kim ngạch xuất khẩu đến mở rộng ổn định thị trường, chất lượng sản phẩm đạt tiêu chuẩn quốc tế. Cơ cấu sản xuất, cơ cấu lao động, cơ cấu đầu tư đang theo xu hướng chuyển dịch từ công nghệ thâm dụng lao động sang công nghiệp có hàm lượng vốn và kỹ thuật cao.

Tuy nhiên, các chuyên gia của Bộ Thương mại nhận định, kết quả xuất khẩu những năm qua cho thấy, kim ngạch xuất khẩu bình quân tháng của quý IV thường cao hơn các quý đầu năm nên xuất khẩu năm 2006 có thể cao hơn dự kiến.

Trong bảng số liệu ta thấy rằng tình hình nhập khẩu của các Khu chế xuất cũng tăng hàng năm, cụ thể như sau: năm 2004 nhập khẩu của khu vực này là 904.32 triệu USD, năm 2005 nhập khẩu là 1,045 triệu USD tăng 15.15% so với năm 2004. Sang năm 2006 tình hình nhập khẩu tại khu này là 1,130 triệu USD, tăng tương ứng 8.13% so với năm 2005, tăng 24.96% so với năm 2004. Như vậy, tình hình nhập khẩu vào các Khu chế xuất này đã giảm. Như chúng ta đã biết, các doanh nghiệp khi đầu tư vào các Khu chế xuất đều mong mỗi sẽ khai thác được tiềm năng của nước ta, trong đó bao gồm cả nguồn lao động, tài nguyên và các ngành công nghiệp phụ trợ. Do đó, nhập khẩu giảm điều này chứng tỏ nền công nghiệp phụ trợ của nước ta bắt đầu có dấu hiệu chuyển mình. Trong tương lai ta các doanh nghiệp chế xuất này sẽ không phải nhập nguyên vật liệu từ các quốc gia khác mà sẽ nhập trực tiếp từ nước chủ nhà với thuế xuất ưu đãi hơn nhằm giảm chi phí, tăng lợi nhuận cho nhà đầu tư. Và vấn đề bây giờ chỉ còn là thời gian.

Năm	2004	2005	2006	2005/2004		2006/2005		2006/2004	
				Chênh lệch	%	Chênh lệch	%	Chênh lệch	%
Xuất khẩu (Tr.USD)	959.67	1,081.37	1,250	121.7	112.68	168.63	115.6	290.33	130.25
Nhập khẩu (Tr.USD)	904.32	1,045	1,130	140.68	115.56	85	108.13	225.68	124.96
Tổng giá trị sản lượng (Tr.USD)	1,863.99	2,126.37	2,380	262.38	114.08	253.63	111.92	516.01	127.68

Tổng giá trị sản trong 09 tháng năm 2006 đạt được là 2,380 triệu USD, tăng 253.63 triệu USD tương ứng 111.92% so với năm 2005. So với năm 2004 thì tổng giá trị sản lượng đạt được tăng 516.01 triệu USD và tăng tương ứng 127.68%. Như vậy ta có thể thấy rằng năm 2006 tổng giá trị sản lượng tăng cao như vậy là khá khả quan. Để đạt được kết quả đó là các Doanh nghiệp chế xuất ngày càng ổn định và bắt đầu phát triển làm ăn có lãi. Trung bình giá trị sản lượng của các Doanh nghiệp chế xuất tăng hàng năm là 258.80 triệu USD. Dự báo trong năm 2007, tổng giá trị sản lượng này sẽ đạt tới con số là trên 2,500 triệu USD. Việc Việt Nam gia nhập WTO sẽ có thể cho chúng ta cơ hội lớn để hoàn thành kế hoạch đó.

Trong 9 tháng đầu năm nay, Tổng cục Hải quan đã thống kê danh sách 85 doanh nghiệp có giá trị xuất nhập khẩu lớn nhất trong 9 tháng đầu năm. Trong đó có 11 doanh nghiệp đang hoạt động trong các Khu chế xuất Thành phố Hồ Chí Minh, danh sách bao gồm các doanh nghiệp sau:

Số thứ tự	Tên Doanh nghiệp	Khu chế xuất	Giá trị (tr.USD)
1	Cty TNHH Furukawa Automotive Parts Vietnam	Tân Thuận	120.89
2	Cty TNHH Nidec Tosok Vietnam	Tân Thuận	89.22
3	Cty TNHH Nidec Copal Vietnam	Tân Thuận	35.38
4	Cty TNHH Nissey Vietnam	Tân Thuận	30.38
5	Cty TNHH Always	Tân Thuận	64.179
6	Cty TNHH Proceeding	Tân Thuận	29.87
7	Cty TNHH Nissei Electric Vietnam	Linh Trung I	72.552
8	Cty TNHH Freetrend	Linh Trung II	27.56

	Industrial A Vietnam		
9	Cty TNHH Hansae Vietnam	Linh Trung II	76.26
10	Cty TNHH Upgain Manufacture	Linh Trung I	27.78
11	Cty TNHH Saigon Precision	Linh Trung I	20.37

Như vậy ta có thể khẳng định một điều rằng, Khu chế xuất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đã góp một phần không nhỏ vào tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của cả nước; đồng thời góp phần tăng nguồn ngoại tệ cho đất nước nói chung và cho Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng. Thành phố Hồ Chí Minh xứng đáng là một trung tâm kinh tế thương mại lớn của nước ta.

II.3/ Các vấn đề khác tại các Khu chế xuất:

II.3.1/ Về tình hình lao động:

Hiện nay, các Khu chế xuất – Khu công nghiệp ngày càng chứng tỏ ưu thế và vai trò quan trọng trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, góp phần phát triển kinh tế, giải quyết công ăn việc làm và ổn định xã hội. Các Khu chế xuất – Khu công nghiệp mang lại việc làm cho khoảng hơn 600,000 lao động trực tiếp và hơn 1 triệu lao động gián tiếp. Nguồn nhân lực luôn là yếu tố hàng đầu quyết định sự thành công của 1 doanh nghiệp, do đó vấn đề tuyển dụng lao động vào làm việc trong các Khu chế xuất là một vấn đề khá là quan trọng.

Tình hình thu hút lao động của các Khu chế xuất trên địa bàn Thành phố qua các năm được thể hiện cụ thể trong bảng số liệu dưới đây:

Năm	2004	2005	2006
Tổng số lao động (người)	98,754	101,624	111,424

Qua bảng số liệu trên ta nhận thấy rằng: Nếu như năm 2004 tổng số lao động trong các Khu chế xuất là 98,754 người, thì năm 2005 tổng số lao động đã

à 101,624 người và năm 2006 tổng số lao động làm việc mới trong Khu chế xuất là 9,800 người, và đưa tổng số lao động lên tới con số là 111,424 người. Như vậy Khu chế xuất đã thu hút được số lượng lao động tương đối lớn, và góp phần giải quyết công ăn việc làm cho một số lượng lớn lao động nhân rồi ở Thành phố và các vùng lân cận.

Trong tổng số lao động làm việc trong Khu chế xuất thì có hơn 70% là lao động từ các tỉnh khác đến, việc ăn ở tạm bợ, đi lại gây ùn tắc giao thông vào giờ cao điểm đã tác động đến nhiều lĩnh vực kinh tế khác của thành phố mà hiện tại các cơ quan chức năng chưa có biện pháp nào hữu hiệu để giải quyết. Phía sau sự đồ sộ, hiện đại của các Khu chế xuất là một thế giới hoàn toàn tương phản với những dãy nhà trọ tồi tàn, chật hẹp mà các hộ dân địa phương xây lên cho công nhân thuê. Mỗi căn phòng chỉ rộng từ 10m²-15m², mái lợp fi proximãng ẩm thấp khi trời mưa và nóng như lò nung vào mùa khô. Mặc dù cũng có Công ty trong Khu chế xuất xây nhà cho công nhân thuê, tuy nhiên, giá phòng ở đây cao hơn nhiều so với giá thuê ngoài nên chẳng có ai ở với lý do là giá đắt gấp đôi, chịu khó một chút tiết kiệm được đồng nào hay đồng ấy.

Đối với các công nhân là nữ thì than thở: “Chúng em đi làm từ sáng sớm, 7 giờ tối mới về đến phòng, nhưng giờ đó là giờ ... mất nước, thành ra việc tắm rửa, vệ sinh phải xếp hàng đến tận khuya, mệt mỏi chẳng kém gì trực máy”. Đối với anh em công nhân thì tuy có đơn giản hơn chị em phụ nữ về sinh hoạt, chậm tắm rửa cũng chẳng sao, ăn uống thì cơm bụi, mì tôm đều đặn. Tuy chỉ một nỗi buồn phiền lớn nhất là sau những giờ làm việc, tối đến cả phòng trọ lại lang thang ra quán nước, đêm về chẳng biết làm gì, lại quây vào chơi tá lả, tổ tôm. “Cả khu trọ không nổi 01 cái ti vi nên chuyện mù thông tin cũng là lẽ thường” - một công nhân than thở. Với tình trạng như thế này thì không có gì đảm bảo rằng sẽ không có một bộ phận công nhân sa vào các tệ nạn xã hội, làm mất trật tự an ninh xã hội cũng như suy giảm sức lao động.

Theo số liệu thống kê thì chỉ có khoảng 5% công nhân được ở nhà của các doanh nghiệp xây dựng - một con số quá ít ỏi. Vậy tại sao các doanh nghiệp không bỏ tiền ra xây nhà cho công nhân thuê? Lý do cũng thật đơn giản: Đầu tư một căn hộ phải bỏ ra 15-20 triệu đồng (không kể tiền đất), cho 5-6 công nhân thuê với giá bằng các hộ dân bên ngoài (50-70 ngàn đồng/người/tháng) thì phải mất ít nhất 4-5 năm mới thu hồi được vốn. Bởi vậy các nhà đầu tư chỉ chú trọng trang bị cho máy móc, công nghệ mà ít quan tâm đến bản thân người lao động.

Thời gian gần đây, nhằm thu hút lao động, một số khu công nghiệp và Khu chế xuất đã đầu tư xây dựng nhà ở cho công nhân. Khu lưu trú dành cho công nhân thu nhập thấp ở phường Linh Trung, Thủ Đức được xem là một trong những nơi lý tưởng đối với tất cả lao động ngoại tỉnh làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài dãy phòng ở thoáng đãng, sạch sẽ, khu lưu trú còn có một sân chơi mát mẻ và căng tin giải khát có dịch vụ chiêu phim miễn phí. Trên khu đất gần 9,000m² với 104 căn phòng đã giải quyết chỗ ở cho gần 800 công nhân, 8 người ở một phòng, diện tích 32m²/căn, có bếp, công trình vệ sinh khép kín. Những người có gia đình còn được sắp xếp chỗ ở riêng. Cuối tuần Ban quản lý Khu chế xuất còn tổ chức karaoke miễn phí để công nhân xả hơi, tái tạo sức lao động. Tuy nhiên chỗ ở như thế này chỉ như “muôi bỏ bể” và đếm trên đầu ngón tay. Cho dù các doanh nghiệp đều khẳng định, nhà ở ổn định cho người lao động không chỉ có ý nghĩa xã hội mà còn ảnh hưởng rất nhiều đến yếu tố kinh tế của doanh nghiệp.

Thông qua chương trình nguồn nhân lực của Ban quản lý Khu chế xuất và Khu công nghiệp Thành phố, trung tâm dịch vụ việc làm đã chủ động triển khai một số công việc nhằm nâng cao chất lượng cho người lao động trước khi vào làm việc tại các doanh nghiệp trong Khu chế xuất, có sự trang bị trước về các kiến thức pháp luật, văn hóa ứng xử tạo điều kiện cho người lao động có nhiều thông tin hơn về các chính sách, nghĩa vụ và quyền lợi của mình, đồng thời có nhiều cơ hội trúng tuyển hơn. Ngoài ra, hiện nay ở các Khu chế xuất thì có khoảng 192 doanh nghiệp xây dựng hội đồng bảo hộ lao động với tổng số tập huấn trên dưới 1000 thành viên. Ban quản lý Khu chế xuất cũng đã tổ chức tập huấn về an toàn vệ sinh lao động cho người làm việc trong các doanh nghiệp chế xuất.

II.3.2/ Tình trạng ô nhiễm môi trường tại các Khu chế xuất::

Thực tế có thấy, hiện nay tình trạng ô nhiễm môi trường ở các Khu công nghiệp, Khu chế xuất đã đến mức báo động. Từ năm 1999 đến 09/2006, chỉ tính riêng rác thải, tổng lượng rác thải bình quân một ngày đêm của cả nước đã tăng từ 25 ngàn tấn lên khoảng 31 ngàn tấn, trong đó lượng rác thải công nghiệp chiếm khoảng 20% và chủ yếu tập trung tại các Khu công nghiệp ở Vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc và phía Nam.

Cảnh báo mức độ ô nhiễm, thống kê cho thấy, trong số 131 Khu công nghiệp chỉ có 10 Khu công nghiệp đã xây dựng xong và đưa vào vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung, còn các Khu công nghiệp khác thì chưa. Ngay tại Thành phố Hồ Chí Minh, nơi có đông các Khu công nghiệp - Khu chế xuất thuộc Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam cũng chỉ có Khu công nghiệp Tân Bình đang xây dựng nhà máy xử lý nước thải tập trung, còn lại các Khu công nghiệp khác mới đang lên kế hoạch. Tuy nhiên, ngay cả ở những Khu công nghiệp đã có trạm xử lý nước thải tập trung, thì chất lượng thực tế của các công trình này vẫn còn hạn chế, chưa đạt được những tiêu chuẩn quy định, gây ô nhiễm môi trường, đặc biệt là ở một số Khu công nghiệp tập trung các ngành công nghiệp nhẹ như dệt may, thuộc da, ngành hoá chất... Theo ước tính, hiện mỗi Khu công nghiệp thải khoảng từ 3,000-10,000m³ nước thải/ngày đêm. Như vậy, tổng lượng nước thải công nghiệp của các Khu công nghiệp trên cả nước khoảng 500,000-700,000m³/ngày đêm.

Kết quả quan trắc môi trường cho thấy, nồng độ chất SO₂, CO, NO₂ gần Khu công nghiệp hoặc trong các Khu công nghiệp đang gia tăng. Nồng độ bụi tại ven các trục giao thông chính đều đã vượt tiêu chuẩn cho phép từ 2-6 lần. Tại nhiều nhà máy cơ khí, luyện kim, công nghiệp hoá chất, công nghiệp vật liệu xây dựng, công nghiệp chế biến khoáng sản... trong Khu công nghiệp, nồng độ bụi và khí độc hại (điển hình là khí SO₂) trong không khí vượt tiêu chuẩn cho phép từ 2-5 lần. Như vậy, cùng với việc người dân đang phải gánh chịu những ảnh hưởng tiêu cực từ việc phát triển các Khu công nghiệp ở địa phương, thì sự ô nhiễm nguồn nước sinh hoạt, sự thoái hoá đất đai do những chất thải độc hại từ Khu công nghiệp gây ra là không nhỏ.

Nguyên nhân dẫn tới sự gia tăng ô nhiễm môi trường trong Khu công nghiệp là do công tác quy hoạch các Khu công nghiệp còn nhiều điểm không hợp lý, như việc bố trí một số Khu công nghiệp gần đường giao thông, khoảng cách quá gần khu dân cư, do đó, ô nhiễm trong Khu công nghiệp dễ dàng gây những ảnh hưởng không tốt tới môi trường xung quanh. Thêm vào đó là nhận thức về việc bảo vệ môi trường trong các Khu công nghiệp của các cấp chính quyền địa phương chưa cao, chưa đánh giá đúng mức vấn đề môi trường đối với việc phát triển bền vững. Các cơ quan nhà nước ở địa phương và trung ương chưa giám sát chặt chẽ việc xây dựng Khu công nghiệp theo quy hoạch và theo đúng dự án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Mặt khác, chi phí xây dựng hệ thống xử lý chất thải cùng với cơ chế hỗ trợ chưa thỏa đáng từ phía Nhà nước cũng là nguyên nhân khiến các nhà đầu tư chậm triển khai các hệ thống này. Bên cạnh đó, hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường trong các Khu công nghiệp còn chưa hoàn chỉnh, chưa hình thành hệ thống các quy định thống nhất về công tác quản lý môi trường theo các loại hình ô nhiễm rắn, lỏng, khí và chưa thích hợp với đặc điểm của các Khu công nghiệp... Hơn nữa, việc có nhiều đầu mối quản lý Khu công nghiệp cũng dẫn đến hiệu quả phối hợp giữa các đơn vị trong quản lý môi trường trong Khu công nghiệp, Khu chế xuất chưa được tốt.

Một nguyên nhân dẫn đến tình trạng ô nhiễm tại các Khu công nghiệp, Khu chế xuất là do chúng ta đang chịu sức ép phải đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế, nên phần nào đó đã lơ là trong vấn đề môi trường; Thứ hai, việc đầu tư cho môi trường là rất tốn kém, trong khi áp lực cạnh tranh đòi hỏi phải hạ giá thành sản phẩm, sản xuất nhanh...; Thứ ba, là nhiều khi chúng ta chưa nhìn thấy ngay được hậu quả của việc ô nhiễm môi trường nên cũng có phần chủ quan. Thực tế trong thời gian vừa qua, sự chỉ đạo, kiểm tra, giám sát thiếu chặt chẽ, nên mới xảy ra tình trạng như vậy.

✓ Trong 4 Khu chế xuất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh thì có 03 Khu chế xuất đã xây dựng xong công trình xử lý nước thải tập trung, chiếm 18.75% tổng số các Khu công nghiệp trên địa bàn Thành phố, chiếm 3.89% tổng số các Khu công nghiệp ở miền Nam. Hiện chỉ có Khu chế xuất & Công nghiệp Linh Trung III là đang trong giai đoạn xây dựng nên công trình xử lý nước thải đang trong giai đoạn xây dựng cơ bản và sẽ hoàn thành khi Khu chế xuất xây dựng xong cơ sở hạ tầng.

Tổng công suất các trạm xử lý nước thải đã được xây dựng của 04 Khu chế xuất là 19,000m³/ngày đêm, bằng 24.67% tổng công suất các trạm xử lý đã được xây dựng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; công suất trung bình mỗi trạm đạt 4,750m³/ngày đêm. Trong đó trạm xử lý nước thải của Khu chế xuất Tân Thuận với công suất rất lớn là 10,000m³/ngày đêm, chỉ đứng thứ hai sau Khu công nghiệp Loteco 10,500m³/ngày đêm trong toàn Thành phố.

Tổng lưu lượng nước thải hiện tại của các Khu chế xuất đã có công trình xử lý nước thải tập trung đạt 10,000m³/ngày đêm, bằng 52.63% tổng công suất các trạm xử lý nước thải đã xây dựng. Nói chung các khu chế xuất đều đã giải

quyết tốt nhu cầu xả thải của các Khu chế xuất, trừ Khu chế xuất & Công nghiệp Linh Trung III đang trong giai đoạn xây dựng cơ bản.

Theo dự kiến của Ban quản lý Khu chế xuất, khi các Khu chế xuất lấp đầy diện tích, tổng lưu lượng nước thải tập trung của 04 Khu chế xuất đã xây dựng trạm xử lý nước thải sẽ là 28,000m³/ngày đêm, cao hơn 1.47 lần công suất hiện tại, trong đó có 07 nhà máy trong thời gian tới cần bổ sung công suất thì mới đáp ứng được.

Khu chế xuất Tân Thuận là Khu chế xuất có cơ sở hạ tầng đồng bộ và hoàn thiện nhất nước. Toàn bộ 300 hecta đã được san lấp và có tường rào bao quanh, hệ thống giao thông gồm 22 km² đường tráng nhựa với hệ thống thoát nước, hệ thống thu gom nước thải, hệ thống cấp nước, cấp điện và hệ thống cây xanh - thảm hoa đi kèm. Khu chế xuất đã xây dựng nhà máy xử lý nước thải với công suất 10.000 m³/ngày-đêm, có khu phân loại và vận chuyển rác, có nhà máy xử lý nước dự phòng, bồn chứa nước dự phòng tới 6.000 m³. Khu chế xuất Tân Thuận đã xây dựng trạm tập trung rác thải công nghiệp và chất rắn được đầu tư xây dựng trị giá 1.7 tỷ đồng thường xuyên làm nhiệm vụ thu gom, phân loại rác công nghiệp để Công ty Môi trường đô thị Thành phố vận chuyển ra khỏi khu và xử lý theo quy định hiện hành. Tuy nhiên, được nhận định là Khu chế xuất có cơ sở hạ tầng, hệ thống xử lý rác và nước thải tương đối tốt nhưng qua đợt kiểm tra tình trạng ô nhiễm môi trường 09/05/2006 của Ban quản lý Khu chế xuất – Khu công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty Always – Khu chế xuất Tân Thuận đã phải đóng tiền phạt do không đạt tiêu chuẩn về vệ sinh môi trường.

Khu chế xuất Linh Trung I, và Linh Trung II cũng được coi là 2 Khu chế xuất có cơ sở hạ tầng không thua kém gì so với Khu chế xuất Tân Thuận. Với hệ thống giao thông nội bộ hoàn chỉnh, toàn bộ 122 hecta đã được san lấp và lấp kín với hệ thống thoát nước, hệ thống thu gom nước thải, hệ thống cấp nước, cấp điện và hệ thống cây xanh - thảm hoa đi kèm. 2 Khu chế xuất này đều đã xây dựng nhà máy xử lý nước thải với công suất lần lượt là 6,000m³ và 3,000m³/ngày đêm.

Khu chế xuất & Công nghiệp Linh Trung III là Khu chế xuất mới chính thức hoạt động từ tháng 09/2003 nên đang trong quá trình xây dựng cơ bản hệ thống xử lý nước thải, xử lý rác, xử lý các chất độc hại. Tuy nhiên ta có thể thấy được rằng Khu chế xuất & Công nghiệp Linh trung III hứa hẹn sẽ trở thành Khu

chế xuất & Công nghiệp áp dụng sản xuất sạch hơn một cách đúng đắn, có hệ thống và liên tục.

✓ Về tiêu chuẩn xử lý nước thải: mặc dù các Khu chế xuất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đều có trạm xử lý nước thải tập trung nhưng cả 03 trạm này chỉ đạt loại B, còn Khu chế xuất & Công nghiệp Linh Trung III dự kiến đạt tiêu chuẩn xử lý loại A.

✓ Về tổng số vốn đầu tư xây dựng: Tổng số vốn đầu tư xây dựng 03 trạm xử lý nước thải đang vận hành đạt 91.1 tỷ đồng, bằng 20.27% tổng vốn đầu tư xây dựng 21 trạm xử lý nước thải toàn Khu vực miền Nam, và bằng 12.27% tổng vốn đầu tư các trạm nước thải trên cả nước. 03 trạm xử lý nước thải có suất đầu tư trung bình là 4.79 tỷ đồng/1,000m³/ngày đêm. Vốn đầu tư xây dựng dự kiến trạm xử lý nước thải của Khu chế xuất & Công nghiệp Linh Trung III ước tính là 54.5 tỷ đồng, suất đầu tư trung bình 6.05 tỷ đồng/1,000m³/ngày đêm.

❖ **Đánh giá chung về vấn đề môi trường tại các Khu chế xuất như sau:**

a) Những kết quả đã đạt được:

Mấy năm qua công tác bảo vệ môi trường ở các Khu chế xuất đã đạt được những kết quả bước đầu rất đáng ghi nhận. Mức độ tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường dần được nâng cao thể hiện ở:

- Các doanh nghiệp đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường khi triển khai dự án trong Khu chế xuất ngày càng gia tăng, ước tính có khoảng 50% số doanh nghiệp đang hoạt động đã đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường tại Sở Tài nguyên và Môi trường, trung bình mỗi năm số doanh nghiệp đăng ký tăng từ 5-10%.

- Các doanh nghiệp thải những chất thải nguy hại cũng có đăng ký nguồn thải với cơ quan Nhà nước tại địa phương cũng có gia tăng sau khi “Quy chế về quản lý chất thải nguy hại” có hiệu lực, tuy nhiên tốc độ gia tăng ít hơn, khoảng 3-5%.

- Ở Khu chế xuất Tân Thuận có trạm xử lý nước thải tập trung, các doanh nghiệp trước đây xử lý cục bộ và thải trực tiếp ra ngoài nay đã chủ động xây dựng hệ thống mạng lưới đầu nối với trạm xử lý tập trung.

- Nhiều doanh nghiệp đã chủ động, tự giác xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung, một số doanh nghiệp đã chủ động ký kết hợp đồng với Công ty Môi trường đô thị để vận chuyển toàn bộ nước thải, chất thải ra ngoài Khu chế xuất

để xử lý.

- Một số doanh nghiệp xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu chế xuất đã bước đầu ý thức vấn đề xây dựng công trình xử lý nước thải tập trung đồng thời với quá trình xây dựng cơ sở hạ tầng Khu chế xuất. Đặc biệt là các doanh nghiệp ở Khu chế xuất có vốn đầu tư nước ngoài đã tuân thủ nghiêm ngặt và có ý thức rất tốt về vấn đề bảo vệ môi trường, xây dựng nhà máy xử lý nước thải tập trung có công nghệ tiên tiến, hiện đại.

b) Những vấn đề còn hạn chế:

- Hầu hết các nhà máy trong Khu chế xuất đều có hệ thống xử lý nước thải riêng, tuy nhiên hệ thống này hoạt động còn chưa thường xuyên. Mặt khác, một số hệ thống xử lý cục bộ không đạt yêu cầu, sau khi xử lý, nước thải không đạt tiêu chuẩn (TCVN 5945:1995 cột B), nên nước thải trực tiếp vào môi trường không được xử lý tại trạm xử lý nước thải tập trung.

- Còn không ít doanh nghiệp chưa có hệ thống xử lý nước thải riêng, hiện vẫn thải trực tiếp ra ngoài phạm vi doanh nghiệp mình. Một số doanh nghiệp chưa xây dựng đường ống dẫn nước thải riêng, nước thải đã thải trực tiếp ra môi trường cùng với đường ống thoát nước mưa.

- Ngay cả ở những Khu chế xuất đã có trạm xử lý nước thải thì chất lượng thực tế của các công trình này còn hạn chế, chưa đạt được những tiêu chuẩn của công trình xử lý nước thải với công nghệ tiên tiến trên thế giới, chưa đáp ứng được nhu cầu xử lý nguồn nước thải đa dạng trong Khu công nghiệp. Do đó, chất lượng nước thải sau khi xử lý, đặc biệt đối với nước thải công nghiệp có tính nguy hại tại nhiều nơi còn chưa đạt tiêu chuẩn cho phép.

- Còn có khá nhiều doanh nghiệp đã triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng chưa đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường hoặc không thực hiện theo đúng cam kết khi đăng ký.

PHẦN III: GIẢI PHÁP ĐỐI VỚI CÁC VẤN ĐỀ PHÁT SINH TRONG THỜI GIAN TỚI CỦA CÁC KHU CHẾ XUẤT

III.1/. Giải pháp nhằm thu hút vốn đầu tư vào các Khu chế xuất:

Trong thời gian qua, cùng với việc xây dựng Danh mục dự án gọi vốn đầu tư làm cơ sở để tổ chức vận động, xúc tiến đầu tư trên địa bàn lãnh thổ, Ban quản lý Khu chế xuất Thành phố Hồ Chí Minh đã xây dựng được mô hình xúc tiến đầu tư có hiệu quả thông qua việc thành lập Trung tâm xúc tiến đầu tư với chức năng như một cơ quan một cửa, một đầu mối” nhằm hỗ trợ nhà đầu tư toàn bộ các khâu từ hình thành đến triển khai dự án, đồng thời chủ động tổ chức các chương trình vận động đầu tư ở trong và ngoài nước. Song trên thực tế, công tác này chưa được quan tâm một cách đúng mức, thiếu hệ thống tổ chức chung của Nhà nước đồng thời chưa có chính sách thoả đáng đối với hoạt động này. Xúc tiến đầu tư trước hết thuộc trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước, mà trực tiếp là của Ban quản lý Khu chế xuất. Nhưng do thiếu đầu mối quản lý chung, nên ngoài một số cuộc hội thảo về đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), trong đó có lồng nội dung giới thiệu và vận động đầu tư vào các Khu chế xuất đã được thành lập do một số bộ, ngành tổ chức ở trong và ngoài nước, thời gian qua công tác này được tiến hành gần như tự phát ở từng Khu chế xuất, dựa chủ yếu vào sáng kiến chủ động và kinh phí của các công ty xây dựng hạ tầng Khu chế xuất, trước hết là của chủ đầu tư nước ngoài trong các liên doanh xây dựng hạ tầng Khu chế xuất.

Công tác xây dựng quy hoạch và Danh mục dự án gọi vốn đầu tư nước ngoài đã bước đầu được quan tâm, nhưng việc triển khai thực hiện còn chậm, chất lượng chưa cao. Một số quy hoạch và dự án trong Danh mục chưa tính đến nhu cầu và điều kiện cụ thể của nhà đầu tư nước ngoài, đồng thời không dự báo hết diễn biến tình hình nên chưa thực sự trở thành công cụ định hướng vận động đầu tư có hiệu quả.

Nội dung cũng như phương thức tổ chức vận động đầu tư còn quá đơn giản, nặng về tuyên truyền luật pháp, chính sách, chưa tập trung vào chương trình vận động theo từng đối tác, lĩnh vực hoặc dự án cụ thể nên hiệu quả chưa

cao. Hoạt động vận động đầu tư tại một số nước, khu vực thông qua các cơ quan đại diện ngoại giao, thương mại của Việt Nam ở nước ngoài còn hết sức hạn chế do không có cán bộ chuyên trách và kinh phí tổ chức; thiếu sự kết hợp giữa hoạt động ngoại giao, xúc tiến thương mại với vận động đầu tư nước ngoài; các phương tiện thông tin đại chúng trong và ngoài nước chưa được sử dụng có hiệu quả nhằm phục vụ cho hoạt động vận động đầu tư. Tài liệu tuyên truyền đầu tư chưa đầy đủ và không được biên soạn, phổ biến bằng phương tiện hiện đại nên không thu hút sự quan tâm của nhà đầu tư.

Hệ thống thông tin về kinh tế, luật pháp, chính sách, đặc biệt là thông tin cơ hội và đối tác đầu tư chưa đầy đủ và trong một số trường hợp còn thiếu chính xác, độ tin cậy thấp. Điều này không chỉ làm hạn chế hiệu quả hoạt động tuyên truyền, vận động đầu tư mà còn gây nhiều khó khăn cho nhà đầu tư trong việc tìm hiểu thị trường và xác định cơ hội, đối tác đầu tư.

Một trong những biện pháp xúc tiến vận động đầu tư hiệu quả nhất đối với nhà đầu tư nước ngoài là việc giải quyết, xử lý và tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp đang xây dựng hoặc đang sản xuất kinh doanh, trước hết trong những vấn đề về thủ tục hành chính, thuế, hải quan, xuất nhập khẩu, lao động, xây dựng...vv. Vừa qua, việc xử lý đối với một số doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tiến hành chưa được tốt, đặc biệt cuối năm 2005 đã xảy ra các cuộc bãi công tự phát ở một số Khu chế xuất, thêm vào đó việc phản ánh về hoạt động của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong Khu chế xuất trên các phương tiện thông tin đại chúng cũng đã gây không ít hoài nghi về chính sách nhất quán và thiện chí của Nhà nước ta, tác động không tốt tới việc vận động, thu hút vốn đầu tư nước ngoài trong bối cảnh hiện nay.

Một số giải pháp nhằm đẩy thu hút đầu tư vào các Khu chế xuất:

- Tăng cường thu hút đầu tư và chuyển dịch cơ cấu ngành: chủ động phối hợp với các đơn vị khác xúc tiến đầu tư, cụ thể hóa chương trình và các đại điểm đất sẵn sàng thu hút đầu tư; tháo gỡ các khó khăn liên quan đến hoạt động mở rộng công năng Khu chế xuất Tân Thuận.

- Tập trung kiểm tra các dự án đã được cấp phép nhưng chậm triển khai, tạo điều kiện hỗ trợ các dự án gặp khó khăn và thu hồi giấy phép đối với những dự án không có khả năng triển khai hoặc quá hạn đã lâu.

- Việc ổn định lại quy hoạch, quy hoạch ngoài hàng rào, giải quyết tình

trạng ách tắc giao thông, kẹt xe, trật tự trị an, cũng là những việc phải làm để các dự án yên tâm đầu tư vào các Khu chế xuất này.

- Xúc tiến, vận động đầu tư vào các khu công nghiệp, khu chế xuất là một trong những nội dung quan trọng của công tác quản lý nhà nước đối với KCN, đồng thời giữ vai trò quyết định sự thành công của KCN. Với những chính sách ưu đãi và thủ tục đầu tư đơn giản hơn so với bên ngoài, KCN đã thực sự hấp dẫn các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài.

- Nâng cao chất lượng quy hoạch và Danh mục dự án gọi vốn đầu tư nước ngoài làm cơ sở thực hiện chương trình vận động đầu tư.

- Để tăng cường tinh minh bạch, ổn định và có thể dự đoán trước được môi trường đầu tư, tạo thuận lợi cho các nhà đầu tư trong việc lựa chọn cơ hội đầu tư, cần thực hiện đúng quy định của Nghị định 24/2000/NĐ-CP, theo đó Danh mục dự án gọi vốn đầu tư nước ngoài vào Khu chế xuất khi được công bố lãnh thổ. Để đảm bảo tính khả thi của quy định này, Danh mục phải được xây dựng phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển KT-XH trong từng thời kỳ, đồng thời phải tính đến nhu cầu và khả năng thực tế của nhà đầu tư. Những thông tin về mục tiêu, địa điểm, hình thức, đối tác thực hiện dự án..vv trong Danh mục phải có độ chính xác và tin cậy cao.

- Đổi mới, đa dạng hoá các phương thức tổ chức xúc tiến đầu tư. Thực hiện các chương trình vận động trực tiếp đối với từng lĩnh vực, dự án và đối tác cụ thể theo hướng: tiếp xúc trực tiếp ở các cấp khác nhau (kể cả Chính phủ, Nhà nước), với các công ty, các tập đoàn đa quốc gia có tiềm lực mạnh về tài chính, công nghệ để xúc tiến thực hiện một số dự án quan trọng được lựa chọn, đồng thời cam kết hỗ trợ thực hiện có hiệu quả các dự án này nhằm mở đường cho việc thu hút các công ty trực thuộc và hoặc có quan hệ kinh doanh với các tập đoàn nói trên đầu tư vào Khu chế xuất; mở rộng quan hệ hợp tác với các ngân hàng, tổ chức tài chính, các công ty tư vấn, xúc tiến đầu tư nước ngoài... để phối hợp vận động các khách hàng của họ đầu tư vào Việt Nam; chuẩn bị thông tin chi tiết về một số dự án có tính khả thi cao để đưa ra giới thiệu với các nhà đầu tư có tiềm năng nhân dịp các chuyến thăm của Lãnh đạo Đảng và Nhà nước, Chính phủ đi các nước. Kết hợp vận động đầu tư trong các dịp tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại, triển lãm, hội chợ; nâng cao hiệu quả hoạt động vận

động đầu tư gián tiếp trên các phương tiện thông tin đại chúng bằng cách hợp tác với các cơ quan, hãng thông tấn, báo chí, truyền hình trong và ngoài nước để tăng tần suất thông tin về môi trường và cơ hội đầu tư vào Khu chế xuất; kịp thời chuẩn xác thông tin, khắc phục tình trạng đưa tin sai hoặc cố tình bóp méo sự thật về Khu chế xuất ở Việt Nam; duy trì và nâng cao chất lượng các cuộc đối thoại với cộng đồng các nhà đầu tư, đặc biệt là trong khuôn khổ Diễn đàn doanh nghiệp Việt Nam, Hiệp hội doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài... nhằm kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong hoạt động của các doanh nghiệp, coi đó là giải pháp hữu hiệu nhằm xây dựng hình ảnh, tạo sức hấp dẫn để thu hút các nhà đầu tư mới; tiếp tục tổ chức các cuộc hội thảo trao đổi giữa doanh nghiệp và cơ quan Nhà nước về kinh nghiệm thành công cũng như thất bại trong hoạt động đầu tư ở Việt Nam. Kịp thời khen thưởng các cá nhân, doanh nghiệp có đóng góp tích cực vào sự nghiệp phát triển Khu chế xuất.

- Tăng cường công tác nghiên cứu thị trường, đối tác đầu tư. Để thực hiện có hiệu quả chủ trương mở rộng, đa phương hoá đối tác đầu tư, cần tổ chức nghiên cứu, đánh giá tiềm năng, thực trạng và xu hướng đầu tư của các công ty, tập đoàn xuyên quốc gia từ các nước và khu vực quan trọng như EU, Nhật Bản, Hoa Kỳ.. vv. Mặt khác, cần nghiên cứu tình hình, xu hướng đầu tư nước ngoài trên thế giới, kinh nghiệm thu hút đầu tư của một nước trong khu vực, đặc biệt là các cơ chế pháp lý song phương và đa phương điều chỉnh quan hệ hợp tác đầu tư quốc tế mà Việt Nam đã và đang trong quá trình tham gia. Đây là chương trình nghiên cứu quan trọng, không chỉ phục vụ thiết thực cho công tác vận động, xúc tiến đầu tư mà còn tạo điều kiện cho việc xây dựng và triển khai thực hiện các cam kết quốc tế về đầu tư.

- Tăng cường hợp tác song phương và đa phương về xúc tiến đầu tư. Sửa đổi Hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư đã ký với Hàn Quốc theo những nguyên tắc về đối xử đã thoả thuận với Hoa Kỳ, xem xét áp dụng nguyên tắc đối xử nói trên đối với các nhà đầu tư EU.

- Tiếp tục duy trì và mở rộng quan hệ hợp tác xúc tiến đầu tư song phương đã được thiết lập trong thời gian qua với JICA và JETRO (Nhật Bản), Trung tâm xúc tiến đầu tư và du lịch ASEAN (Nhật Bản), OPIC (Hoa Kỳ), GTZ (Đức)... nhằm tranh thủ tối đa sự hỗ trợ của các tổ chức này trong việc thực hiện các chương trình vận động đầu tư trực tiếp với từng đối tác, lĩnh vực cụ thể. Nghiên cứu thực trạng và xu hướng đầu tư ra nước ngoài của các công ty đa

quốc gia, hỗ trợ đào tạo về kỹ thuật xúc tiến đầu tư... Nói lại quan hệ hợp tác xúc tiến đầu tư với các cơ quan Chính phủ ở các nước trong khu vực như Văn phòng Hội đồng đầu tư Thái Lan (OBOI), Cơ quan phát triển công nghiệp Malaysia (MIDA), Hội đồng phát triển kinh tế Singapore (EDB).

- Nâng cao chất lượng thông tin, ấn phẩm tuyên truyền đầu tư. Khắc trương xây dựng trang Web của Ban quản lý Khu chế xuất – Khu công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh.

III.2/. Xây dựng Khu chế xuất theo hướng tăng cường liên kết giữa các doanh nghiệp và phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ:

Trong bối cảnh mới của quá trình toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế, việc mở rộng đầu tư và tái phân bố hoạt động của các công ty xuyên quốc gia (TNC), sự gia tăng các hoạt động sáp nhập và mua lại (M&A) đã làm tăng tổng mức đầu tư xã hội, bổ sung công nghệ, kỹ năng quản lý và văn minh kinh doanh cho các nước tiếp nhận đầu tư, nhất là các nước đang phát triển. Sự hiện diện của các công ty nước ngoài đã gia tăng áp lực cạnh tranh, buộc các nhà sản xuất, dù sản xuất để xuất khẩu hay để phục vụ nhu cầu trong nước phải coi thị trường nội địa là một bộ phận thống nhất của thị trường thế giới. Bởi vậy, việc xây dựng và tăng cường liên kết với các chi nhánh nước ngoài nhằm phát triển ngành công nghiệp phụ trợ, nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh, trình độ công nghệ và kỹ năng quản lý của các doanh nghiệp trong nước, giảm nhập khẩu của các chi nhánh nước ngoài cần được coi là một giải pháp quan trọng nhằm đạt được những mục tiêu của quá trình công nghiệp hoá - hiện đại hoá ở nước ta trong bối cảnh hiện nay. Trong quá trình này, việc xây dựng và phát triển các Khu công nghiệp và Khu chế xuất một cách có định hướng, đáp ứng được nhu cầu của các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài, phù hợp với chiến lược phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ ở nước ta trong những năm tới có ý nghĩa hết sức quan trọng.

Để có thể phát triển công nghiệp phụ trợ, trước hết cần xem xét các nhân tố quyết định đến liên kết giữa các doanh nghiệp trong nước với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

- Một doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài ở bất kỳ đâu có 3 sự lựa chọn cho việc tiếp nhận các yếu tố đầu vào. Đó là nhập khẩu, sản xuất tại chỗ

hoặc thu hút từ các nhà cung cấp ở địa phương (nước ngoài hoặc trong nước).

Quyết định khai thác các nguồn lực địa phương ở một nước chủ nhà tùy thuộc vào chi phí, chất lượng, sự tín nhiệm và tính linh hoạt của các nhà cung cấp địa phương so với các nhà cung cấp nước ngoài. Việc có các nhà cung cấp liên kết có thể làm cho việc thu hút các yếu tố đầu vào linh hoạt hơn và dễ dàng hơn cho đàm phán và kiểm soát chất lượng. Một mạng lưới hiệu quả các nhà cung cấp cho phép doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài giảm rủi ro hoặc gián đoạn trong việc cung cấp đầu vào và linh hoạt hơn trong việc điều chỉnh sản lượng trước những thay đổi của thị trường. Bởi vậy, đây chính là một thách thức đồng thời là một hướng cần được đặc biệt lưu ý khi xây dựng và phát triển các khu công nghiệp và khu chế xuất trong điều kiện hiện nay.

Ở nhiều nước đang phát triển - trong đó có nước ta, những nỗ lực đòi hỏi để có thể thiết lập được liên kết với các doanh nghiệp trong nước là rất lớn bởi việc thiếu các nhà cung cấp trong nước có hiệu quả. Đây là trở ngại chính cho việc tạo thêm các liên kết. Ở đâu chi phí và rủi ro là đặc biệt cao nhưng việc có các nhà cung cấp lân cận là quan trọng đối với tính hiệu quả, các TNC có thể khuyến khích các nhà cung cấp nước ngoài thiết lập các chi nhánh địa phương hoặc chúng có thể quyết định tự sản xuất. Ở những nơi sự lân cận là không quan trọng, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có thể duy trì liên kết tạo nguồn với các nhà cung cấp độc lập nước ngoài hoặc với các nhà máy khác trong hệ thống TNC của họ. Tập trung hoá sản xuất có thể khuyến khích các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài dùng nguồn nước ngoài ngay cả khi các nhà cung cấp địa phương là có thể. Chính điều này đòi hỏi khi xây dựng các khu công nghiệp & khu chế xuất phải hướng tới việc hình thành cụm các doanh nghiệp trong nước có khả năng đáp ứng các yêu cầu và có thể trở thành nhà cung cấp có hiệu quả cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Các đặc trưng về văn hoá và thực hành kinh doanh của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài cũng tác động tới việc mở rộng các liên kết với các công ty trong nước. Mặc dù kỳ vọng xây dựng và tạo nguồn cung cấp từ các doanh nghiệp địa phương thay đổi theo thời gian, chúng phụ thuộc vào một số nhân tố chính sau:

✓ Những động thái và chiến lược đầu tư

Việc các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thiết lập các liên kết địa

thương chịu ảnh hưởng bởi động cơ đầu tư vào một nước chủ nhà. Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài định hướng thị trường trong nước thường mua ở địa phương nhiều hơn các công ty định hướng xuất khẩu. Các nhà cung cấp trong nước nhận thấy dễ dàng hơn trong việc phục vụ các hoạt động nhằm vào thị trường trong nước nhất là ở những nơi đòi hỏi về chất lượng và kỹ thuật là không cao. Họ cũng có những lợi thế do hiểu được sở thích của người tiêu dùng địa phương. Ngoài ra, việc mở rộng nguồn địa phương của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài cũng có thể được khuyến khích bởi mong muốn tránh rủi ro tỷ giá. Tuy nhiên, đối với các hoạt động định hướng xuất khẩu các đòi hỏi về chi phí và chất lượng thường là khắt khe hơn. Đặc biệt, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài là một bộ phận của hệ thống sản xuất quốc tế thường phụ thuộc nhiều hơn vào chính sách sử dụng nguồn lực toàn cầu và do vậy ít khả năng lựa chọn nguồn cung cấp một cách tự do. Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài như vậy (chẳng hạn trong công nghiệp ô tô và điện tử) thường thu hút một lượng lớn các chi tiết dây chuyền lắp ráp phụ và dịch vụ ở địa phương, tạo những cơ hội lớn cho các công ty đủ điều kiện trở thành nhà cung cấp cho chúng.

Tuy nhiên, những công ty muốn trở thành nhà cung cấp có khả năng sản xuất và cung cấp trên cơ sở toàn cầu các hệ thống phức tạp phải có năng lực thiết kế độc lập và phải giải quyết được các vấn đề liên quan đến người lắp ráp. Những đòi hỏi khắt khe như vậy làm cho các công ty địa phương ở nước chủ nhà không dễ dàng có thể tham gia vào chuỗi cung cấp, và nếu không có một chiến lược thoả đáng thì sẽ chỉ cung cấp được những yếu tố đầu vào tương đối đơn giản cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài như các hộp giấy, hộp nhựa, nguyên liệu bao gói và lắp ráp đơn giản.

✓ Tình trạng công nghệ và thị trường

Các liên kết phản ánh công nghệ được sử dụng và tình trạng thị trường của các TNC. Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tạo các sản phẩm tiêu chuẩn hoá với công nghệ thành thực và không độc quyền có xu hướng thích hướng ngoại, có nhiều nhà cung cấp được lựa chọn và không cần thiết phát triển các năng lực đặc biệt ở bất kỳ nhà cung cấp nào. ở đâu các sản phẩm là chuyên môn hoá và công nghệ cao, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có xu hướng thích tự sản xuất hoặc duy trì các mối quan hệ với một số ít các nhà cung cấp được lựa chọn.

Ngoài ra, mức độ tự chủ, thời gian hoạt động và dạng đầu tư của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài cũng ảnh hưởng đến sự phát triển các liên kết với các nhà cung cấp địa phương. Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được thiết lập thông qua M&A thường có liên kết mạnh với các nhà cung cấp trong nước hơn là các chi nhánh được thiết lập mới bởi dạng sau cần thời gian và nỗ lực để phát triển các liên kết địa phương trong khi dạng đầu có sẵn các liên kết có thể duy trì và phát triển nếu chúng có hiệu quả.

Quy mô của chi nhánh cũng là một nhân tố ảnh hưởng đến các liên kết. Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài lớn thường sử dụng nguồn lực địa phương ít hơn các chi nhánh nhỏ: chúng có thể hội tụ hoá các hoạt động tốt hơn và các nhà cung cấp địa phương nhận thấy khó khăn trong việc cung cấp một lượng lớn nhằm đáp ứng được yêu cầu của các doanh nghiệp này.

Các triển vọng liên kết cũng khác nhau theo lĩnh vực công nghiệp. Sẽ là dễ hơn cho việc tạo nguồn bên ngoài khi công nghệ có thể chia nhỏ thành các dịch vụ và công đoạn riêng lẻ so với khi nó là một quá trình liên tục. Tuy nhiên ở những nơi sự cần thiết kỹ thuật là khắt khe như trong chế tạo máy và cơ khí chính xác các hợp đồng thầu phụ là hạn chế do vậy việc xây dựng các liên kết là khó khăn.

Một số giải pháp tăng cường tăng cường liên kết giữa các doanh nghiệp và phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ:

Các phân tích trên cho thấy, việc xây dựng các liên kết giữa các doanh nghiệp trong nước với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài nhằm phát triển ngành công nghiệp phụ trợ ở nước ta trong những năm tới không phải là vấn đề đơn giản. Để thực hiện được điều này cần có nhiều các giải pháp quyết liệt và đồng bộ, trong đó việc xây dựng và phát triển các Khu công nghiệp & Khu chế xuất theo hướng này cần được coi là một giải pháp chiến lược, mang tính đột phá. Những giải pháp chính cần làm trong thời gian tới là:

➤ **Thứ nhất:** Cần có chính sách khuyến khích thu hút đầu tư nước ngoài cũng như các nhà đầu tư trong nước vào các Khu công nghiệp & Khu chế xuất một cách công khai, minh bạch. Đặc biệt cần có các thông tin chi tiết về ngành nghề, năng lực kinh doanh của các doanh nghiệp và các định hướng khuyến khích đầu tư nhằm phát triển liên kết giữa các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và các doanh nghiệp trong nước. Chính sách thu

hút đầu tư vào các Khu công nghiệp & Khu chế xuất có mục tiêu và việc cung cấp các thông tin chi tiết về các doanh nghiệp hiện hành là quan trọng bởi điều này giúp các TNC có thể dễ dàng nhận dạng cơ hội đầu tư và phát hiện được các nhà cung cấp tiềm tàng ở nước chủ nhà. Điều này cũng giúp các TNC có thể giảm rủi ro và chi phí cho việc tạo lập liên kết và đầu tư nhằm xây dựng các năng lực địa phương. Bởi vậy, cần có các chính sách giảm chi phí và tăng phần bù đắp cho việc hình thành các liên kết cho cả các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và các công ty địa phương nhằm tạo ra và khuyến khích các liên kết làm tăng hiệu quả của sản xuất và góp phần vào việc phát tán các tri thức và kỹ năng từ các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tới các công ty địa phương. Một số biện pháp nhằm tăng cường liên kết thường áp dụng trước đây như: thuế nhập khẩu cao; quy tắc về nguồn gốc; đòi hỏi hàm lượng nội địa; đòi hỏi liên doanh hay đòi hỏi về tỷ lệ xuất khẩu là những biện pháp mang tính mệnh lệnh và đa phần không thích hợp với quá trình hội nhập hiện nay. Bởi vậy, Chính phủ có thể đưa ra các ưu đãi đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài để khuyến khích các liên kết như: miễn thuế cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoặc cho phép các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được coi các chi phí liên quan tới việc hình thành liên kết là những chi phí được khấu trừ thuế. Việc tạo ra các liên kết cũng được coi như một dạng để trao tặng danh hiệu “người tiên phong” cho các nhà đầu tư nước ngoài như ở Malaysia đã trao tặng cho các công ty đầu tư vào ngành chế tạo các sản phẩm được khuyến khích hoặc tham gia vào lĩnh vực có giá trị gia tăng cao, có trình độ công nghệ cao và tạo ra các liên kết công nghiệp đáng kể, hay như ở Thái lan, đưa ra các khuyến khích đối với các đề án sử dụng các nguồn lực trong nước, phát triển cơ sở hạ tầng và lĩnh vực công nghiệp phụ trợ.

Mặt khác, cần đặc biệt chú ý đến việc tránh đưa ra các khuyến khích trong những bối cảnh ở đó các liên kết sẽ được thắt chặt ngay cả khi không có các khuyến khích bởi điều đó sẽ đơn giản dẫn tới “lợi ích trời cho” đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Hơn nữa, các khuyến khích phải được so sánh với hiệp định STRIM bởi một số khuyến khích có thể bị cấm theo hiệp định này.

- Thứ hai, cần có các biện pháp hỗ trợ việc tạo ra và làm sâu sắc các liên kết: Quá trình liên kết chịu ảnh hưởng của môi trường chính sách tổng thể

của nước chủ nhà bao gồm các khuôn khổ kinh tế và định chế của nó, khả năng nguồn nhân lực, cơ sở hạ tầng, mức độ ổn định chính trị và kinh tế vĩ mô. Tuy nhiên có nhiều bằng chứng cho thấy dung lượng và bản chất của luồng đầu tư nước ngoài vào quyết định tiềm năng cho việc hình thành các liên kết. Vì lý do này, việc thu hút có mục tiêu các nhà đầu tư nước ngoài với các tiềm năng liên kết cần được coi là một phần của chiến lược đầu tư nước ngoài tổng thể và do vậy là một yếu tố khuyến khích liên kết. Nhưng yếu tố quan trọng nhất ở nước chủ nhà ảnh hưởng đến sự hình thành liên kết là năng lực của các nhà cung cấp địa phương với giá thành và chất lượng cạnh tranh. Năng lực công nghệ và quản lý của các công ty trong nước cũng quyết định phần lớn khả năng của nền kinh tế chủ nhà để hấp thụ và thu lợi từ những tri thức mà các liên kết có thể chuyển giao.

Các nhà cung cấp công cộng và tư nhân, các hỗ trợ về tài chính, công nghệ và đào tạo thường đóng vai trò quan trọng trong quá trình củng cố sự phát triển của các nhà cung cấp tiềm năng. Thiếu các dạng hỗ trợ theo định chế này, có thể các doanh nghiệp trong nước sẽ không có được các chứng nhận chất lượng đào tạo đòi hỏi hoặc vốn cần thiết để trở nên có tính cạnh tranh và có thể đáp ứng được yêu cầu của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và do vậy không thể trở thành nhà cung ứng đầu vào cho họ.

Một số dạng hỗ trợ khác có thể cũng là quan trọng. Các nhà cung cấp địa phương - vì nhỏ về qui mô và yếu về kinh tế - có thể bất lợi khi đàm phán với người mua, nhất là khi chỉ là một công ty riêng lẻ. Chính phủ có thể giúp tạo ra một sự cân bằng vị trí đàm phán giữa người mua và nhà cung cấp bằng việc cung cấp một số hỗ trợ như: hỗ trợ về thông tin nhằm vượt qua các thất bại về thông tin liên quan đến các cơ hội liên kết. Chính phủ cần hành động bằng cách thu thập và phát triển các thông tin về cơ hội liên kết và bằng cách đảm bảo độ chính xác của các thông tin được cung cấp. Các thông tin có thể bao gồm chi tiết về giá phải trả cho các chi tiết nhất định, chất lượng và thậm chí cả sản phẩm và quá trình được sử dụng. Nó có thể bao gồm đơn giản một danh mục yếu tố đầu vào và nguyên liệu có thể thu hút ở địa phương, tên, vị trí và một số đặc trưng và cấu trúc của ngành công nghiệp cung cấp. Tuy nhiên, các số liệu càng

đồng bộ và chi tiết chúng càng hữu ích đối với người sử dụng nhưng sẽ càng tốn kém cho việc cung cấp thông tin nên Chính phủ có thể tính phí cho việc cung cấp các thông tin này. Thông tin cũng có thể được cung cấp thông qua thông báo công cộng, các hội thảo liên kết thông tin hoặc qua các triển lãm quốc tế. Ngoài ra, Chính phủ có thể hỗ trợ việc trao đổi thông tin thông qua các định chế tư nhân.

- Thứ ba, cần có các giải pháp hỗ trợ cho việc nâng cao năng lực công nghệ của các công ty địa phương. Năng lực công nghệ của các doanh nghiệp trong nước là yếu tố quyết định khả năng của họ đáp ứng được yêu cầu trở thành nhà cung cấp cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động trong một thị trường cạnh tranh ngày càng tăng. Chúng cũng ảnh hưởng đến mức độ trong đó nhà cung cấp có thể giành được những lợi thế về cơ hội cho việc nâng cấp công nghệ tiếp theo mà việc liên kết có thể tạo ra. Ngày càng nhiều các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đòi hỏi người cung cấp của họ phải thỏa mãn được các tiêu chuẩn chất lượng như ISO 9000, QS 9000, HACCP và VDA. Do vậy việc nâng cấp công nghệ của các nhà cung cấp địa phương cần được coi là một ưu tiên đối với nước chủ nhà và Chính phủ cần áp dụng các biện pháp để khuyến khích chuyển giao công nghệ từ các công ty mua sang các công ty cung cấp nhằm củng cố sự hợp tác công nghệ giữa hai bên.

Để đảm bảo đầu vào đáp ứng được các đòi hỏi công nghệ khắt khe, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thường sẵn sàng cung cấp cho các nhà cung cấp tiềm tàng không chỉ những yêu cầu cụ thể mà đôi khi cả sự trợ giúp nhằm nâng cao khả năng công nghệ của nhà cung cấp. Tuy nhiên việc mở rộng chuyển giao công nghệ phụ thuộc vào nền kinh tế chủ nhà và mức phát triển của các công ty địa phương. Các TNC đầu tư vào việc phát triển và xây dựng các năng lực địa phương chỉ khi việc đầu tư có thể trông đợi thu được lợi nhuận trong khoảng thời gian nhất định. Các nhà cung cấp có thứ bậc cao sẽ nhận được những đơn hàng lớn và có giá trị gia tăng cao với sự trợ giúp về kỹ thuật và tri thức lớn từ các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

- Thứ tư, giải pháp về đào tạo: Chính phủ nên dành những ưu tiên cho phát triển nguồn nhân lực, nhất là đào tạo nhân lực cho việc xây dựng và củng cố các liên kết. Những công cụ chính sách ở đây bao gồm các chương

trình phát triển nhân lực cho các SME hoặc chương trình đào tạo liên kết giữa nhà cung cấp và khách hàng trong đó hướng đến các chương trình hỗ trợ đào tạo từ những người mua (doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài). Trong thực tế Chính phủ còn ít quan tâm đến các khuyến khích tài chính cho các công ty (kể cả doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài) về các mục tiêu này.

- Thứ năm, các giải pháp về tài trợ: Mối liên hệ tài chính là một phần quan trọng của liên kết giữa doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và nhà cung cấp trong nước. Chúng có thể là dạng định giá về sản phẩm của nhà cung cấp hay các điều khoản tài trợ dài hạn hơn. Khi khả năng giúp nhà cung cấp thoả thuận về giá trong một nền kinh tế thị trường là giới hạn, cần có một sự bảo hộ hợp pháp chống lại các thoả thuận và các thực hành kinh doanh không bình đẳng. Các chính sách cạnh tranh đóng vai trò quan trọng ở đây. Chính phủ có thể đóng vai trò đảm bảo tài trợ hợp pháp trong các hợp đồng của các nhà cung cấp với các công ty lớn và cung cấp cho nhà cung cấp các thông tin về giá chuẩn và các cơ hội kinh doanh thay thế hoặc khuyến khích các hiệp hội kinh doanh làm như vậy. Đối với các nước đang phát triển, sự thiếu hụt tài chính là một trở ngại quan trọng mà các nhà cung cấp phải đối mặt (nhất là SME). Thách thức chính là làm thế nào để khuyến khích các hỗ trợ tài chính của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài cho các nhà cung cấp trong nước bởi các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thường có điều kiện tài chính tốt hơn. Những hỗ trợ như vậy có thể làm tăng trực tiếp nguồn lực tài chính cho nhà cung cấp, đóng góp vào việc giảm chi phí tài trợ cho họ và/hoặc giảm sự bất ổn định của các luồng tài chính. Chính phủ có thể khuyến khích bằng các biện pháp như: khuyến khích việc giảm bớt thanh toán chậm thông qua thuế; giảm thuế thu nhập để khuyến khích thanh toán ngay cho nhà cung cấp; giới hạn thanh toán chậm bằng luật pháp; tạo ra các thoả thuận đảm bảo bù đắp các khoản bị thanh toán chậm hoặc đưa ra các tài trợ gián tiếp cho nhà cung cấp thông qua người mua của họ. Chính phủ cũng có thể đưa ra các miễn giảm thuế cho nhà cung cấp; đồng tài trợ cho chương trình phát triển nhà cung cấp cùng với khu vực tư nhân hoặc cung cấp tài chính cho các công ty địa phương để nâng cao năng lực của họ hay sử dụng các hỗ trợ chính thức.

- Thứ sáu, trong định hướng xây dựng các khu công nghiệp & khu chế xuất, cần gắn sự phát triển của các khu công nghiệp & khu chế xuất với chiến lược phát triển ngành công nghiệp phụ trợ ở nước ta trong tương lai nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả lan toả của các khu này với sự phát triển kinh tế của đất nước.

Tóm lại, xây dựng các Khu công nghiệp & Khu chế xuất một cách tập trung, có mục tiêu, trong đó có nhiều doanh nghiệp trong nước có thể trở thành các nhà cung cấp cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có thể coi là một hướng đi tích cực và thiết thực nhằm phát triển ngành công nghiệp phụ trợ ở nước ta trong những năm tới. Đây còn là giải pháp nhằm tạo môi trường hấp dẫn để có thể thu hút được đầu tư nước ngoài nhiều hơn trong tương lai

III.3/. Giải pháp đối với người lao động trong Khu chế xuất:

Đi tìm các giải pháp để giải quyết vấn đề chỗ ở cho công nhân tại các Khu chế xuất là một vấn đề nan giải và bức xúc nhất hiện nay. Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay có 12 dự án nhà trọ cho công nhân được phê duyệt, có 27 doanh nghiệp đã lo được trên 7000 chỗ ở cho công nhân. Thực hiện chương trình nhà lưu trú công nhân, dự kiến đưa vào sử dụng khu lưu trú công nhân tại Khu chế xuất Linh Trung của Công ty xây dựng Sài Gòn và tại Khu chế xuất Tân Thuận của Công ty Cổ phần xây dựng và phát triển nhà Nam Sài Gòn với khoảng 3000 công nhân vào ở. Đồng thời tiếp tục xây dựng chương trình nhà lưu trú công nhân 2006 - 2010 theo quyết định của Ủy Ban Nhân Dân Thành phố.

Theo chỉ thị số 07 của Ủy ban nhân dân thành phố, từ nay đến năm 2010 Thành phố sẽ dựng 80,000 chỗ ở và 100 căn hộ bán trả góp cho người có thu nhập thấp, trong đó số lớn là công nhân.

Trong một cuộc hội thảo gần đây nhiều ý kiến đã được đưa ra nhằm giải quyết các vấn đề nan giải trên, Ông Nguyễn Minh Sang – Phó Vụ trưởng Vụ Kinh tế 9 địa phương và lãnh thổ (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) cho rằng: “Phải coi việc giải quyết nhà ở cho công nhân là một trong những mục tiêu phát triển kinh tế xã hội cần phải quyết tâm thực hiện. Doanh nghiệp bắt buộc phải dành quỹ đất để xây dựng nhà ở cho công nhân, hoặc bắt buộc doanh nghiệp phải có hợp đồng ký với các chủ nhà trọ cho công nhân ở lâu dài 5 năm, 10 năm ...”. Ông Trịnh Huy Thục (Cục quản lý nhà ở) thì đưa ra biện pháp “Xây dựng các loại

nàh thấp tầng lắp ghép công nghiệp, niên hạn sử dụng 30 năm để bớt chi phí cho doanh nghiệp”.

Cuối cùng thì cần phải hiểu rằng: Đầu tư chăm lo cho đời sống công nhân chính là tái đầu tư sản xuất, phục vụ nhân tố con người, không chỉ vật chất mà cả tinh thần cũng cần phải cải thiện.

III.4/. Định hướng phát triển các Khu chế xuất trong thời kỳ hội nhập WTO:

Hiện nay các dự án đầu tư vào Khu chế xuất nhìn chung là đang bị chững lại, một phần của lý do này là xu thế đầu tư vào Khu chế xuất của các nhà đầu tư trên thế giới đã bão hòa, không còn hấp dẫn như lúc mới hình thành. Mặc dù Khu chế xuất Tân Thuận đã từng được bầu chọn danh hiệu “ Khu chế xuất số 1 Châu Á”, nghĩa là vượt lên cả bản sao Cao Hùng. Nhưng từ giữa năm 2000 thì nó cũng bị chững lại. vào đúng thời điểm ấy thì đại diện Hiệp hội Khu chế xuất Thế giới đến tân Thuận, khuyến cáo và hướng dẫn phương án chuyển đổi Khu chế xuất thành “Khu kinh tế lợi nhuận cao”.

Việt Nam đã trở thành thành viên của WTO. Các quan hệ ứng xử trong WTO tuân thủ theo những nguyên tắc nhất định và được các nước thành viên nhất trí thông qua. Nhằm góp phần hệ thống hoá và làm rõ các quan điểm về phát triển Khu chế xuất ở Việt Nam trong điều kiện hội nhập WTO. Đây có thể là nền tảng để hình thành các chính sách và giải pháp phát triển Khu chế xuất trong điều kiện gia nhập WTO.

Quan niệm về Khu chế xuất trong thời kỳ Việt Nam gia nhập WTO:

Có nhiều quan niệm khác nhau về Khu chế xuất (KCX). Các quan niệm này được xây dựng để thực hiện các mục tiêu nhất định như phát triển các Khu chế xuất, quản lý nhà nước về Khu chế xuất hoặc khai thác tác động của Khu chế xuất đến việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Theo quan niệm thông thường, Khu chế xuất là khu chuyên sản xuất hàng giành cho xuất khẩu, ở đó áp dụng nhiều biện pháp ưu đãi như miễn thuế (xuất-nhập khẩu, thuế tài sản...) và tự do mua bán. Quy chế Khu chế xuất (Ban hành kèm theo Nghị định số 192-CP ngày 25-12-1994 của Chính phủ) quy định Khu chế xuất do Chính phủ quyết định thành lập, có ranh giới địa lý xác định, chuyên sản xuất công nghiệp và thực hiện các dịch vụ hỗ trợ sản xuất công nghiệp, không có dân cư sinh sống. Còn

theo Hiệp hội thế giới về Khu chế xuất, Khu chế xuất là tất cả các khu vực được chính phủ các nước cho phép thành lập và hoạt động như cảng tự do, khu mậu dịch tự do, Khu công nghiệp tự do hoặc bất kỳ khu vực ngoại thương hoặc khu vực khác được tổ chức này công nhận. Như vậy, quan niệm của Hiệp hội thế giới về Khu chế xuất là một quan niệm rất rộng và nó đòi hỏi các chính sách quản lý có độ linh hoạt cao và mức độ "tự do hoá" khá lớn. Tuy nhiên, cũng có quan niệm cho rằng Khu chế xuất là một khu vực phụ (subregion) không nhất thiết phải có sự ngăn cách biệt lập và trên thực tế có nhiều tập đoàn và tổ hợp công nghiệp với một chuỗi đồ sộ các xí nghiệp, nhà máy liên kết với nhau trên một khu vực rộng lớn và việc bố trí mặt bằng các khu sản xuất trên quy mô lớn như vậy hình thành một loại hình tổ chức mới của Khu chế xuất mà không nhất thiết phải có một quy chế đặc thù.

Trong giai đoạn toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế với sự chuyển dịch từ kinh tế nông nghiệp sang kinh tế công nghiệp và kinh tế tri thức, quan niệm về Khu chế xuất được mở rộng. Các giao dịch kinh tế không phải chỉ điều chỉnh bằng các quy định pháp lý trong nước mà còn bằng cả các quy định pháp lý quốc tế đặc biệt là những nguyên tắc của WTO. WTO cho phép thành lập các Khu chế xuất với những ưu đãi không được trái với các nguyên tắc điều chỉnh của WTO. Quá trình duy trì những ưu đãi này thường gắn với quá trình đàm phán giữa các bên và sau khi đã trở thành thành viên chính thức, các nước thành viên phải sửa đổi các ưu đãi "nổi trội" này để phù hợp với những nguyên tắc tự do, minh bạch và công bằng cũng như các thông lệ của WTO.

Như vậy, Khu chế xuất có thể hiểu là một phương thức tổ chức các hoạt động sản xuất sản phẩm và cung ứng dịch vụ công nghiệp với những chế độ ưu đãi đặc biệt so với các hoạt động sản xuất và cung ứng dịch vụ còn lại trên lãnh thổ của một nước nhằm khuyến khích đầu tư, thúc đẩy xuất khẩu và thực hiện các mục tiêu chính sách khác. Khu chế xuất được thành lập không chỉ để nhằm thu hút đầu tư nước ngoài mà còn cả thu hút đầu tư trong nước.

III.5/. Một số giải pháp đối với Vấn đề bảo vệ môi trường:

Trong quá trình bảo vệ môi trường để phát triển sản xuất kinh doanh, các Khu chế xuất cần nắm vững các *nguyên tắc cơ bản*: Tôn trọng và quan tâm đến cuộc sống cộng đồng xung quanh Khu chế xuất; nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân quanh vùng; bảo vệ sự sống và tính đa dạng của thiên nhiên; hạn

chế đến mức thấp nhất việc làm suy giảm các nguồn tài nguyên không tái tạo; giữ vững trong khả năng chịu đựng được của vùng sinh thái; để cho cán bộ, công nhân tự quản lý môi trường của cơ quan, đơn vị, xí nghiệp – nơi bản thân họ đang sinh sống và làm việc; xây dựng quy chế bảo vệ môi trường thống nhất, thuận lợi cho sự phát triển sản xuất, kinh doanh; xây dựng mối liên kết mật thiết với các đơn vị, cơ quan chức năng và người dân quanh vùng trong việc bảo vệ môi trường.

Trong những năm tới, các Khu chế xuất cần tập trung nỗ lực *bảo vệ và cải thiện tài nguyên môi trường, đảm bảo cho mọi người dân quanh vùng đều được sống trong môi trường trong sạch và lành mạnh*. Chấm dứt nạn đổ rác và xả nước thải chưa qua xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường. Thu gom toàn bộ rác thải sinh hoạt và rác thải công nghiệp bằng các phương pháp thích hợp, trong đó ưu tiên cho việc tái sử dụng, tái chế chất thải, hạn chế tối đa lượng rác chôn lấp. Đưa vấn đề bảo vệ môi trường vào kế hoạch, chương trình, dự án và coi đó là một trong những tiêu chí đánh giá các giải pháp phát triển của các Khu chế xuất. Lồng ghép đầy đủ và cụ thể các vấn đề môi trường vào các quy hoạch tổng thể phát triển sản xuất, kinh doanh của các Khu chế xuất đảm bảo cho các Khu chế xuất quy hoạch phát triển bền vững và không làm giảm tài nguyên. Không ngừng cải thiện chất lượng môi trường và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên. Chú trọng tăng cường đa dạng sinh học ở các vùng tài nguyên do các Khu chế xuất khai thác. Cải thiện chất lượng vùng nguyên liệu của các Khu chế xuất và có thể đầu tư trồng rừng, bảo đảm tính ổn định của các hệ sinh thái ở các vùng này.

Bảo vệ môi trường ở các Khu chế xuất vừa là điều kiện vừa là mục tiêu phát triển sản xuất, kinh doanh, nâng cao hiệu quả kinh tế và khả năng cạnh tranh. Điều đó cho thấy sự cần thiết phải tăng cường các biện pháp bảo vệ môi trường ở các Khu chế xuất, như sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên, quản lý nước, quản lý chất thải và bố trí hợp lý nơi ăn ở, điều kiện làm việc cho công nhân. Thường xuyên kiểm tra, đánh giá tác động của môi trường đối với khu vực phát triển sản xuất, kinh doanh. Thử nghiệm các phương án, chính sách để tăng thêm sự tham gia của người dân khu vực trong các dự án sản xuất; đảm bảo tiếp cận lâu dài nguồn nước bằng cách tăng cường bảo vệ nguồn nước ngầm, nước mặt. Khuyến khích phát triển áp dụng các công nghệ và quy trình sản xuất ít chất thải, công nghệ sạch, ít gây ô nhiễm môi trường. Các nhà

máy, khu tập trung nguyên liệu, chăn nuôi tập trung có thể sử dụng khí đốt sinh học và phát triển năng lượng mặt trời, gió và các nguồn nhiệt năng khác. Tăng cường đầu tư phục hồi các vùng nguyên liệu đã được khai thác để không xuất hiện nguy cơ làm tổn hại đến tài nguyên môi trường. Các Khu chế xuất cần hỗ trợ các hoạt động môi trường dựa trên cộng đồng để tăng nhận thức và sự tham gia của người dân quanh vùng.

Các Khu chế xuất cần kiểm soát ô nhiễm và ứng cứu sự cố môi trường, khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường trên các dòng sông, hồ ao, kênh mương do mình gây ra... Thực hiện các dự án về cải tạo, bảo vệ môi trường: trồng cây xanh, giữ gìn đa dạng sinh học, xây dựng các công trình làm sạch môi trường ngay trong các Khu chế xuất. Phát triển các dịch vụ môi trường như trồng vườn hoa, thu gom rác thải, cung cấp nước sạch, xây dựng các vườn sinh thái, vườn cây cảnh... Kết hợp hài hoà giữa sản xuất kinh doanh, dịch vụ với xoá đói giảm nghèo, bảo vệ tài nguyên môi trường và các tác động về mặt xã hội.

Điều quan trọng là phải giáo dục ý thức, trách nhiệm và đạo đức môi trường, nếp sống văn hoá sinh thái cho đội ngũ cán bộ công nhân viên các Khu chế xuất. Có chính sách khen thưởng cụ thể đối với người thực hiện tốt các quy định bảo vệ môi trường, bảo vệ nguồn nước, vệ sinh môi trường xanh-sạch-đẹp và xử phạt nghiêm khắc đối với người vi phạm nguyên tắc bảo vệ môi trường. Nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến về bảo vệ môi trường ở trong các Khu chế xuất. Bảo vệ môi trường và các tác động về mặt xã hội ở các Khu chế xuất là điều kiện tiên quyết để phát triển sản xuất kinh doanh, đem lại hiệu quả kinh tế cao, đảm bảo cho sự thắng lợi của công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.